

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

ĐỖ ĐÔ THÀNH

**HÀNG GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO QUY ĐỊNH
CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐỒ ĐỒ THÀNH

**HÀNG GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT
SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Quế Anh

Hà nội - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Đỗ Đô Thành

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HÀNG HÓA</i>	7
GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ	
1.1. Khái quát chung về quyền sở hữu trí tuệ và hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	7
1.1.1. Khái quát chung về quyền sở hữu trí tuệ	7
1.1.2. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	20
1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	27
1.2.1. Khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	27
1.2.2. Đặc điểm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	33
1.2.3. Các dạng hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	34
1.3. Tương quan giữa hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	35
1.4. Tương quan giữa hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ và hàng hóa chứa dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ	39
1.5. Ý nghĩa của việc xử lý hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	41
1.6. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Việt Nam về hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ	44

Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU	49
TRÍ TUỆ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH	
2.1. Các loại hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	49
2.2. Xác định hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ	52
2.2.1. Hàng hóa giả mạo về quyền tác giả	53
2.2.2. Hàng hóa giả mạo về quyền liên quan	59
2.2.3. Hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý	64
2.3. Xử lý hành vi làm giả mạo về sở hữu trí tuệ	76
2.3.1. Xử lý bằng biện pháp dân sự	77
2.3.2. Xử lý bằng một số biện pháp khác	92
Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỘT SỐ	105
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNG	
HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ	
3.1. Thực trạng hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam	105
3.1.1. Số lượng vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	106
3.1.2. Tính chất và mức độ vi phạm	110
3.1.3. Thực trạng xử lý vi phạm	111
3.2. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng gia tăng	111
3.3. Kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật liên quan đến xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong đó bao gồm cả những quy định về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ	114
3.3.1. Kiến nghị thứ nhất, cần có những quy định cụ thể hơn về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	115
3.3.2. Kiến nghị thứ hai, cần có hướng dẫn về việc bãi bỏ điều kiện gửi thư cảnh báo đến bên có hành vi vi phạm trong nghị định hoặc thông tư	116

3.3.3.	Kiến nghị thứ ba, cần có những quy định cụ thể hơn nữa trong việc xác định thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra	116
3.3.4.	Kiến nghị thứ tư, quy định trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan thực thi pháp luật	117
3.3.5.	Kiến nghị thứ năm, cần thành lập Tòa án chuyên trách về sở hữu trí tuệ	118
	KẾT LUẬN	119
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	121

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLTTDS	: Bộ luật Tố tụng dân sự
KDCN	: Kiểu dáng công nghiệp
SHCN	: Sở hữu công nghiệp
SHTT	: Sở hữu trí tuệ

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
3.1	Thống kê số vụ khiếu nại về vi phạm quyền SHCN	106
3.2	Số liệu vụ việc tranh chấp về SHTT đã được giải quyết tại Tòa án	110

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức Thương mại thế giới. Trong xu thế hội nhập chung vào nền kinh tế toàn cầu, sở hữu trí tuệ (SHTT), ở bất kỳ một quốc gia nào cho dù là quốc gia có nền kinh tế phát triển hùng mạnh hay ở những quốc gia có nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, sẽ đóng một vai trò hết sức quan trọng bởi đơn giản nó là một trong những cấu thành của kinh tế tri thức - nền kinh tế được nhận định và đánh giá là sẽ quyết định đến sự phát triển lớn mạnh và bền vững của từng quốc gia cũng như nền kinh tế toàn cầu trong một tương lai không xa.

Nhận thức được tầm quan trọng của SHTT đối với sự hội nhập và phát triển của đất nước nên trong nhiều năm qua đặc biệt là trong khoảng thời gian từ năm 2001-2010, Nhà nước ta đã vạch ra một trong các mục tiêu và chiến lược để đưa đất nước phát triển đó là: chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Một trong những nhiệm vụ trong giai đoạn nói trên cần phải thực hiện trước khi gia nhập WTO đó là xây dựng một bộ khung pháp lý đầy đủ và toàn diện về lĩnh vực SHTT để các quyền SHTT có thể được xác lập và thực thi một cách tốt nhất.

Từ mục tiêu và chiến lược nêu trên, những năm gần đây, SHTT thực sự đã và đang dần có những bước phát triển khá mạnh mẽ cả về mặt xác lập và thực thi quyền ở Việt Nam. Một trong những minh chứng rõ nét nhất cho sự phát triển này chính là việc nhà nước ta đã ban hành một loạt các văn bản về SHTT để một mặt xây dựng một bộ khung pháp lý đầy đủ và vững chắc giúp chúng ta tạo tiền đề để có thể hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế thế giới, mặt khác sẽ giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các chủ thể quyền sở hữu và

người sử dụng hợp pháp các đối tượng SHTT có thể quản lý và bảo vệ tốt hơn quyền SHTT của mình. Qua việc chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp sẽ giúp cho tác giả có điều kiện tìm hiểu và nghiên cứu sâu hơn và đầy đủ hơn về các quy định hiện hành của pháp Luật SHTT Việt Nam về lĩnh vực SHTT nói chung và những quy định của pháp luật về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng qua đó sẽ giúp cho tác giả có một cái nhìn khái quát và toàn diện hơn về hệ thống pháp luật SHTT hiện hành cũng như thực trạng thực thi quyền SHTT ở Việt Nam về lĩnh vực tác giả đang nghiên cứu này.

Về mặt xây dựng hệ thống pháp luật về SHTT, qua thực tiễn nghiên cứu và tìm hiểu các quy định của pháp luật về SHTT của Việt Nam, tác giả nhận thấy một trong những điểm hạn chế và bất cập trong các văn bản pháp luật về SHTT trước khi Quốc hội ban hành Luật SHTT năm 2005 đó là chưa có sự phân định thật sự rõ ràng giữa hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT mà thay vào đó là việc đánh đồng hai loại hàng hóa này cùng với các hàng hóa giả mạo khác bằng việc quy định về hàng giả nói chung (ví dụ như hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, kiểu dáng; hàng giả về chất lượng, công dụng...). Chính điều này đã ít nhiều gây nên sự khó khăn trong việc xác định và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT cho cả cơ quan thực thi pháp luật cũng như các chủ thể quyền SHTT. Kể từ khi Luật SHTT năm 2005 ra đời và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2006 sau đó được sửa đổi và bổ sung một số điều vào năm 2009 (Luật SHTT), cũng như một số văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành luật này được ban hành đã có những quy định khá cụ thể về hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT. Sự quy định cụ thể này đã phần nào giải quyết được những bất cập trước đây đặc biệt là sẽ giúp cho các cơ quan thực thi pháp luật có thể giải quyết nhanh và xử lý đúng với tính chất và mức độ của các hành vi xâm phạm quyền SHTT nhằm bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp quyền SHTT. Mặc dù vậy, qua thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về hàng hóa giả mạo về SHTT cho thấy, không phải ai đọc các văn bản pháp luật về SHTT cũng có thể dễ dàng nhận ra ranh giới của sự khác biệt giữa hàng hóa giả

mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm về SHTT, kể cả những người đang công tác trong lĩnh vực SHTT. Do vậy, việc chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp, một mặt sẽ giúp cho chính tác giả có thể tìm hiểu cũng như phân biệt được ranh giới của hai loại hàng hóa này, mặt khác sẽ cung cấp thêm một nguồn tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm đến lĩnh vực SHTT về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng.

Dưới góc độ thực tế áp dụng và thực thi quyền SHTT, tác giả nhận thấy trong những năm gần đây tình trạng sản xuất, buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng ngày càng gia tăng ở Việt Nam cả về tính chất và quy mô vi phạm. Nạn sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT không chỉ gây thiệt hại cũng như có ảnh hưởng xấu về nhiều mặt cho người tiêu dùng, cho các chủ sở hữu có quyền SHTT bị xâm phạm mà còn có tác dụng tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Do đó, việc chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp sẽ giúp cho tác giả có thể tìm hiểu sâu hơn đến tác hại của nạn sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT, qua đó sẽ đóng góp một số ý kiến góp phần ngăn chặn tệ nạn này.

Ngoài ra, tác giả nhận thấy thực tiễn áp dụng các quy định của Luật SHTT trong việc xác định và xử lý hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT còn có một số vướng mắc và khó khăn cho cả cơ quan thực thi pháp luật cũng như cho các chủ sở hữu và người sử dụng hợp pháp các đối tượng SHTT. Do đó, việc chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp sẽ giúp cho tác giả có điều kiện chỉ ra những khó khăn và vướng mắc được tác giả nhận thấy thông qua quá trình tác nghiệp, qua đó sẽ đề xuất một số giải pháp để có thể giải quyết những khó khăn này.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài này tại Việt Nam

Theo tìm hiểu chủ quan của tác giả, tính đến thời điểm tác giả chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp, cũng có một số công trình nghiên cứu khoa học dưới dạng luận văn tốt nghiệp, bài viết có liên quan đến lĩnh vực hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT.

Một số công trình nghiên cứu dưới dạng luận văn tốt nghiệp có thể kể đến như: *Đấu tranh phòng chống tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả ở Việt*

Nam hiện nay (Luận văn thạc sĩ Luật học của Đỗ Thị Lan, Trường Đại học Luật Hà Nội, 1998); *Đánh giá yếu tố xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của hàng giả trong hoạt động của quản lý thị trường* (Luận văn thạc sĩ Luật học của Chu Thị Thu Hương, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2006); *Bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam* (Khóa luận tốt nghiệp của Đinh Thị Thúy Vân, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2011)...

Một số công trình nghiên cứu khoa học dưới dạng bài viết có liên quan đến đề tài của tác giả có thể kể đến như: *Nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ*, của TS. Nguyễn Thị Quế Anh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004; *Hoạt động thực thi quyền tác giả trên địa bàn thành phố Hà Nội*, đăng trên Tạp chí SHTT của Hội SHTT Việt Nam, số 39 năm 2004, của tác giả Phan Đăng Long...

Tuy nhiên, tác giả nhận thấy chưa có một công trình nghiên cứu khoa học nào đi sâu vào phân tích một cách có hệ thống về hàng hóa giả mạo về SHTT theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó, việc tác giả chọn đề tài "**Hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam**" làm luận văn tốt nghiệp sẽ không bị trùng lặp với các công trình nghiên cứu tương tự trước đó đã được công bố trước đó.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về hàng hóa giả mạo về SHTT cũng như phân tích thực trạng áp dụng và xử lý hàng hóa giả mạo về SHTT ở Việt Nam, tác giả sẽ đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn về hệ thống các quy định của pháp luật về hàng hóa giả mạo về SHTT cũng như một số biện pháp nhằm góp phần ngăn chặn và xử lý hiệu quả hơn đối với các hành vi sản xuất, buôn bán loại hàng hóa này qua đó góp phần xây dựng một môi trường SHTT ngày một trong sạch và lành mạnh hơn ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Chọn đề tài này làm luận văn tốt nghiệp, tác giả đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về hàng hóa giả mạo về SHTT.
- Phân tích hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam về SHTT liên quan hàng hóa giả mạo về SHTT từ đó đặt ra những vấn đề, nội dung bắt cập cần được khắc phục, sửa đổi, bổ sung.
- Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về hàng hóa giả mạo về SHTT, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT.

4. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng chính mà đề tài hướng đến nghiên cứu là các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về SHTT liên quan đến hàng hóa giả mạo về SHTT, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp Luật SHTT trong việc xác định và xử lý hàng hóa giả mạo về SHTT của các cơ quan thực thi pháp luật.

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Trong phạm vi của một luận văn thạc sĩ, tác giả chủ yếu tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận của hệ thống pháp luật Việt Nam về SHTT liên quan đến hàng hóa giả mạo về SHTT cùng với việc đánh giá thực trạng áp dụng và thực thi các quy định của pháp luật của các cơ quan chức năng cũng như của các chủ thể quyền SHTT có liên quan đến loại hàng hóa này.

6. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn của tác giả được viết dựa theo các cơ sở lý luận là các thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử pháp luật, lý luận về pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, sách chuyên khảo và các bài đăng trên tạp chí của các nhà khoa học - luật gia Việt Nam và nước ngoài. Bên cạnh đó, để góp phần phân tích khoa học nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về hàng hóa giả mạo về SHTT trong quá trình viết luận văn, tác giả còn sử dụng phương pháp phân tích pháp luật.

Luận văn của tác giả đã sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp phân tích, so sánh, quy nạp, thống kê... để tiếp cận, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn có trong đề tài.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Về mặt lý luận:

- Thông qua việc nghiên cứu lịch sử phát triển các quy định của pháp luật về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT, luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ tính kế thừa và phát triển của các quy định pháp luật về vấn đề có liên quan này;

- Luận văn cũng góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng giả và hàng hóa giả mạo về SHTT.

Về mặt thực tiễn:

- Luận văn sẽ đóng góp một cái nhìn toàn cảnh về thực trạng áp dụng và thực thi các quy định của pháp luật về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng giả nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT của các chủ thể quyền SHTT cũng như của các cơ quan thực thi pháp luật để từ đó có thể chỉ ra được những quy định còn bất cập, chưa hợp lý để đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung;

- Ngoài ra, thông qua đề tài nghiên cứu này luận văn sẽ đóng góp một cái nhìn toàn cảnh về thực trạng sản xuất, kinh doanh về hàng hóa giả mạo về SHTT của Việt Nam. Qua đó có thể chỉ ra những tác hại của loại hàng hóa này đối với sức khỏe và nền kinh tế quốc gia để đề xuất những giải pháp để phòng ngừa và ngăn chặn tệ nạn này.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

Chương 2: Các quy định về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo pháp luật hiện hành.

Chương 3: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật Việt Nam về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG
VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1.1.1. Khái quát chung về quyền sở hữu trí tuệ

Trên thế giới, đặc biệt là ở những nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ, các nước trong Khối cộng đồng chung Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc... thuật ngữ SHTT hoặc tài sản SHTT đã trở nên quen thuộc với nhiều người dân và các doanh nghiệp vì ở các quốc gia này SHTT là lĩnh vực rất được mọi người quan tâm và có lịch sử phát triển lâu đời. Việt Nam là một quốc gia có nền kinh tế đang phát triển nên SHTT vẫn còn là một trong những lĩnh vực còn khá mới mẻ, chưa thật sự được nhiều người biết đến một cách sâu sắc về loại tài sản đặc thù này. Để có thể hiểu được một cách cơ bản nhất về quyền SHTT, các nội dung cơ bản sau đây cần thiết được tìm hiểu.

1.1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ

Có lẽ đối với những người không trực tiếp làm việc về lĩnh vực SHTT hoặc chưa có thời gian tìm hiểu nhiều về pháp Luật SHTT, họ thường có những câu hỏi băn khoăn rằng tài sản SHTT là gì? hoặc tài sản này được pháp luật quy định và bảo hộ như thế nào?... Để diễn tả một cách dễ hiểu về loại tài sản là quyền SHTT, chúng ta có thể nhìn nhận về loại tài sản này từ thực tiễn cuộc sống như sau: hàng ngày, con người có thể sáng tạo rất nhiều sản phẩm mang tính tạo nhưng không phải tất cả các sản phẩm có chứa các ý tưởng sáng tạo đó đều được pháp Luật SHTT bảo hộ là tài sản SHTT. Chỉ có những sản phẩm trí tuệ được pháp Luật SHTT thừa nhận và bảo hộ thì chúng mới được gọi là tài sản SHTT. Ví dụ, tại giải vô địch bóng đá quốc gia Đông Nam Á (AFF Suzuki cup 2008), Ông Calisto, huấn luyện viên trưởng đội tuyển bóng đá Việt Nam, đã nghiên cứu để tuyển chọn được những cầu thủ

bóng đá giỏi như thủ môn Dương Hồng Sơn, trung vệ Như Thành, tiền đạo Công Vinh... rồi sau đó sắp xếp họ thành những đội hình chiến thuật khác nhau để đá thắng đội Singapore ở vòng bán kết, thắng đội Thái Lan ở trận chung kết để lên ngôi vô địch, là một sản phẩm trí tuệ của vị huấn luyện viên người Bồ Đào Nha (thể hiện ở việc sắp xếp đội hình chiến thuật thi đấu...). Tuy nhiên, để sản phẩm mang tính trí tuệ nói trên được pháp Luật SHTT của Việt Nam bảo hộ là một tài sản SHTT, thì Ông Calisto cần phải thể hiện các ý tưởng sáng tạo nói trên của mình dưới một hình thức nhất định ví dụ như viết các ý tưởng sáng tạo này của mình thành một cuốn sách về bóng đá...

Theo đó, tác giả có thể đưa ra khái niệm về quyền SHTT dưới góc độ pháp lý như sau: *quyền SHTT là quyền đối với những tài sản trí tuệ được con người sáng tạo ra từ hoạt động tư duy, hoạt động sáng tạo, đầu tư của mình và thành quả của hoạt động sáng tạo, đầu tư đó được pháp luật thừa nhận và bảo hộ*. Từ khái niệm về tài sản SHTT như trên, có thể hiểu đối tượng của loại sở hữu này là các tài sản phi vật chất nhưng có giá trị kinh tế, tinh thần to lớn góp phần quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển nền văn minh, khoa học, công nghệ của nhân loại bao gồm các tác phẩm văn học, nghệ thuật, các công trình khoa học kỹ thuật ứng dụng, các tên gọi, hình ảnh được sử dụng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại.

1.1.1.2. Phân loại quyền sở hữu trí tuệ

Có thể ở hệ thống pháp luật quốc tế hoặc hệ thống pháp luật của từng quốc gia có những quy định không hoàn toàn giống nhau về các đối tượng quyền SHTT được bảo hộ hoặc thậm chí các lĩnh vực quyền SHTT. Cụ thể, theo quy định tại Công ước thành lập WIPO tại Stockholm ngày 14/07/1967 có đã đưa ra hệ thống các đối tượng thuộc phạm trù SHTT được chấp nhận trên toàn thế giới như sau:

"intellectual property" shall include the rights relating to:
literary, artistic and scientific works, performances of performing artists, phonograms, and broadcasts, inventions in all fields of human

endeavor, scientific discoveries, industrial designs, trademarks, service marks, and commercial names and designations, protection against unfair competition and all other rights resulting from intellectual activity in the industrial, scientific, literary or artistic fields [49, Article 2].

Tác giả tạm dịch như sau:

Sở hữu trí tuệ bao gồm các quyền gắn liền với các đối tượng: tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học; cuộc biểu diễn của nghệ sĩ biểu diễn, bản ghi âm và cuộc phát sóng; sáng chế thuộc mọi lĩnh vực nỗ lực của con người; phát minh khoa học; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu, tên và chỉ dẫn thương mại; bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh; tất cả các quyền khác là kết quả của hoạt động trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật [49, Điều 2].

Như vậy, theo quy định của Công ước Stockholm, thì quyền SHTT bao gồm hai lĩnh vực quyền mang tính truyền thống đó là: quyền tác giả, quyền liên quan; và quyền sở hữu công nghiệp (SHCN). Trong khi đó, theo quy định của Luật SHTT của Việt Nam, quyền SHTT là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; quyền SHCN; và quyền đối với giống cây trồng.

- *Quyền tác giả và quyền liên quan*: Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Quyền liên quan đến quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa. Các tài sản quyền SHTT ở lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan luôn được pháp luật bảo hộ quyền nhân thân và quyền tài sản. Chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan được độc quyền sử dụng và khai thác tác phẩm của mình. Ngoại trừ những trường hợp được pháp luật cho phép sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao thì mọi hành vi sao chép, trích dịch, công bố, phổ biến, ... nhằm mục đích kinh doanh mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan đều bị coi là xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đến tác giả.

- *Quyền SHCN*: Quyền SHCN bao gồm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp (KDCN), nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh, quyền chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh và các quyền SHCN khác do pháp luật quy định. Quyền SHCN bảo hộ quyền sử dụng độc quyền vì mục đích kinh tế và quyền định đoạt của các chủ sở hữu các đối tượng SHCN. Luật về SHCN bảo hộ nội dung ý tưởng sáng tạo và uy tín kinh doanh. SHCN không phải là một loại sở hữu có liên quan đến tài sản hữu hình dùng trong công nghiệp mà là sở hữu đối với tài sản vô hình. Đó là sáng chế, giải pháp hữu ích, v.v... Kể cả những đối tượng có thể tưởng là tài sản hữu hình như KDCN hay nhãn hiệu hàng hóa cũng không phải là tài sản hữu hình. Cái mà pháp luật hướng tới bảo vệ trong quan hệ pháp luật dân sự về SHCN không phải là kiểu dáng một chiếc xe hay một bộ quần áo, hay một dấu hiệu gắn trên hàng hóa, mà là những đối tượng vô hình đứng đằng sau kiểu dáng hay nhãn hiệu, là thành quả lao động sáng tạo hay uy tín kinh doanh của chủ sở hữu đối tượng đó.

- *Quyền đối với giống cây trồng*: Giống cây trồng là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được. Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu. Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là giống cây trồng và vật liệu nhân giống. Đối tượng được pháp luật hướng tới bảo vệ đối với giống cây trồng chính là tính mới, tính ổn định, đồng nhất và khả năng phân biệt với các giống cây trồng khác. Quyền đối với giống cây trồng được xác lập trên cơ sở quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật SHTT.

1.1.1.3. Đặc điểm quyền sở hữu trí tuệ

Theo quy định của pháp luật, quyền SHTT là một loại quyền tài sản. Tài sản là quyền SHTT được hình thành từ hoạt động sáng tạo của con người nên quyền SHTT có những đặc điểm riêng biệt như sau:

- *Sở hữu trí tuệ mang tính chất vô hình*: Thông thường khi nói đến tài sản, mọi người thường nghĩ đến những tài sản hữu hình có thể nhìn thấy được bằng thị giác. Tuy nhiên, quyền SHTT là loại tài sản vô hình, phi vật chất không thể nhìn thấy bằng mắt thường nên chủ sở hữu của loại tài sản này sẽ giữ quyền, không nắm giữ vật như những tài sản hữu hình khác. Nội dung sở hữu của loại tài sản này cũng có điểm đặc thù, cụ thể đối với sở hữu thông thường, chủ sở hữu có đủ ba quyền bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Tuy nhiên, đối với quyền SHTT thì pháp luật không quy định gì về quyền chiếm hữu. Điều này là xuất phát từ đặc tính vô hình của các đối tượng SHTT. Chúng ta không thể nắm bắt, chiếm hữu được các kiến thức về một giải pháp kỹ thuật hay một KDCN. Chỉ có một cách duy nhất để chiếm hữu chúng là giữ bí mật kiến thức đó. Một khi kiến thức được công bố, phổ biến thì bất cứ ai cũng có khả năng sử dụng và bắt chước theo. Chính vì điểm đặc thù này nên nếu các kiến thức đó không được pháp luật bảo hộ, thì sẽ dẫn đến hậu quả là không ai chịu phổ biến các bí quyết mà mình biết, và hậu quả là trình độ khoa học kỹ thuật không phát triển được. Ngoài ra, mặc dù quyền SHTT là tài sản vô hình nhưng nó thường có vai trò quan trọng và có giá trị kinh tế lớn, thậm chí loại tài sản này có khả năng làm thay đổi vị thế của chủ sở hữu trên thương trường, hoặc quyết định đến sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp. Một nhà tư bản thành đạt ở phương tây đã từng tuyên bố với các thành viên trong Hội đồng quản trị của công ty mình rằng, nếu có một ngày nào buộc ông phải lựa chọn tài sản của công ty mình, thì ông ta sẽ nhường lại toàn bộ tài sản hữu hình bao gồm đất đai, nhà xưởng, máy móc và dây chuyền công nghệ cho các thành viên khác để được chọn các quyền SHTT của công ty. Rõ ràng tuyên bố của nhà tư bản phương Tây nói trên cho thấy giá trị của loại tài sản vô hình là các quyền SHTT là như thế nào.

- *Quyền SHTT bị giới hạn về thời hạn bảo hộ*: Do SHTT là loại quyền tài sản được pháp luật công nhận và bảo hộ cho những sản phẩm trí tuệ đáp ứng được những điều kiện luật định. Tuy nhiên sự bảo hộ độc quyền của loại tài sản này không chỉ bị đặt trong vòng kiểm soát của nhà nước mà nó còn bị khống chế bảo hộ trong một khoảng thời gian nhất định. Thời gian bảo hộ quyền tác giả thông thường có thời hạn bảo hộ dài hơn so với quyền SHCN, cụ thể ở lĩnh vực quyền tác giả, chỉ có quyền nhân thân (ngoại trừ quyền công bố tác phẩm) là được bảo hộ vô thời hạn, đối với quyền tài sản, tùy thuộc vào loại hình tác phẩm, chỉ được bảo hộ trong một khoảng thời gian nhất định. Ví dụ, theo Luật SHTT của Việt Nam, quyền tài sản của tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là bảy mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên; đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng chưa được công bố trong thời hạn hai mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình thì thời hạn bảo hộ là một trăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình...(Điều 27, Luật SHTT); ở lĩnh vực quyền SHCN, ngoại trừ các đối tượng như tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh sẽ được pháp Luật SHTT bảo hộ vô thời hạn khi những đối tượng này thỏa mãn các điều kiện theo như quy định của Luật SHTT. Các đối tượng SHCN khác chỉ được pháp luật bảo hộ trong một khoảng thời gian nhất định, cụ thể: Bằng độc quyền sáng chế có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết hai mươi năm kể từ ngày nộp đơn, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết mười năm kể từ ngày nộp đơn, Bằng độc quyền KDCN có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết năm năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn hai lần liên tiếp, mỗi lần năm năm, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực từ ngày cấp đến hết mười năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần mười năm... (Điều 93, Luật SHTT). Một trong những lý do quyền SHTT bị khống chế như vậy là để đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích của chủ sở hữu tài sản SHTT và lợi ích xã hội bởi tài sản SHTT được con người sáng tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của nhân

loại được tốt hơn, do đó chủ sở hữu, sau một khoảng thời gian được độc quyền sử dụng cũng như khai thác giá trị thương mại của tài sản trí tuệ do mình tạo ra, thì sản phẩm trí tuệ ấy phải được nhân loại sử dụng thì nó mới có ý nghĩa.

- *Quyền SHTT bị giới hạn về không gian bảo hộ*: Đối với quyền SHTT, sự giới hạn bảo hộ và thực thi trong phạm vi lãnh thổ cũng là một trong những đặc điểm của loại tài sản này. Xuất phát từ điểm đặc thù này nên tất cả các đối tượng SHTT ở lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan và các đối tượng SHTT ở lĩnh vực quyền SHCN sau khi được pháp luật của một (hoặc một số) quốc gia nhất định ghi nhận hoặc công nhận bảo hộ, thì các quyền SHTT chỉ có hiệu lực trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Không có đối tượng quyền SHTT được bảo hộ trên phạm vi toàn cầu. Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A, được Cục SHTT cấp Bằng độc quyền sáng chế cho sản phẩm có tên gọi Máy gặt lúa liên hợp, theo đó bằng độc quyền sáng chế này chỉ có giá trị sử dụng cũng như giá trị khai thác thương mại trong phạm vi lãnh thổ của Việt Nam trong một thời hạn luật định. Ông Nguyễn Văn A muốn sáng chế của mình có giá trị ở Trung Quốc, Thái Lan hay ở bất kỳ quốc gia nào khác, thì phải tiến hành thủ tục đăng ký sáng chế của mình ở từng quốc gia này và chỉ khi sáng chế đó đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ và được luật pháp của các nước đăng ký cấp văn bằng thì sáng chế của Ông Nguyễn Văn A mới có hiệu lực ở các quốc gia này.

- *Nội dung SHTT thường bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản*: Quyền SHTT là một loại quyền dân sự, hầu hết các tác giả đồng thời là chủ sở hữu của các loại tài sản này thường được pháp luật bảo hộ quyền nhân thân và quyền tài sản. Hay nói một cách khác, quyền nhân thân được pháp luật trao cho các tác giả sáng tạo ra những đối tượng SHTT được bảo hộ trong các lĩnh vực văn học (như tác giả của một bài thơ...), nghệ thuật (ví dụ như tác giả của một tác phẩm âm nhạc...) hay kỹ thuật (như tác giả của một sáng chế, KDCN...). Quyền nhân thân được pháp luật bảo hộ vô thời hạn (trừ quyền công bố tác phẩm) như quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền được đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, quyền được bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, quyền được ghi tên

là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền KDCN và Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn. Quyền tài sản là những quyền được pháp luật trao cho chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp các đối tượng SHTT được độc quyền khai thác và sử dụng các đối tượng SHTT của mình. Hiện nay pháp luật của Việt Nam chỉ bảo hộ quyền nhân thân và quyền tài sản đối với các đối tượng quyền ở lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, quyền đối với giống cây trồng và một số đối tượng thuộc lĩnh vực SHCN như sáng chế, giải pháp hữu ích, KDCN, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn như đề cập ở trên. Các đối tượng SHCN khác như nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh, pháp luật chỉ bảo hộ quyền tài sản, không bảo hộ quyền nhân thân. Lý do có sự khác nhau về nội dung quyền SHTT của các đối tượng SHTT nêu trên là xuất phát từ chính điểm đặc thù của các đối tượng SHTT, cụ thể như sau:

Để có thể sáng tạo ra các đối tượng được pháp luật SHTT bảo hộ trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, quyền đối với giống cây trồng và một số đối tượng ở lĩnh vực SHCN như sáng chế, giải pháp hữu ích, KDCN, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, đòi hỏi tác giả và chủ sở hữu các đối tượng SHTT này phải đầu tư ra một khoảng thời gian và kinh phí không hề nhỏ, thậm chí là rất lớn. Do đó, để cân bằng lợi ích giữa tác giả và chủ sở hữu các đối tượng SHTT nói trên, pháp luật đã quy định các đối tượng SHTT này vừa được bảo hộ quyền nhân thân và quyền tài sản. Ví dụ, một tác giả của hãng Honda thiết kế ra một KDCN của một loại xe máy có tên gọi Dream... sau khi KDCN của chiếc xe máy được thiết kế và được hãng Honda đăng ký bảo hộ và sản xuất sản phẩm bán trên thị trường, thì tác giả sáng tạo ra chiếc xe máy nói trên sẽ được pháp luật bảo hộ quyền nhân thân và hãng xe máy Honda sẽ được pháp luật bảo hộ quyền tài sản.

Các đối tượng SHTT ở lĩnh vực SHCN như nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh chỉ được pháp luật bảo hộ quyền tài sản, không được bảo hộ quyền nhân thân là bởi bản thân các đối tượng SHCN này

sau khi được tạo ra không tạo nên bất kỳ giá tinh thần hoặc giá trị thương mại nào, mà các đối tượng SHCN này sau khi được pháp luật bảo hộ, sẽ được gắn lên các hàng hóa, dịch vụ cụ thể mới có thể tạo ra những giá trị thương mại nhất định. Hay nói một cách khác, chính sản phẩm, dịch vụ được gắn bởi các đối tượng SHCN nói trên mới chính là những đối tượng tạo ra những giá trị thương mại cho chủ sở hữu, ví dụ: hãng Honda thiết kế ra một mẫu nhãn hiệu rất đẹp có tên gọi Deam II nhưng vì mẫu nhãn hiệu này không thể tồn tại độc lập, như sự tồn tại của một bức tranh, một bài thơ... nên không tạo ra được giá trị tinh thần cho người thiết kế và cho nhân loại mà nhãn hiệu này phải được gắn lên một loại sản phẩm hoặc dịch vụ tốt, có uy tín do hãng Honda sản xuất hoặc cung cấp thì nhãn hiệu nói trên mới có thể đem lại những giá trị thương mại cho hãng Honda. Chính vì vậy nên các đối tượng SHCN nói trên chỉ được pháp luật bảo hộ quyền tài sản, không được bảo hộ quyền nhân thân.

- *Chủ sở hữu quyền SHTT có quyền độc quyền sử dụng đối tượng SHTT dưới những hình thức do pháp luật quy định:* Sử dụng đối tượng SHTT có thể được hiểu một cách đơn giản nhất là việc chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp quyền SHTT ứng dụng các đối tượng SHTT được pháp luật bảo hộ của mình vào cuộc sống, vào việc sản xuất, kinh doanh... ví dụ như biểu diễn tác phẩm trước công chúng (quyền tác giả), sản xuất sản phẩm được bảo hộ, áp dụng quy trình được bảo hộ... (sáng chế), sản xuất sản phẩm có hình dáng bên ngoài là KDCN được bảo hộ (KDCN), gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh (nhãn hiệu)... Khai thác quyền SHTT là việc chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp quyền SHTT tiến hành khai thác các giá trị thương mại của các đối tượng quyền SHTT thông qua các hoạt động như: việc sử dụng các đối tượng SHTT trong sản xuất, kinh doanh, chuyển giao quyền SHTT; chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu, nhượng quyền thương mại, chuyển giao công nghệ, góp vốn, hợp tác kinh doanh bằng quyền SHTT... Thông thường để có thể sáng tạo ra một loại tài

sản trí tuệ được pháp Luật SHTT bảo hộ, đặc biệt là những sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao, con người thường phải đầu tư khá nhiều thời gian, công sức và tiền bạc mới có thể sáng tạo ra được. Do đó, sau khi sản phẩm trí tuệ ấy được pháp luật bảo hộ, thì chỉ có chủ sở hữu quyền SHTT mới có quyền ứng dụng các kiến thức của mình vào cuộc sống, chỉ có họ mới có quyền chuyển giao, phổ biến kiến thức của mình, chỉ có họ mới được phép bán những sản phẩm hình thành từ thành quả lao động sáng tạo của họ. Nếu thiếu từ độc quyền thì toàn bộ chế định về SHTT sẽ mất hết ý nghĩa. Những người lao động sáng tạo không cần phải chờ đến khi có luật về SHTT mới biết cách sử dụng và bán các kiến thức của mình, nhưng nếu không có luật về SHTT thì bất cứ ai cũng có thể ăn cắp sáng kiến của các chủ thể quyền và làm giàu trên công sức của những người lao động sáng tạo. Đến một lúc nào đó sẽ không còn ai có ý định sáng tạo để phục vụ xã hội nữa. Bản thân từ độc quyền cũng có sức hút rất lớn vì nó sẽ khuyến khích mọi người thi đua sáng tạo để được cấp bằng độc quyền bởi trong kinh doanh, được bảo hộ độc quyền là đã đạt được một ưu thế lớn đối với các đối thủ cạnh tranh của mình. Chính vì vậy, để đánh giá Luật SHTT có đáp ứng được nhu cầu của xã hội hay không chính là ở chỗ nó có đảm bảo được cho chủ sở hữu đối tượng SHTT được độc quyền sử dụng, định đoạt đối tượng mình sở hữu hay không. Tuy nhiên, có một điểm lưu ý về vấn đề độc quyền trong lĩnh vực SHTT đó là, mặc dù quyền SHTT là một dạng độc quyền, song đây không hẳn là một sự độc quyền mang tính tuyệt đối. Hơn nữa, độc quyền của SHTT là độc quyền được thực hiện thông qua cơ chế bảo hộ của pháp luật và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực thi và kiểm soát. Điều này có nghĩa, trong một số trường hợp chủ sở hữu quyền SHTT sẽ không có quyền ngăn cấm người khác sử dụng sản phẩm trí tuệ của mình nếu nó thuộc vào những trường hợp được pháp luật cho phép, những trường hợp này còn được gọi là giới hạn quyền SHTT, ví dụ có thể sao chép một bản của một tác phẩm văn học nào đó để phục vụ cho mục đích cá nhân, hay mục đích giảng dạy mà không cần phải xin phép và trả thù lao cho chủ sở hữu tác phẩm ấy...

1.1.1.4. Cơ chế xác lập quyền sở hữu trí tuệ

Không phải tất cả các đối tượng SHTT đều có cơ chế xác lập quyền giống nhau. Thậm chí, ngay cả các đối tượng quyền SHTT thuộc cùng một lĩnh vực quyền được gọi là quyền SHCN, thì cơ chế xác lập quyền của một số đối tượng SHCN cũng khác nhau, cụ thể như sau:

- *Lĩnh vực quyền tác giả*: Theo quy định tại Điều 6.1, Luật SHTT, quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký. Điều này có nghĩa, sau khi một đối tượng SHTT thuộc lĩnh vực quyền tác giả được tác giả sáng tạo ra và được thể hiện dưới một hình thức nhất định như một bài thơ được viết ra, hoặc một bức tranh được sáng tạo ra... thì tác giả của các tác phẩm này đã được pháp luật thừa nhận và bảo hộ, tác giả hoặc chủ sở hữu không bắt buộc phải đăng ký tại Cục Bản quyền tác giả.

- *Lĩnh vực quyền liên quan*: Theo quy định tại Điều 6.2, Luật SHTT, quyền liên quan phát sinh kể từ khi cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được định hình hoặc thực hiện mà không gây phương hại đến quyền tác giả. Như vậy, cơ chế xác lập quyền liên quan cũng giống như cơ chế xác lập quyền tác giả, các đối tượng SHTT thuộc hai lĩnh vực này đều được pháp luật bảo hộ theo cơ chế tự động, có nghĩa là ngay sau khi một cuộc biểu diễn hoặc một bản ghi âm, ghi hình... được định hình là các đối tượng quyền liên quan này sẽ tự động được pháp luật bảo hộ, tác giả hoặc chủ sở hữu không bắt buộc phải đem tác phẩm của mình đến Cục Bản quyền đăng ký cũng sẽ được pháp luật bảo hộ đầy đủ các quyền nhân thân và quyền tài sản.

- *Lĩnh vực quyền SHCN*: Theo quy định tại Điều 6.3, Luật SHTT, quyền SHCN đối với sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Cục SHTT theo thủ tục đăng ký bắt buộc hoặc được

công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, có một trường hợp ngoại lệ đối với nhãn hiệu nổi tiếng, cụ thể đối với nhãn hiệu nổi tiếng, quyền sở hữu được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký. Quyền SHCN đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại đó. Quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh được xác lập trên cơ sở có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó. Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh được xác lập trên cơ sở hoạt động cạnh tranh trong kinh doanh. Như vậy, ở lĩnh vực quyền SHCN, pháp luật đã phân ra làm hai nhóm đối tượng trong đó:

Các đối tượng SHCN như sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, sẽ được pháp luật bảo hộ sau khi các đối tượng này được nộp đơn đăng ký vào Cục SHTT và được cấp văn bằng bảo hộ. Điều này cũng có nghĩa, sau khi các đối tượng SHCN nói trên được thiết kế, sáng tạo ra và thậm chí được chủ sở hữu nộp đơn đăng ký vào Cục SHTT nhưng trong quá trình xét nghiệm, Cục SHTT kết luận các đối tượng này không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định của pháp luật và không được cấp văn bằng bảo hộ thì cũng sẽ không được pháp luật bảo hộ, ví dụ, Công ty TNHH Dược phẩm Trung ương 1 thiết kế ra nhãn hiệu "PANADOLIN" và nộp đơn đăng ký cho các sản phẩm dược vào Cục SHTT nhưng sau đó bị Cục SHTT ra quyết định từ chối bảo hộ do có sự tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PANADOL" của công ty Sanofi-Aventis đã được bảo hộ cho sản phẩm thuốc giảm đau, hạ sốt trước đó ở Việt Nam.

Đối với các đối tượng SHCN còn lại như tên thương mại, bí mật kinh doanh, chủ sở hữu không cần phải tiến hành thủ tục đăng ký với cơ quan chức năng, thì quyền SHTT của các đối tượng này vẫn sẽ được bảo hộ nếu như chúng đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo hộ của pháp luật. Ví dụ, Công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ "INVESTCONSULT" được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép kinh doanh năm

1998 nhưng trên thực tế tên thương mại "INVESTCONSULT" đã được công ty này sử dụng trên các giấy tờ giao dịch kinh doanh của mình từ năm 1989 nên phần tên thương mại "INVESTCONSULT" đã được pháp luật bảo hộ thông qua việc sử dụng hợp pháp từ năm 1989.

- Quyền đối với giống cây trồng được xác lập trên cơ sở quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký (Điều 6.3b, Luật SHTT).

1.1.1.5. Lợi ích của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Quyền SHTT là một tài sản có tính đặc thù, được hình thành từ hoạt động sáng tạo của con người và có tác dụng đem lại cho cuộc sống của con người về mặt tinh thần (quyền tác giả, quyền liên quan) hoặc bề mặt vật chất (quyền SHCN) tốt và văn minh hơn. Việc bảo hộ quyền SHTT là rất quan trọng và cần thiết bởi nó sẽ đem lại những lợi ích sau đây:

- *Thúc đẩy hoạt động sáng tạo của con người:* Việc sáng tạo ra các sản phẩm trí tuệ thường tiêu tốn nhiều chi phí, thời gian và công sức nghiên cứu của con người nhưng những giá trị vật chất và tinh thần của tài sản trí tuệ đem lại thì thường là rất to lớn đặc biệt là những sản phẩm trí tuệ có tính thiết thực, không thể thiếu cho con người hàng ngày như sản phẩm trong lĩnh vực công nghiệp thực phẩm, dệt may, da giày, điện tử, công nghệ thông tin và các ngành công nghệ cao nói chung hay ngành công nghiệp giải trí như phim ảnh, âm nhạc, xuất bản... do đó khi các đối tượng SHTT được tạo ra và được pháp luật bảo hộ thì sẽ có tác dụng thúc đẩy cho nhiều người cùng tham gia vào hoạt động sáng tạo để có thể tạo ra được nhiều sản phẩm trí tuệ có ích cho nhân loại hơn.

- *Góp phần tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh:* Trong hoạt động thương mại luôn luôn tồn tại sự ganh đua và cạnh tranh ngầm giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong cùng một lĩnh vực. Do đó, để các doanh nghiệp không lợi dụng công nghệ, uy tín, hình ảnh của nhau trong hoạt động kinh doanh, thì các quyền SHTT của các doanh nghiệp này phải được pháp luật bảo vệ. Có như vậy, mới có thể tạo ra một

môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các chủ thể tham gia cũng như lợi ích của người tiêu dùng, của xã hội không bị ảnh hưởng.

- *Thúc đẩy sự phát triển của hoạt động xuất khẩu hàng hóa*: Khi quyền SHTT được pháp luật bảo hộ một cách đầy đủ và hiệu quả thì nó sẽ là cơ sở thúc đẩy sự phát triển hoạt động xuất khẩu hàng hóa. Khi quyền SHTT được bảo hộ, nó sẽ gián tiếp ngăn chặn việc làm giả của các chủ thể khác vì khi sản phẩm được xuất khẩu thành công sang một thị trường nhất định, điều đó có nghĩa là sớm muộn gì thì các đối thủ cạnh tranh cũng sẽ sản xuất ra sản phẩm giống hoặc tương tự để cạnh tranh với các sản phẩm liên quan, nếu có hành vi này thì doanh nghiệp xuất khẩu sẽ có cơ sở pháp lý để yêu cầu cơ quan chức năng của nước sở tại xử lý vi phạm. Nếu không bảo hộ quyền SHTT thì sẽ thật khó hoặc không thể ngăn chặn được việc làm giả hàng hóa và việc tổn thất về lợi nhuận có thể là đáng kể. Tiếp đến, nó cũng giúp cho chính các nhà xuất khẩu tránh được việc xâm phạm quyền SHTT của người khác bởi thông qua việc xác lập quyền SHTT ở các thị trường mà doanh nghiệp dự định xuất khẩu hàng hóa tới, doanh nghiệp xuất khẩu sẽ biết được quyền SHTT của mình ở quốc gia đó đã được chủ thể nào xác lập chưa để tránh bị rơi vào tình huống xâm phạm quyền SHTT của người khác mà không biết, qua đó sẽ tránh được những thiệt hại cho doanh nghiệp. Ngoài ra, nó còn đem lại các lợi ích khác cho các doanh nghiệp xuất khẩu như có điều kiện tiếp cận thị trường mới thông qua việc chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng SHTT, nhượng quyền thương mại, liên doanh; có cơ hội đàm phán với nhà phân phối, nhập khẩu hoặc các đối tác khác ở nước ngoài; có cơ hội tiếp thị sản phẩm với người tiêu dùng nước ngoài; có cơ sở để xác định giá của sản phẩm...

1.1.2. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Khái niệm và bản chất của hành vi xâm phạm quyền SHTT:

Hành vi xâm phạm pháp luật luôn tồn tại ở hầu hết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của đời sống xã hội ở bất kỳ quốc gia nào. Trong lĩnh vực SHTT cũng như vậy, hành vi xâm phạm quyền SHTT cũng xảy ra ở hầu hết

các nước trên thế giới, kể cả ở những quốc gia có nền kinh tế phát triển hoặc đang phát triển. Hành vi xâm phạm quyền SHTT có thể được thực hiện thông qua các hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán, vận chuyển, nhập khẩu... ở tất cả các đối tượng SHTT. Do quyền SHTT là một loại tài sản có tính đặc thù (như tác giả phân tích ở Mục đặc điểm của quyền SHTT của Luận văn này) nên việc hiểu như thế nào là hành vi xâm phạm quyền SHTT cũng là một nội dung quan trọng và không phải chủ thể nào cũng có thể hiểu được về hành vi này một cách dễ dàng. Cụ thể, đối với những tài sản hữu hình thông thường, nếu chủ thể nào có hành vi xâm phạm đến các quyền sở hữu như các quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt của chủ sở hữu tài sản, thì đều có thể bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là chủ sở hữu của chiếc máy cày nông nghiệp, khi chưa có sự đồng ý của Ông A, Ông B đã tự ý đem máy cày của Ông A đi cày ruộng của nhà mình, trong trường hợp này hành vi của Ông B bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Ông A. Tuy nhiên, một ví dụ khác, Ông A là tác giả đồng thời là chủ sở hữu cuốn sách Bình luận khoa học pháp lý Bộ luật Hình sự (BLHS) Việt Nam năm 1999, nhận thấy cuốn sách này hay, Ông B đã đến nhà bạn mượn cuốn sách này để sao chép một bản nhằm phục vụ công việc nghiên cứu khoa học của mình. Trong trường hợp này, mặc dù khi sao chép, Ông B không xin phép Ông A nhưng hành vi của Ông B không bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả vì nó thuộc trường hợp pháp luật cho phép sao chép không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho tác giả...

Như vậy, theo tác giả, có thể hiểu *hành vi xâm phạm quyền SHTT là việc sử dụng các đối tượng SHTT đang được bảo hộ mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu các đối tượng SHTT, trừ các trường hợp được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.*

Xét về bản chất, hành vi xâm phạm quyền SHTT là một dạng của hành vi xâm phạm quyền sở hữu. Quyền sở hữu nào cũng đem lại cho người nắm giữ nó những độc quyền nhất định, đối với một tài sản hữu hình thì đó là

các quyền năng được thừa nhận từ thời luật La Mã đó là các quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt tài sản, quyền được hưởng hoa lợi và kiện đòi lại vật hoặc quyền yêu cầu khôi phục lại những quyền lợi nhất định đối với đồ vật của mình. Đối với các độc quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ thì bản chất cũng là các độc quyền như đối với tài sản hữu hình khác nhưng sự khác biệt ở đây chỉ là phương thức thực hiện các độc quyền cũng như sự giới hạn về thời gian mà pháp luật dành cho chủ sở hữu. Cụ thể, quyền độc quyền của chủ sở hữu tài sản SHTT không phải là sự độc quyền một cách tuyệt đối như đối với các tài sản hữu hình, mà sự độc quyền của loại tài sản này vẫn bị giới hạn ở một số trường hợp do pháp luật quy định, ví dụ chủ sở hữu của loại tài sản SHTT là sáng chế ở một số lĩnh vực như dược phẩm, hóa chất... vẫn có thể bị nhà nước chi phối bằng việc yêu cầu chủ sở hữu phải tiến hành chuyển giao quyền sử dụng sáng chế cho một bên thứ ba nào đó trong một số trường hợp cấp thiết để đảm bảo an ninh quốc gia hoặc vì lợi ích công cộng... (trường hợp này còn được gọi là li xăng cưỡng bức). Ngoài ra, quyền năng của chủ sở hữu tài sản SHTT còn bị giới hạn bởi không gian bảo hộ, nơi đối tượng SHTT được bảo hộ trong một khoảng thời gian được pháp luật quy định, ví dụ, ngày 1/1/2000 Tập đoàn Mai Linh nộp đơn đăng ký KDCN có tên gọi Hộp đèn xe taxi Mai Linh và được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ năm 2001. Theo đó, nếu chủ sở hữu của bằng này có đề nghị gia hạn theo như quy định của Luật SHTT, thì bằng độc quyền này cũng chỉ có giá trị bảo hộ đến ngày 1/1/2015 trên lãnh thổ Việt Nam, không có giá trị bảo hộ ở các nước khác và sau khoảng thời gian được bảo hộ nói trên, mọi chủ thể đều có quyền sử dụng KDCN này của Mai Linh.

Hiện nay, theo nhận định của các chuyên gia và các nhà nghiên cứu pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, Nhật, các nước trong Khối thị trường chung Châu Âu có xu hướng coi trọng sự bảo vệ quyền SHTT hơn cả quyền sở hữu thông thường bởi lẽ, nếu như quyền sở hữu một tài sản hữu hình cho phép chủ sở hữu có các quyền năng như chiếm hữu, sử dụng, định

đoạt đoạt với tài sản mà trong phần lớn các trường hợp trên thực tế, chủ sở hữu có thể kiểm soát tài sản một cách trực tiếp, thì đối với một tài sản vô hình như sáng chế, giải pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu ..., mọi người đều có khả năng nắm giữ, sử dụng các đối tượng này khi chúng được công bố, và đưa ra thị trường. Tuy nhiên, chủ sở hữu sẽ được Nhà nước dành cho các độc quyền khai thác trong một thời hạn nhất định.

Lý do dẫn đến hành vi xâm phạm quyền SHTT:

Có thể nói nguyên nhân chính của những vi phạm pháp Luật SHTT ở Việt Nam cũng như ở các nước khác trên thế giới là vì lợi nhuận kinh tế đáng kể mà các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT hoặc hàng hóa giả mạo về SHTT thu được bằng việc khai thác (mà không được phép) những sáng tạo và đầu tư sáng tạo của người khác, bằng việc làm nhái các sản phẩm với chi phí sản xuất thấp hơn chi phí của nhà đầu tư sáng tạo. Hoạt động bất hợp pháp này thường được chấp nhận vì nhận thức sai lầm của phần lớn dân chúng rằng các vi phạm quyền SHTT không nghiêm trọng lắm, so với các loại hình trộm cắp khác, tuy nhiên, không có nhu cầu của người tiêu dùng thì hàng giả sẽ không có thị trường, và vì thế, không có động lực để họ sản xuất hàng giả. Ngoài ra, phần lớn hàng giả có chi phí sản xuất thấp hơn rất nhiều so với hàng thật vì những sản phẩm này được sản xuất ở những khu vực có chi phí lao động và vận hành thấp như ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài như Trung Quốc. Cơ sở sản xuất hàng giả mạo về SHTT hiếm khi đảm bảo quyền lợi của công nhân theo quy định quốc gia và thế giới, trong đó có các quy định về sức khỏe và an toàn lao động, quy định về kiểm soát chất lượng hầu như không tồn tại đối với những hàng giả, hàng vi phạm quyền SHTT, người tiêu dùng cũng không được bảo hành về chất lượng sản phẩm hoặc bảo đảm về sức khỏe và an toàn; các nhà sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng vi phạm quyền SHTT có thể bán với giá thấp vì họ thường trốn thuế, không tuân thủ các quy tắc kế toán thông thường, thanh toán bằng tiền mặt, không tuân thủ các quy định về tiền tệ quốc gia.

Các hành vi xâm phạm quyền SHTT:

Dưới góc độ lý luận, những đối tượng SHTT nào được pháp luật bảo hộ thì sẽ có những hành vi xâm phạm quyền SHTT tương ứng đối với những đối tượng SHTT đó, cụ thể hành vi xâm phạm quyền SHTT có thể bao gồm hành vi xâm phạm quyền tác giả; hành vi xâm phạm quyền liên quan; hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí; hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh; hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý; hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng.

- *Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan:* Hành vi xâm phạm quyền nhân thân không gắn với tài sản có thể bao gồm chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; mạo danh tác giả; sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Hành vi xâm phạm quyền nhân gắn với tài sản bao gồm công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả; công bố... Hành vi xâm phạm quyền tài sản có thể bao gồm sao chép tác phẩm (ngoài trừ những trường hợp được pháp luật cho phép), làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả tác phẩm gốc; xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo; sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật; cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.

Thực tế cho thấy trong số các hành vi xâm phạm quyền tác giả, xâm phạm quyền liên quan, thì hành vi sao chép lậu-là hành vi làm bản sao mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan, được coi là hành vi phổ biến và nghiêm trọng nhất. Điều này cũng có nghĩa quyền quan

trọng nhất trong các quyền tác giả hay quyền liên quan là quyền cho phép hoặc không cho phép người khác sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn của mình bị xâm phạm nhiều nhất. Lý do bị xâm phạm nhiều nhất bởi quyền cho phép người khác hoặc không cho phép người khác sử dụng tác phẩm hoặc cuộc biểu diễn... của mình là sự thể hiện rõ nét bản chất độc quyền của quyền tác giả và quyền liên quan. Ngày nay, do sự phát triển rất nhanh của các mạng truyền thông nhất là Internet nên đã làm cho việc sao chép tác phẩm qua mạng trở nên rất đơn giản và dễ dàng. Đồng thời, các công cụ sao chép cũng ngày càng nhiều, tốc độ ngày càng nhanh và giá thành ngày càng giảm nên đã góp phần làm vấn đề xâm phạm quyền tác giả ngày càng nghiêm trọng. Dưới góc độ quyền nhân thân, những người sao chép, ăn cắp thành quả lao động sáng tạo của người khác đã xúc phạm đến uy tín của cả cá nhân và tổ chức. Dưới góc độ kinh tế, những người sao chép tác phẩm của người khác để kinh doanh không phải nộp thuế và trả thù lao cũng như phí li-xăng hay quảng cáo. Vì vậy họ đã được lợi bất chính từ thành quả lao động của người khác.

- *Hành vi xâm phạm quyền SHCN*: Trong lĩnh vực SHCN có một số đối tượng như sáng chế, giải pháp hữu ích, KDCN, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, cũng được pháp luật bảo quyền nhân thân và quyền tài sản. Các đối tượng SHCN khác như nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh chỉ được pháp luật bảo hộ quyền tài sản, không được bảo hộ quyền nhân thân. Trên thực tế, các đối tượng SHCN chủ yếu bị xâm phạm quyền tài sản bởi quyền tài sản chính là quyền đem lại nhiều giá trị thương mại nhất của chủ sở hữu các đối tượng SHCN. Tùy thuộc từng loại đối tượng SHCN cụ thể, các hành vi xâm phạm quyền SHCN có thể được thể hiện dưới các hình thức khác nhau, cụ thể các hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn có thể là hành vi sử dụng sáng chế được bảo hộ, KDCN được bảo hộ hoặc KDCN không khác biệt đáng kể với kiểu dáng đó, thiết kế bố trí được bảo hộ hoặc bất kỳ phần nào có tính nguyên gốc của thiết kế bố trí đó trong thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ

mà không được phép của chủ sở hữu, hoặc có thể là hành vi sử dụng sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn mà không trả tiền đền bù cho chủ sở hữu quyền SHCN. Trong khi đó, các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý có thể là các hành vi như sử dụng dấu hiệu trùng, tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó. Các hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ có thể là: sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm mặc dù có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý, nhưng sản phẩm đó không đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý hoặc hành vi sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm tương tự với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm mục đích lợi dụng danh tiếng, uy tín của chỉ dẫn địa lý hoặc có thể là hành vi sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý đó làm cho người tiêu dùng hiểu sai rằng sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó...

Như vậy, xét về bản chất, nếu đối tượng SHCN bị xâm phạm là sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí mạch tích hợp thì mục đích của các hành vi xâm phạm chính là việc lợi dụng, chiếm đoạt các thành quả lao động sáng tạo của các chủ sở hữu quyền SHCN đạt được trong việc nghiên cứu khoa học và công nghệ. Trong khi đó, nếu đối tượng SHCN bị xâm phạm là tên thương mại, chỉ dẫn địa lý thì mục đích của hành vi xâm phạm lại là việc lợi dụng uy tín, danh tiếng... của sản phẩm, dịch vụ hoặc uy tín của chủ sở hữu các đối tượng SHCN đã tạo dựng được trên thị trường. Trong số các đối tượng SHCN được bảo hộ, thì nhãn hiệu chính là đối tượng bị xâm phạm nhiều nhất bởi đây là đối tượng SHCN chiếm tỷ trọng lớn nhất trong số các đối tượng SHCN được bảo hộ. Ngoài ra, nhãn hiệu cũng là loại đối tượng SHCN dễ bị xâm phạm hơn so với việc xâm phạm một số đối tượng SHCN khác như sáng chế, KDCN hoặc thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

1.2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1.2.1. Khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Hàng hóa giả mạo về SHTT là một bộ phận của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng giả nói chung. Thực tế cho thấy hiện nay vẫn còn có những cách hiểu không hoàn toàn thống nhất về các loại hàng hóa nói trên nên việc xác định, phân loại đúng về những loại hàng hóa này có ý nghĩa quan trọng đối với các chủ thể quyền SHTT cũng như các cơ quan thực thi và cả người tiêu dùng để có thể bảo vệ được những quyền SHTT của mình một cách tốt nhất.

Hàng hóa giả mạo về SHTT theo quy định của luật pháp quốc tế:

Theo quy định tại Công ước Paris về bảo hộ SHCN, hàng hóa giả mạo về SHTT được quy định như sau: "Tất cả hàng hóa mang nhãn hiệu hàng hóa hoặc tên thương mại một cách bất hợp pháp đều bị thu giữ khi nhập khẩu vào những nước thành viên của Liên minh nơi nhãn hiệu hàng hóa hoặc tên thương mại đó được bảo hộ pháp lý" [53, Điều 9]; "các quy định trên đây cũng được áp dụng trong trường hợp sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp các chỉ dẫn sai lệch về nguồn gốc của hàng hóa hoặc về nhà sản xuất, nhà công nghiệp, hoặc thương gia" [53, Điều 10].

Như vậy, theo Công ước Paris không có sự phân biệt giữa hàng hóa xâm phạm quyền SHCN và hàng hóa giả mạo quyền SHCN. Thay vào đó, tất cả các hàng hóa gắn nhãn hiệu hoặc gắn tên thương mại... bất hợp pháp thì đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền SHCN. Ngoài ra, như tác giả trình bày ở phần trên, Công ước Paris là văn bản pháp luật quốc tế và những quy định về luật nội dung liên quan đến lĩnh vực SHCN trong công ước này mang tính nguyên tắc chung, không quy định một cách cụ thể. Những quy định mang tính chi tiết về các loại hàng hóa xâm phạm về SHCN hoặc hàng hóa giả mạo về SHCN sẽ do các nước thành viên quy định chi tiết trong pháp luật quốc gia sao cho phù hợp với thực tiễn của quốc gia mình.

Theo quy định tại Điều 51 của Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền SHTT (TRIPS), hàng hóa giả mạo về SHTT được hiểu như sau:

"Counterfeit trademark goods" shall mean any goods, including packaging, bearing without authorization a trademark which is identical to the trademark validly registered in respect of such goods, or which cannot be distinguished in its essential aspects from such a trademark, and which thereby infringes the rights of the owner of the trademark in question under the law of the country of importation.

"Pirated copyright goods" shall mean any goods which are copies made without the consent of the right holder or person duly authorized by the right holder in the country of production and which are made directly or indirectly from an article where the making of that copy would have constituted an infringement of a copyright or a related right under the law of the country of importation [56].

Tác giả tạm dịch như sau:

"Hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu" là bất kỳ hàng hóa nào, bao gồm cả bao bì có gắn nhãn hiệu trùng hoặc về cơ bản là không thể phân biệt được với nhãn hiệu đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng được đăng ký mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu, và mà qua đó xâm phạm các quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa theo quy định của pháp luật của nước nhập khẩu.

"Hàng hóa sao chép lậu" là bất kỳ hàng hóa nào được sao chép mà không được sự cho phép của chủ thể quyền hoặc của người được chủ thể quyền ủy quyền tại quốc gia sản xuất và việc sao chép này có thể là sao chép trực tiếp hoặc sao chép gián tiếp từ một tác phẩm, nơi mà việc làm bản sao đó cấu thành hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan theo như quy định của pháp luật của nước nhập khẩu [56].

Như vậy, theo như quy định nói trên tại Hiệp định TRIPS, hàng hóa giả mạo về SHTT gồm có hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và hàng hóa sao chép lậu. Trong đó, để có thể xác định được một loại hàng hóa nào đó có phải là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu hay không, cần phải dựa vào các điều kiện đó là: điều kiện về nhãn hiệu, điều kiện về sản phẩm mang nhãn hiệu, và quy định pháp luật của nước nhập khẩu, cụ thể: về mặt nhãn hiệu, hàng hóa hoặc bao bì của hàng hóa đó phải gắn dấu hiệu trùng hoặc không thể phân biệt được với những nét căn bản của một nhãn hiệu đang được bảo hộ; về mặt sản phẩm, thì sản phẩm gắn cho nhãn hiệu đó phải chính là những sản phẩm được đăng ký cho nhãn hiệu bảo hộ; và theo quy định của pháp luật của nước nhập khẩu, thì hành vi nói trên được coi là hành vi xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu. Nếu không thỏa mãn các điều kiện nói trên, thì đó không phải là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu. Có thể nhận thấy Hiệp định TRIPS quy định về hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, cũng gần như tương đồng với quy định về hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu theo như quy định tại Điều 213 của Luật SHTT của Việt Nam. Về hàng hóa sao chép lậu, Hiệp định TRIPS quy định rằng, để có thể xác định một hàng hóa nào đó có phải là hàng hóa sao chép lậu hay không, cần dựa vào các điều kiện cần và đủ đó là: có hành vi sao chép không có sự đồng ý của chủ thể quyền hoặc người được chủ thể quyền ủy quyền; hành vi sao chép đó có thể là sao chép trực tiếp từ tác phẩm gốc hoặc sao chép gián tiếp không phải từ tác phẩm gốc; và hành vi sao chép trái phép đó, theo quy định của pháp luật nước nhập khẩu, bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan. Như vậy, hàng hóa sao chép lậu, theo như quy định của Hiệp định TRIPS, cũng gần như cơ bản giống với quy định về hàng hóa sao chép lậu theo như quy định tại Điều 213, Luật SHTT của Việt Nam. Điểm khác biệt giữa Hiệp định TRIPS và Luật SHTT của Việt Nam về hàng hóa sao chép lậu là ở chỗ, Hiệp định TRIPS không quy định về việc sao chép trái phép nói trên là sao chép một phần hay sao chép toàn bộ tác phẩm. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 100/2006/NĐ-CP được sửa đổi và bổ sung theo Nghị định số 85/2011/NĐ-

CP (NĐ số 100/2006/NĐ-CP sửa đổi) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật SHTT về quyền tác giả và quyền liên quan, thì việc sao chép trái phép nói trên, có thể là sao chép một phần hoặc sao chép toàn bộ tác phẩm.

Hàng hóa giả mạo về SHTT theo quy định của pháp luật quốc gia:

Hiện nay vấn đề hàng hóa giả mạo về SHTT tại một số quốc gia trên thế giới được quy định không giống nhau. Cụ thể, tại Campuchia, mặc dù hiện nay quốc gia này chưa ban hành một đạo luật chuyên ngành về lĩnh vực SHTT. Tuy nhiên, Nhà nước Campuchia cũng đã ban hành một đạo luật quy định về sự bảo hộ nhãn hiệu, tên thương mại và hành vi cạnh tranh không lành mạnh vào năm 2002 (*The Law concerning Marks, Trade Names and Acts of Unfair Competition*). Trong văn bản pháp luật về lĩnh vực SHTT nói trên, các nhà làm luật của Campuchia đã đưa ra khái niệm về hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu như sau:

Counterfeit trademark goods means any goods, including packaging, bearing without authorization a trademark which is identical to the trademark validly registered in respect of such goods, or which cannot be distinguished in its essential aspects from such a trademark, and which thereby infringes the rights of the owner of the trademark in question under the law of the country of importation [28].

Tác giả tạm dịch như sau:

Hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu là bất kỳ hàng hóa nào kể cả bao bì hàng hóa có gắn trái phép một nhãn hiệu trùng với nhãn hiệu đang được bảo hộ cho sản phẩm cùng loại, hoặc về cơ bản là không thể phân biệt được với nhãn hiệu đang được bảo hộ, và do đó xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu theo luật pháp của quốc gia nhập khẩu [28].

Như vậy, theo luật về nhãn hiệu của Campuchia, hiện tại chỉ có hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu. Hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu được xác định dựa trên hai tiêu chí, thứ nhất về mặt nhãn hiệu - nó phải trùng hoặc khó phân biệt

so với nhãn hiệu đang được bảo hộ, và thứ hai về sản phẩm, thì nó phải được sử dụng cho chính sản phẩm cùng loại đang được bảo hộ. Quy định này cũng giống với quy định về hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu theo quy định tại Điều 213, Luật SHTT của Việt Nam.

Theo pháp luật SHTT của Việt Nam, hàng hóa giả mạo về SHTT được xem là một bộ phận của hàng giả nói chung đồng thời cũng là một bộ phận của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói riêng. Theo tìm hiểu của tác giả, hiện nay pháp luật hiện hành của Việt Nam đã đưa ra các khái niệm dưới dạng định nghĩa hoặc liệt kê về: hàng giả nói chung, hàng hóa giả mạo về SHTT. Tuy nhiên pháp luật hiện hành lại chưa đưa ra khái niệm về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT. Điều này cũng đã ít nhiều gây ra một số khó khăn nhất định cho người tiêu dùng, cho các chủ thể quyền SHTT, thậm chí cho cả một số cơ quan thực thi pháp luật gặp phải những lúng túng nhất định trong việc xác định và xử lý các hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán... hàng giả nói chung hoặc xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT, trong đó có hàng hóa giả mạo về SHTT, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và cả hàng hóa có chứa dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh. Do vậy, theo tác giả, trước khi tìm hiểu về khái niệm hàng hóa giả mạo theo pháp Luật SHTT Việt Nam, cần tìm hiểu về khái niệm hàng giả nói chung và khái niệm hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, cụ thể như sau:

- *Khái niệm hàng hóa xâm phạm quyền SHTT*: Theo tìm hiểu của tác giả, hiện nay trong hệ thống các văn bản pháp luật về lĩnh vực SHTT của Việt Nam, chưa đưa ra khái niệm chính thống nào về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, do đó trên thực tế có thể sẽ còn nhiều cách hiểu hoặc định nghĩa không giống nhau về loại hàng hóa này. Theo tác giả, *hàng hóa xâm phạm quyền SHTT là loại hàng hóa, dịch vụ có chứa một hoặc một số dấu hiệu bị coi là có sự tương tự gây nhầm lẫn với các đối tượng SHTT đang được pháp luật bảo hộ hoặc việc lưu hành hàng hóa bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người kiểm soát hợp pháp bí mật kinh doanh; Các loại hàng hóa, dịch vụ này được sản xuất, cung cấp ra thị trường nhằm mục khiến cho*

người tiêu dùng bị nhầm lẫn với các loại hàng hóa, dịch vụ chính hãng nhằm lợi dụng uy tín để trục lợi hoặc nhằm chống lại các biện pháp bảo mật của người kiểm soát hợp pháp bí mật kinh doanh. Theo khái niệm nói trên, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT có phạm vi đối tượng rất rộng, nó có thể là các đối tượng thuộc lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, hoặc các đối tượng ở lĩnh vực SHCN và lĩnh vực giống cây trồng.

- *Khái niệm hàng hóa giả mạo về SHTT:* Theo quy định tại Điều 213 của Luật SHTT:

Hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và giả mạo chỉ dẫn địa lý (gọi là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu) và hàng hóa sao chép lậu. Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là hàng hóa, bao bì của hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý; hàng hóa sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan [40].

Như vậy, hàng hóa giả mạo về SHTT được quy định trong Luật SHTT chỉ là những loại hàng hóa giả mạo thuần túy trong lĩnh vực SHTT, không điều chỉnh những loại hàng hóa giả mạo khác như giả về chất lượng, giả mạo về công dụng của sản phẩm hay hàng hóa được sản xuất trái pháp luật. Theo tác giả điều này là phù hợp vì Luật SHTT là một đạo luật chuyên ngành, được nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực SHTT trong đó có quan hệ pháp luật về hàng hóa giả mạo về SHTT, không điều chỉnh các quan hệ pháp luật của các ngành, các lĩnh vực khác. Ngoài ra, khái niệm về hàng hóa giả mạo về SHTT trong Luật SHTT cũng chỉ ra rằng, trong lĩnh vực SHTT, chỉ có loại hàng hóa giả về nhãn hiệu, giả về chỉ dẫn địa lý và giả về các đối tượng SHTT được bảo hộ trong lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan. Các đối tượng SHCN khác như sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, tên thương

mai, bí mật kinh doanh, quyền chống cạnh tranh không lành mạnh, quyền đối với giống cây trồng không thuộc đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT.

1.2.2. Đặc điểm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Căn cứ vào khái niệm nói trên, tác giả nhận thấy hàng hóa giả mạo về SHTT có một số tính chất và đặc điểm pháp lý như sau:

Hàng hóa giả mạo về SHTT là loại hàng hóa mà chủ thể thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán loại hàng hóa này luôn có lỗi cố ý bởi vì khi thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT, các chủ thể này đã biết trước đến một nhãn hiệu, một chỉ dẫn địa lý hay một đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan nào đó đã thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của một chủ thể khác nhưng họ vẫn cố ý thực hiện hành vi xâm phạm nhằm khiến cho người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá để trục lợi.

Hàng hóa giả mạo về SHTT là loại hàng hóa mà chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm luôn để lại những hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng vì người sản xuất, kinh doanh, buôn bán... hàng hóa giả mạo về SHTT đã có động cơ và mục đích rất rõ ràng là sẽ khiến cho người tiêu dùng bị nhầm lẫn với hàng hóa chính hãng. Mục đích này được thể hiện rõ qua hành vi cố ý gắn dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu trên hàng hóa giả mạo về SHTT trùng hoặc gần như trùng hoàn toàn với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ cho chính mặt hàng đó.

Đối tượng SHTT bị làm giả mạo phải là những đối tượng được pháp luật bảo hộ. Cụ thể, trong lĩnh vực SHCN, chỉ những nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ thì chúng mới có thể được coi là đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT. Nếu những đối tượng này chưa được đăng ký, hoặc đã được nộp đơn đăng ký với Cục SHTT nhưng chưa được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ thì chúng không được coi là đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT. Tuy nhiên, điều kiện nói trên sẽ không được áp dụng đối với trường hợp nhãn hiệu nổi tiếng, vì theo quy định của pháp luật hiện hành, quyền SHTT đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở sử

dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký. Trong lĩnh vực bản quyền, chỉ những tác phẩm đã được hình thành hoặc thể hiện dưới một hình thức nhất định (áp dụng với quyền tác giả) hoặc đã được định hình (áp dụng với quyền liên quan), chúng mới có thể trở thành đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT. Nếu những đối tượng này mới chỉ là ý tưởng thì chúng sẽ không phải là đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT.

1.2.3. Các dạng hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ

Có nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại hàng hóa giả mạo về SHTT. Dựa vào lĩnh vực bảo hộ quyền SHTT, hàng hóa giả mạo về quyền SHTT gồm có hàng hóa giả mạo về quyền tác giả, hàng hóa giả mạo về quyền liên quan và hàng hóa giả mạo về quyền SHCN. Dựa vào hình thức hàng giả và hàng thật, hàng hóa giả mạo về SHTT có thể được phân loại thành hai dạng đó là: hàng hóa giả mạo về SHTT là những hàng hóa gắn lên mình nhãn hiệu, kiểu dáng bao bì của hàng thật; và hàng hóa giả mạo về SHTT là những hàng hóa gắn lên mình nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của hàng thật. Ngoài ra, dựa vào từng đối tượng SHTT cụ thể được bảo hộ, có hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, hàng hóa giả mạo về chỉ dẫn địa lý, hàng hóa giả mạo về các đối tượng được bảo hộ quyền tác giả như hàng hóa giả mạo về tác phẩm văn học, tác phẩm khoa học, tác phẩm báo chí... hàng hóa giả mạo về các đối tượng quyền liên quan như hàng hóa giả mạo về các bản ghi âm, ghi hình...

Qua thực tiễn làm việc, tác giả nhận thấy có sự khác nhau về tính chất nguy hiểm cũng như mức độ gây thiệt hại cho người tiêu dùng cũng như cho chủ thể quyền SHTT của loại hàng hóa giả mạo về SHTT là những hàng hóa gắn lên mình nhãn hiệu, kiểu dáng bao bì của hàng thật và hàng hóa giả mạo về SHTT là những hàng hóa gắn lên mình nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của hàng thật. Cụ thể, ở hầu hết các vụ việc xử lý hành vi sản xuất loại hàng hóa giả mạo về SHTT là những hàng hóa gắn lên mình nhãn hiệu, kiểu dáng bao bì của hàng thật, các cơ quan thực thi pháp luật đều đưa ra kết luận rằng, chất lượng của loại hàng

giả này thường rất thấp, gần như không có chất lượng, hoặc thậm chí nếu sử dụng loại hàng hóa này có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng nên đều buộc phải tiêu hủy. Ví dụ năm 2010, Cục Quản lý thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện và xử phạt hành vi lưu thông loại hàng hóa giả mạo nhãn hiệu bột ngọt Ajinomoto. Sau khi kiểm tra và mang mẫu sản phẩm của lô hàng giả này đi kiểm định chất lượng, Cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy lô hàng giả nói trên không chỉ bị làm giả toàn bộ về nhãn hiệu và bao bì mang sản phẩm, mà chúng còn bị làm giả y trang cả về tên và địa chỉ của nhà sản xuất chính hãng. Đặc biệt, lô hàng hóa giả mạo này không hề có chất lượng sử dụng bởi chúng được sản xuất từ các chất hóa học rất độc hại, nếu sử dụng sẽ gây nguy hiểm cho sức khỏe của người tiêu dùng. Trong khi đó, đối với loại hàng hóa giả mạo về SHTT là những hàng hóa gắn lên mình nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của hàng thật, thì các cơ quan chức năng nhận thấy tuy loại hàng hóa này có chất lượng thấp hơn chất lượng của hàng hóa chính hãng nhưng hầu hết chúng đều có thể sử dụng được nên sau khi xử phạt đối với loại hàng hóa này, các cơ quan chức năng thường áp dụng biện pháp là buộc các chủ thể có hành vi sản xuất, kinh doanh loại hàng giả này đưa vào lưu thông với mục đích phi thương mại.

1.3. TƯƠNG QUAN GIỮA HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ VỚI HÀNG HÓA XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Trước khi Luật SHTT năm 2005 được ban hành, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT chưa được quy định một cách cụ thể trong hệ thống văn bản pháp luật về SHTT của Việt Nam. Thay vào đó là việc đánh đồng hai loại hàng hóa nói trên cùng với các hàng hóa giả mạo khác bằng việc quy định về hàng giả nói chung ví dụ như hàng giả về nhãn hiệu, kiểu dáng; hàng giả về chất lượng, công dụng... Chính điều này đã ít nhiều gây nên sự khó khăn cho các chủ thể quyền SHTT và cho cả những cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống lại các hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Luật SHTT được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2006 đã quy định cụ thể về hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT chắc chắn sẽ giải quyết được những bất cập trước đây đặc biệt là sẽ giúp cho các cơ quan thực thi pháp luật có thể giải quyết nhanh và xử lý đúng tính chất của các hành vi xâm phạm quyền SHTT nhằm bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp quyền SHTT. Trong luận văn này, tác giả sẽ phân tích sự khác biệt cơ bản giữa hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT dựa trên hai tiêu chí sau đây:

Về phạm vi đối tượng:

Theo quy định tại Điều 213 của Luật SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT được quy định như sau:

Hàng hóa giả mạo về SHTT bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý và hàng hóa sao chép lậu, trong đó:

- Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là hàng hóa, bao bì của hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý;

- Hàng hóa sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả và quyền liên quan [40].

Trong khi đó căn cứ vào Luật SHTT và theo quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT, được sửa đổi theo Nghị định số 119/2010/NĐ-CP (Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi) có quy định: hàng hóa xâm phạm quyền SHTT là các hàng hóa có chứa yếu tố xâm phạm đến quyền tác giả, quyền liên quan; sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, KDCN, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và giống cây trồng.

Như vậy sự khác nhau về đối tượng giữa hai loại hàng hóa nói trên đó là: đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT hẹp hơn rất nhiều so với đối

tượng của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, bao gồm các đối tượng đó là nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và đối tượng quyền tác giả và quyền liên quan. Trong khi đó đối tượng của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT rất rộng, tất cả các đối tượng SHTT đều có thể trở thành đối tượng của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT. Cụ thể bao gồm các đối tượng được quy định trong Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi là: các đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, KDCN, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh và giống cây trồng. Ngoài ra, với những quy định về đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT như vậy, chúng ta nhận thấy một số vấn đề như sau: tất cả các đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT đều có thể trở thành đối tượng của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nhưng không phải đối tượng của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nào cũng có thể trở thành đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT.

Về tính chất và mức độ xâm phạm:

Mặc dù hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT đều là những sản phẩm của hành vi xâm phạm quyền SHTT, tuy nhiên xét về tính chất và mức độ xâm phạm, thì chủ thể có hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán...loại hàng hóa giả mạo về SHTT thường là nguy hiểm và nghiêm trọng hơn so với chủ thể có hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán... hàng hóa xâm phạm quyền SHTT. Điều này được thể hiện qua các phương diện sau đây:

- *Mức độ lỗi của chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm:* Đối với loại hàng hóa giả mạo về SHTT, lỗi của chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm luôn là lỗi cố ý bởi khi thực hiện họ đã nhận thức rất rõ rằng đối tượng SHTT mà họ xâm phạm là thuộc quyền SHTT của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi xâm phạm để trục lợi. Sự cố ý này được thể hiện qua các hành vi sao chép lậu các đối tượng đang được bảo hộ quyền tác giả hoặc quyền liên quan; hoặc thể hiện thông qua hành vi cố ý sử dụng dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt về mặt tổng thể để khiến cho người tiêu dùng bị nhầm lẫn với một nhãn

hiệu hoặc một chỉ dẫn địa lý nào đó đang được bảo hộ để tiêu thụ được nhiều hàng hóa hơn. Ví dụ, nhà sách A mặc dù đã biết được bản quyền của cuốn sách Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật là của Trường Đại học Luật Hà Nội, nhưng nhà sách này vẫn cố tình in lậu cuốn sách này để bán. Một ví dụ khác, công ty sản xuất phụ tùng xe máy A mặc dù đã biết nhãn hiệu "Honda" là nhãn hiệu nổi tiếng của Công ty Honda Nhật Bản, nhưng công ty này vẫn cố ý gắn nhãn hiệu này trên lên sản phẩm phụ tùng xe máy do mình sản xuất để bán trên thị trường Việt Nam để khiến cho người tiêu dùng bị nhầm tưởng rằng đó là sản phẩm chính hãng của Honda. Trong khi đó, đối với loại hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, lỗi của chủ thể thực hiện hành vi có thể là lỗi cố ý hoặc cũng có thể là lỗi vô ý ví dụ, công ty A mặc dù đã biết trên thị trường đã có sản phẩm thuốc giảm đau hạ sốt panadol là của công ty Sanofi, do tin rằng việc sử dụng nhãn hiệu "hapadol" cho sản phẩm cùng loại là không xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu trên của Sanofi. Tuy nhiên, khi công ty Sanofi yêu cầu cơ quan thực thi xử lý thì hai nhãn hiệu trên bị kết luận là có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng nên hành vi xâm phạm của công ty A được coi là lỗi vô ý.

- *Mức độ gây thiệt hại:* Đối với loại hàng hóa giả mạo về SHTT, chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm luôn có lỗi cố ý nên thông thường mức độ gây thiệt hại của hành vi này gây ra cho chủ thể quyền SHTT và cho xã hội luôn cao hơn so với thiệt hại từ hành vi sản xuất, kinh doanh buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền SHTT.

Do tính chất và mức độ xâm phạm của hai loại hàng hóa giả mạo về SHTT và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT khác nhau nên pháp luật hiện hành quy định về hình phạt và chế tài áp dụng đối với hai loại hàng hóa này cũng khác nhau. Cụ thể, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, chủ thể thực hiện hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán... hàng hóa giả mạo về SHTT có thể bị xử lý bằng các biện pháp hình chính, dân sự hoặc có thể bị xử lý hình sự theo như quy định tại Điều 170 và Điều 171 của BLHS năm 1999 được sửa

đổi, bổ sung năm 2009. Trong khi đó, đối với chủ thể thực hiện hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán... hàng hóa xâm phạm quyền SHTT thì chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm chủ yếu bị áp dụng hình thức xử lý hành chính hoặc dân sự, ít khi bị áp dụng biện pháp hình sự.

1.4. TƯƠNG QUAN GIỮA HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ HÀNG HÓA CHỨA DẤU HIỆU CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH LIÊN QUAN ĐẾN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Hành vi xâm phạm quyền SHTT và hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhìn bề ngoài có thể có rất nhiều điểm giống nhau, tuy vậy sự khác nhau giữa hai loại hành vi này xuất phát từ chính bản chất pháp lý của mỗi loại hành vi, cụ thể như sau:

- *Về điều kiện áp dụng pháp luật:* Theo quy định của Luật SHTT, chỉ có thể cấu thành hành vi xâm phạm quyền SHTT khi có một quyền SHTT hợp pháp đang được bảo hộ bị xâm phạm. Hay nói một cách khác, sẽ không có khái niệm về xâm phạm quyền SHTT khi mà quyền đó không hề tồn tại, ví dụ như trường hợp một nhãn hiệu không đăng ký bảo hộ (trừ khi là nhãn hiệu nổi tiếng) thì không thể căn cứ vào pháp luật về SHTT để bảo vệ khi bị xâm phạm. Tuy nhiên, cơ sở này lại khác khi áp dụng pháp luật cạnh tranh bởi cũng đối với trong trường trên lại hoàn toàn có thể áp dụng luật cạnh tranh để điều chỉnh, theo đó hành vi sử dụng chỉ dẫn làm sai lệch nhận thức của khách hàng về hàng hóa, dịch vụ nhằm mục đích cạnh tranh là một dạng của hành vi cạnh tranh không lành mạnh, không phụ thuộc vào việc dấu hiệu chỉ dẫn đó đã được đăng ký hay chưa. Từ sự phân tích này có thể thấy những đối tượng có liên quan đến SHTT thuộc phạm vi áp dụng luật cạnh tranh rộng hơn so với pháp luật về SHTT. Các đối tượng như khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng, bao bì... nếu không được bảo hộ bằng các quy định riêng về SHTT thì hoàn toàn có thể tìm thấy cơ sở pháp lý để bảo vệ trong luật cạnh tranh.

- *Về yếu tố chủ thể:* Khi nói đến cạnh tranh là phải nói đến các chủ thể có cùng ngành nghề kinh doanh với nhau hoặc liên quan đến nhau, cụ thể, chỉ có

thể kết luận về hành vi cạnh tranh không lành mạnh nếu các chủ thể có hành vi bị cấm đối với đối thủ cạnh tranh trên thị trường liên quan, bao gồm thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan (Điều 3 khoản 1, Luật cạnh tranh) theo nguyên tắc được pháp luật các nước thừa nhận rằng: mọi thương nhân trung thực phải có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để cá biệt hóa sản phẩm của mình nhằm không gây nhầm lẫn với sản phẩm khác. Trong khi đó, có thể kết luận hành vi xâm phạm quyền SHTT với bất kỳ chủ thể nào vi phạm độc quyền của chủ sở hữu đã được pháp luật quy định. Ví dụ, một công ty có trụ sở và hoạt động kinh doanh ở thành phố Hà Nội, sử dụng một nhãn hiệu trùng với nhãn hiệu đang được bảo hộ cho sản phẩm cùng loại của một công ty trong Thành phố Hồ Chí Minh, trong trường hợp này mặc dù hai công ty trên không có chung khu vực địa lý kinh doanh nhưng hành vi sử dụng nhãn hiệu trùng của công ty ở thành phố Hà Nội vẫn có quyền đề nghị xử lý hành vi kinh doanh hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu tuy nhiên sẽ không thể kiện về hành vi cạnh tranh không lành mạnh bởi ở đây không có yếu tố cạnh tranh.

- *Về yếu tố lỗi*: Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi có lỗi cố ý theo pháp luật hiện hành cũng như được ghi nhận từ lâu trong pháp luật các nước. Điều 40 của Luật cạnh tranh chỉ rõ hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn phải nhằm mục đích cạnh tranh, do đó không thể nói tới cạnh tranh không lành mạnh khi mà người chủ thể không biết mình đang thực hành vi bị cấm. Đối với lĩnh vực SHTT, lỗi không phải là yếu tố bắt buộc cấu thành hành vi vi phạm. Một khi các đối tượng của quyền SHTT đã được đăng ký theo đúng trình tự pháp luật quy định thì các chủ thể khác được suy đoán là đã biết tới quyền của chủ hữu.

Qua phân tích trên có thể bước đầu khẳng định việc tồn tại song song hai phương thức kiện dựa trên cơ sở pháp luật cạnh tranh và pháp luật về SHTT đối với các hành vi phạm quyền SHTT là một sự bổ sung cho nhau. Vấn đề đặt ra, như chúng tôi đã đề cập ở trên, là người bị thiệt hại nên chọn cách thức nào (hiệu quả nhất) để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình khi bị xâm phạm.

1.5. Ý NGHĨA CỦA VIỆC XỬ LÝ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung, đặc biệt là hàng hóa giả mạo về SHTT luôn gây ra những thiệt hại rất lớn cho các chủ sở hữu quyền SHTT, người tiêu dùng và xã hội. Thực tiễn cho thấy, nạn sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT có thể khiến cho các doanh nghiệp là chủ sở hữu quyền SHTT có thể phải tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh, thậm chí bị phá sản do không bán được hàng hóa. Do đó, việc xử lý triệt để hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung trong đó có hàng hóa giả mạo về SHTT sẽ có các ý nghĩa quan trọng sau đây:

Ngăn ngừa hành vi xâm phạm có thể xảy ra: Theo quy định của pháp luật hiện hành, "tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác thì tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự" [40, Điều 199]. Thực tế cho thấy, do tính chất của hành vi xâm phạm quyền SHTT bằng hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT thường nghiêm trọng hơn các hành vi xâm phạm quyền SHTT thông thường khác nên khi bị phát hiện và xử lý, chủ thể có hành vi xâm phạm thường bị các cơ quan thực thi pháp luật xử lý rất nặng. Do vậy, việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT trong đó có hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT không chỉ có tác dụng khiến cho chủ thể có hành vi xâm phạm nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình, không dám tiếp tục có hành vi xâm phạm trong tương lai mà nó còn có tác dụng răn đe các tổ chức, cá nhân khác có thể nhận thức được và không có hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Giúp chủ sở hữu quyền SHTT có thể đòi bồi thường thiệt hại và tránh bị thiệt hại về kinh tế trong tương lai: Khi hàng giả, hàng hóa giả mạo về SHTT xuất hiện trên thị trường, chắc chắn nó sẽ gây ra không ít thiệt hại cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính. Những tổn thất có thể kể ra như thiệt hại về mặt kinh tế, suy giảm uy tín, thậm chí ảnh hưởng cả về

chính sách phát triển của doanh nghiệp. Đối với thiệt hại về mặt kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính phải gánh chịu đó chính là việc bị mất thị phần trên thị trường qua đó sẽ bị giảm sút về doanh thu. Hầu hết các doanh nghiệp, thị phần chính là một trong những yếu tố quan trọng và quyết định đến doanh thu của doanh nghiệp. Thậm chí, nó có thể quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trên thị trường. Do vậy, khi hàng giả nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT xuất hiện và được tiêu thụ trên thị trường, chắc chắn nó sẽ làm cho thị phần của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính bị giảm thị đáng. Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, có khá nhiều doanh nghiệp đã phải chịu ảnh hưởng từ nạn sản xuất, buôn bán hàng giả như Công ty Ajinomoto Việt Nam. Theo đánh giá của công ty này, các sản phẩm bột ngọt của công ty này trong những năm gần đây bị làm giả rất nhiều. Chính điều này đã làm cho thị phần của công ty đã bị suy giảm đáng kể. Tương tự như vậy, theo tổng kết của Công ty Redbull Việt Nam, trong những năm gần đây thị phần của công ty này bị giảm khoảng 30% do sản phẩm nước tăng lực mang nhãn hiệu "Redbull, và hình" bị làm giả, làm nhái rất nhiều và được bán tràn lan trên thị trường. Ngoài ra có thể còn có nhiều công ty khác cũng phải chịu những thiệt hại nói trên. Chính vì vậy, việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT trong đó có hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT, một mặt sẽ giúp cho chủ thể quyền SHTT bị xâm phạm có thể đòi bồi thường thiệt hại từ tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT mà còn giúp họ không còn phải gánh chịu những tổn thất từ nạn hàng giả mạo về SHTT gây ra trong tương lai.

Giúp cho người tiêu dùng không bị ảnh hưởng xấu: Theo sự kiểm định của các cơ quan chức năng, hầu hết các loại hàng giả nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT đều có chất lượng thấp hơn rất nhiều so với hàng chính hiệu. Chính vì vậy, việc sử dụng các loại hàng hóa nói trên đều ít nhiều sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, thậm chí có nhiều người đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng về sức khỏe sau khi sử dụng phải hàng giả. Trong số các loại hàng

giả có ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, loại hàng dễ nhận biết nhất chính là mặt hàng thực phẩm như rượu, bia, sữa, bánh kẹo, mì chính... Đối với mặt hàng thực phẩm, nếu người tiêu dùng mua và sử dụng phải hàng giả, họ sẽ nhận thấy ngay sự ảnh hưởng về sức khỏe khi sử dụng chúng. Ít nghiêm trọng, người sử dụng sẽ bị mắc các chứng bệnh về đường tiêu hóa. Nghiêm trọng hơn, họ sẽ bị ngộ độc, thậm chí có thể phải trả giá bằng chính tính mạng của mình. Chúng tôi xin nêu một vài ví dụ cụ thể mà người tiêu dùng đã phải gánh chịu hậu quả về sức khỏe do sử dụng phải hàng giả. Tại một đám cưới ở Hà Tây năm 2006, có nhiều người đã bị ngộ độc và phải nhập viện sau khi uống phải rượu giả. Tương tự như vậy, năm 2005 tại một trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều trẻ em phải nhập viện sau khi uống phải sữa giả...Rõ ràng, thiệt hại về sức khỏe do nạn sản xuất, buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT gây ra là rất rõ ràng. Do đó, việc xử lý triệt để hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền SHTT cũng như hàng hóa giả mạo về SHTT sẽ góp phần giúp cho người tiêu dùng tránh được những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe từ việc sử dụng từ hàng giả.

Giúp người tiêu dùng không bị tổn thất về tài chính: Thực tế cho thấy, chất lượng và tuổi đời của hàng giả chỉ bằng một phần hai hoặc một phần ba so với độ bền của loại hàng hóa chính hiệu. Thậm chí, nó có thể hỏng hoặc mất chức năng sử dụng ngay sau những lần đầu tiên sử dụng. Đối với những mặt hàng tiêu dùng thông thường, có thể thiệt hại về tài chính khi mua phải hàng giả mạo về SHTT có thể không lớn nhưng đối với những mặt hàng đắt tiền, có giá trị nếu mua phải hàng giả, chắc chắn người tiêu dùng sẽ bị tổn thất về mặt tài chính là không hề nhỏ. Do vậy, việc xử lý triệt để hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT sẽ giúp cho người tiêu dùng có thể được những thiệt hại về tài chính từ việc mua phải hàng giả nói chung và hàng giả mạo về SHTT nói riêng.

Giúp nâng cao uy tín của các nhà đầu tư: Đối với các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài, trước khi có quyết định đầu tư vào một

quốc gia nào đó, họ thường phải tìm hiểu rất kỹ về thị trường-nơi mà họ dự định đầu tư. Và một trong những vấn đề mà các nhà đầu tư chắc chắn sẽ tiến hành đó là việc điều tra thị trường, trong đó có vấn đề tìm hiểu về tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, đặc biệt là các mặt hàng cùng loại mà họ dự định sản xuất, kinh doanh tại thị trường mà họ có dự định đầu tư. Tác giả cho rằng, nếu các mặt hàng cùng loại mà các nhà đầu tư dự định sản xuất, kinh doanh đang bị làm giả và được bán tràn lan trên thị trường, chắc chắn sẽ khiến cho không ít các nhà đầu tư thay đổi và chuyển hướng đầu tư sang thị trường khác. Ngược lại, nếu các nhà đầu tư thấy, thị trường mà họ dự định đầu tư là một thị trường lành mạnh, không có hàng giả, hàng xâm phạm về SHTT, vấn đề SHTT được thực thi tốt sẽ góp phần thu hút được nhiều nhà đầu tư hơn.

1.6. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNG HÓA HÓA GIẢ MẠO QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Để có cái nhìn khái quát về hệ thống các quy định của pháp luật của Việt Nam liên quan đến lĩnh vực SHTT cũng như một số quy định của pháp luật liên quan đến hàng giả nói chung, hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng, tác giả xin tóm lược một số văn bản pháp luật được nhà nước ban hành có liên quan đến hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT như sau:

- Ngày 27 tháng 6 năm 1985, Quốc hội khóa VII ban hành BLHS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó đã có quy định về tội làm hàng giả, buôn bán hàng giả. Mặc dù trong BLHS này, các nhà làm luật chưa đưa ra được một khái niệm chính thống về hàng giả nhưng ở thời kỳ này, hàng giả được hiểu là loại hàng hóa có giá trị và giá trị sử dụng không đúng với tên gọi của nó, không đúng với tiêu chuẩn đã quy định của Nhà nước trong việc sản xuất các loại hàng hóa hoặc sử dụng trái phép nhãn hiệu của một cơ sở sản xuất khác. Theo cách hiểu nói trên, hàng giả ở thời kỳ này gồm có hai loại đó là: hàng giả về chất lượng, công dụng của sản phẩm. Ví dụ: một cơ sở sản xuất mỹ chính, trên bao bì có ghi đầy đủ các thành phần,

hàm lượng của sản nhưng khi kiểm định thì loại sản phẩm mỳ chính đó không hề có các chất như được ghi trên bao bì; hàng giả về nhãn hiệu, ví dụ công ty A nhận thấy sản phẩm bánh trung thu mang nhãn hiệu "HỮU NGHỊ" của Công ty B bán rất chạy trên thị trường nên đã sử dụng nhãn hiệu này để gắn lên sản phẩm bánh trung thu của công ty mình để bán trên thị trường. Nhìn chung, mặc dù ở thời kỳ này, các nhà làm luật đã có quy định về hàng giả, trong đó có hàng hóa giả về nhãn hiệu nhưng còn sơ sài, chưa cụ thể do chưa có luật chuyên ngành về SHTT.

- Ngày 25 tháng 4 năm 1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 140-HĐBT quy định về việc kiểm tra, xử lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả, trong văn bản pháp luật này vấn đề hàng giả được quy định rằng, sản phẩm, hàng hóa có một trong những dấu hiệu dưới đây được coi là hàng giả: sản phẩm, hàng hóa (kể cả hàng nhập khẩu) có nhãn sản phẩm giả mạo hoặc nhãn sản phẩm của một cơ sở sản xuất khác mà không được chủ nhãn đồng ý; sản phẩm, hàng hóa mang nhãn hiệu hàng hóa giống hệt hoặc tương tự có khả năng làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hóa của cơ sở sản xuất, buôn bán khác đã đăng ký với cơ quan bảo hộ quyền SHCN (Cục sáng chế), hoặc đã được bảo hộ theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; sản phẩm, hàng hóa mang nhãn không đúng với nhãn sản phẩm đã đăng ký với cơ quan tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sản phẩm, hàng hóa ghi dấu phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam khi chưa được cấp giấy chứng nhận và dấu phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam; Sản phẩm, hàng hóa đã đăng ký hoặc chưa đăng ký chất lượng với cơ quan Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng mà có mức chất lượng thấp hơn mức tối thiểu cho phép; Sản phẩm, hàng hóa có giá trị sử dụng không đúng với nguồn gốc, bản chất, tự nhiên, tên gọi và công dụng của nó.

Như vậy, theo như quy định tại Nghị định số 140-HĐBT nói trên, hàng giả bao gồm giả về nhãn sản phẩm, giả về nhãn hiệu hàng hóa, giả về quy cách ghi nhãn mác, giả so với chất lượng đã đăng ký với cơ quan chức năng, giả về giá trị sử dụng. Điều này cho thấy, các nhà làm luật vừa Việt

Nam trong giai đoạn này tuy đã phân loại ra nhiều loại hàng giả khác nhau nhưng vẫn đánh đồng giữa hàng hóa giả mạo về chất lượng và giả mạo về nhãn hiệu hoặc nhãn sản phẩm, chưa có quy định về hàng giả mạo về SHTT hoặc hàng hóa xâm phạm quyền SHTT.

- Ngày 27 tháng 10 năm 1999, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg, quy định về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả. Để thi hành Chỉ thị này, ngày 27 tháng 4 năm 2000, Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Bộ Công an và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã ban hành Thông tư số 10/2000/TTLT-BTM- BTC-BCA-BKHCNMT (sau đây gọi tắt là Thông tư số 10/2000) quy định các loại hàng hóa sau đây là hàng hóa giả mạo:

Hàng giả chất lượng hoặc công dụng:

Theo quy định nêu trên, hàng giả chất lượng hoặc công dụng được hiểu là hàng hóa không có giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không đúng như bản chất tự nhiên, tên gọi và công dụng của nó. Hàng hóa đưa thêm tạp chất, chất phụ gia không được phép sử dụng làm thay đổi chất lượng; không có hoặc có ít dược chất, có chứa dược chất khác với tên dược chất ghi trên nhãn hoặc bao bì; không có hoặc không đủ hoạt chất, chất hữu hiệu không đủ gây nên công dụng; có hoạt chất, chất hữu hiệu khác với tên hoạt chất, chất hữu hiệu ghi trên bao bì. Hàng hóa không đủ thành phần nguyên liệu hoặc bị thay thế bằng những nguyên liệu, phụ tùng khác không đảm bảo chất lượng so với tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa đã công bố, gây hậu quả xấu đối với sản xuất, sức khỏe người, động vật, thực vật hoặc môi sinh, môi trường. Hàng hóa thuộc danh mục Tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng mà không thực hiện gây hậu quả xấu đối với sản xuất, sức khỏe người, động vật, thực vật hoặc môi sinh, môi trường. Hàng hóa chưa được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn mà sử dụng giấy chứng nhận hoặc dấu phù hợp tiêu chuẩn.

Giả về nhãn hiệu hàng hóa, KDCN, nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa:

Theo quy định nêu trên, hàng giả về nhãn hiệu hàng hóa được hiểu là hàng hóa có nhãn hiệu hàng hóa trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn

hiệu hàng hóa của người khác đang được bảo hộ cho cùng loại hàng hóa kể cả nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, mà không được phép của chủ nhãn hiệu. Hàng hóa có dấu hiệu hoặc có bao bì mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với tên thương mại được bảo hộ hoặc với tên gọi xuất xứ hàng hóa được bảo hộ. Trong khi đó, hàng giả về KDCN được hiểu là hàng hóa, bộ phận của hàng hóa có hình dáng bên ngoài trùng với KDCN đang được bảo hộ mà không được phép của chủ sở hữu KDCN. Hàng hóa có dấu hiệu giả mạo về chỉ dẫn nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa gây hiểu sai lệch về nguồn gốc, nơi sản xuất, nơi đóng gói, lắp ráp hàng hóa.

Giả về nhãn hàng hóa:

Theo quy định của văn bản pháp luật nêu trên, hàng hóa giả về nhãn hàng hóa được hiểu là hàng hóa có nhãn hàng hóa giống hệt hoặc tương tự với nhãn hàng hóa của cơ sở khác đã công bố. Những chỉ tiêu ghi trên nhãn hàng hóa không phù hợp với chất lượng hàng hóa nhằm lừa dối người tiêu dùng. Nội dung ghi trên nhãn bị cạo, tẩy xóa, sửa đổi, ghi không đúng thời hạn sử dụng để lừa dối khách hàng.

Có thể nhận thấy, vấn đề hàng giả được quy định trong Thông tư số 10/2000 đã được các nhà làm luật quy định khá chi tiết về nhiều loại hàng giả khác nhau bao gồm: giả về chất lượng hoặc công dụng; giả về về nhãn hiệu hàng hóa, KDCN, nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; giả về nhãn hàng hóa; giả về các loại tem, decal, bao bì hàng hóa... Tuy nhiên, do ở thời kỳ này vẫn chưa có luật chuyên ngành về SHTT nên vấn đề hàng giả tuy đã được quy định rõ nét hơn nhưng vẫn ở chung tình trạng như các quy định về hàng giả trước đó đó là chưa có quy định về hàng giả mạo về SHTT hoặc hàng hóa xâm phạm về SHTT mà các loại hàng hóa này vẫn bị đánh đồng với các loại hàng hóa giả mạo khác.

- Ngày 29 tháng 11 năm 2005, Quốc hội ban hành Luật SHTT, vấn đề hàng hóa giả mạo về SHTT được quy định tại Điều 213 như sau:

Hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và giả mạo chỉ dẫn địa lý và hàng hóa sao chép lậu. Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là hàng hóa, bao bì của hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý. Hàng hóa sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan [40].

Như vậy, lần đầu tiên khái niệm về hàng hóa giả mạo về SHTT chính thức được quy định trong một đạo luật chuyên ngành về SHTT. Hàng giả quy định trong Luật SHTT chỉ thuần túy là giả mạo về SHTT, không quy định và điều chỉnh các loại hàng hóa giả mạo khác như giả về chất lượng, công dụng, giả về bao bì, nhãn mác như các văn bản trước đó. Điều này cho thấy sự tiến bộ vượt bậc trong việc ban hành các chế định về lĩnh vực SHTT của Nhà nước ta.

Qua việc tìm hiểu và phân tích những quy định của pháp luật Việt Nam về hàng giả nói chung, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT trong các văn bản pháp luật nói trên, cho thấy mặc dù vấn đề hàng giả đã được nhà nước ta quy định từ năm 1985 nhưng phải đến năm 2005 khi nhà nước ta ban hành Luật SHTT thì vấn đề hàng hóa giả mạo về SHTT mới chính thức được quy định. Điều này, một phần cho thấy sự hòa nhập và tiếp thu những quy định tiến bộ về lĩnh vực SHTT của thế giới, mặt khác nó cũng cho thấy sự phát triển và hoàn thiện của việc xây dựng pháp luật chuyên ngành của Việt Nam về lĩnh vực SHTT.

Chương 2

CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

Trong phạm vi Chương 2 của luận văn, tác giả sẽ tập trung vào việc nêu và phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về các loại hàng hóa giả mạo về SHTT; cách thức xác định hàng hóa giả mạo về SHTT; các biện pháp xử lý hàng hóa giả mạo về SHTT theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.1. CÁC LOẠI HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Theo quy định của Luật SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT chủ yếu xuất hiện dưới các hình thức sau đây:

Hàng hóa giả mạo về SHTT sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của hàng thật: Những loại hàng hóa giả mạo về SHTT thuộc đối tượng này được nhận định là phổ biến nhất ở Việt Nam và xuất hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm hai loại sau đây: Trường hợp thứ nhất, hàng hóa do bên vi phạm sản xuất, kinh doanh có gắn nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý trùng với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được pháp luật bảo hộ của các chủ thể khác. Theo như quy định tại Điều 11, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi, dấu hiệu trùng ở đây được hiểu là trùng về cấu tạo và cách trình bày (kể cả màu sắc) so với nhãn hiệu được bảo hộ, ví dụ nhãn hiệu được bảo hộ là HONDA được bảo hộ cho sản phẩm mô tô, xe máy thuộc nhóm 12, thì dấu hiệu được xác định là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu cũng phải là "HONDA" được dùng cho chính sản phẩm được bảo hộ nói trên. Thực tế cho thấy, hầu hết các chủ thể sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về SHTT nói trên đều cố ý vi phạm do hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực nên bên vi phạm đã biết đến uy tín và danh tiếng của một nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý nào đó những vẫn cố ý vi phạm để trục lợi. Ví dụ năm 2013, Hãng xe máy Honda của Nhật Bản tại Việt Nam đã yêu cầu cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam xử lý một số công ty, trong đó có công ty HD tại

Thành phố Hồ Chí Minh do công ty này kinh doanh các sản phẩm sấm lốp, vành xe máy có gắn nhãn hiệu Honda, đang được pháp luật Việt Nam bảo hộ cho những sản phẩm cùng loại của Hãng Honda, nhưng không phải do Honda sản xuất. Trường hợp thứ hai, hàng hóa do bên vi phạm sản xuất, kinh doanh có gắn nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được pháp luật bảo hộ của các chủ thể khác. Yếu tố khó phân biệt ở đây được hiểu là dấu hiệu giả mạo gần như trùng lặp với nhãn hiệu được bảo hộ về cấu tạo và cách trình bày đến nỗi không thể phân biệt được và chúng cũng phải được sử dụng cho chính sản phẩm của nhãn hiệu đang được bảo hộ. Thực tiễn cho thấy, các chủ thể có hành vi xâm phạm thuộc trường hợp này hoặc là đã biết hoặc chưa biết đến một nhãn hiệu, chỉ dẫn nào đó đang được pháp luật bảo hộ cho các chủ thể khác nhưng vẫn cố ý vi phạm để trục lợi hoặc vô ý vi phạm do không có nhận thức đầy đủ về kiến thức pháp Luật SHTT và chỉ khi bị xử lý mới biết hành vi của mình đã xâm phạm đến quyền SHTT của các chủ thể khác. Ví dụ năm 2012, chủ sở hữu nhãn hiệu "PALOMA", đang được bảo hộ cho sản phẩm bếp ga tại Việt Nam, đã yêu cầu cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam xử lý hành vi kinh doanh hàng hóa giả mạo về SHTT đối với Cửa hàng kinh doanh đồ gia dụng A trên địa bàn thành phố Hà Nội do cửa hàng này kinh doanh sản phẩm cùng loại mang nhãn hiệu "PALOMA".

Hàng hóa giả mạo về SHTT sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và kiểu dáng bao bì của chính hàng thật: Đây là loại hàng hóa giả mạo về SHTT tuy không phổ biến và đa dạng bằng loại hàng hóa giả mạo về SHTT như được đề cập ở trên nhưng trên thực tế vẫn xuất hiện trên thị trường Việt Nam và thường có nhiều ở các mặt hàng thực phẩm và đồ uống. Bên vi phạm thực hiện hành vi vi phạm bằng cách tiến hành thu gom các bao bì, chai lọ... có gắn nhãn hiệu, chỉ dẫn của các sản phẩm chính hãng, sau đó tiến hành đóng gói, pha chế... sản phẩm của mình vào rồi cung cấp ra thị trường để đánh lừa người tiêu dùng. Loại hàng hóa giả mạo về SHTT này thường gây ra sự bức xúc rất lớn với người tiêu dùng bởi việc sử dụng loại hàng giả này thường để

loại hậu quả rất xấu với người tiêu dùng do chất lượng rất kém và chỉ khi sử dụng sản phẩm, thì mới có thể nhận biết được đó là hàng giả. Ví dụ, năm 2013, Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn A tại Nam Định đã bị cơ quan thực thi pháp luật xử lý hành vi sản xuất hàng giả mạo về chỉ dẫn địa lý do chủ hộ này đã tiến hành thu gom các chai, lọ nước mắm mang chỉ dẫn địa lý "Nước mắm Phú Quốc" đang được bảo hộ của tỉnh Kiên Giang, để đóng nước mắm có chất lượng rất thấp của chủ hộ này vào rồi đưa ra thị trường tiêu thụ.

Hàng hóa giả mạo về SHTT là những sản phẩm sao chép lậu: Đây là loại hàng hóa giả mạo về SHTT thuộc lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan. Nếu như ở lĩnh vực SHCN, chỉ có nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý mới có thể là đối tượng của hàng hóa giả mạo về SHTT, thì trong lĩnh vực bản quyền, tất cả các đối tượng SHTT thuộc lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan như các bài giảng, bài phát biểu, các tác phẩm báo chí, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm sân khấu, tác phẩm điện ảnh, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm kiến trúc, các bản ghi âm, ghi hình..., nếu bị sao chép lậu thì đều có thể bị coi là hàng hóa giả mạo về SHTT. Theo như quy định tại Điều 213, Luật SHTT, Hàng hóa sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan. Theo hướng dẫn tại Điều 4, Nghị định số 100/2006/NĐ-CP sửa đổi, hàng hóa sao chép lậu (sao chép trái phép) được hiểu là những hàng hóa được sao chép một phần hoặc sao chép toàn bộ trực tiếp từ tác phẩm gốc hoặc sao chép gián tiếp không phải từ tác phẩm gốc. Ví dụ, nhận thấy các tập sách Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự do Bộ Tư pháp phát hành, được nhiều người quan tâm nên cửa hàng sách A, khi chưa có sự đồng ý của Bộ tư pháp, đã tiến đặt nhà xuất bản B in lậu một nghìn cuốn để bán. Trong trường hợp, các cơ quan chức năng có thể xử phạt hành vi của cửa hàng sách A về hành vi kinh doanh sản phẩm sách lậu, và xử phạt hành vi của nhà xuất bản B về hành vi làm bản sao trái phép. Ngoài ra, hàng hóa sao chép lậu ở đây được hiểu là những hàng hóa được sao chép không thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép, quy định tại Điều 25 và Điều 32, Luật SHTT.

Ví dụ, nhận thấy các tập sách Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự do Bộ tư pháp phát hành rất hay, Nguyễn Văn A đã tiến hành sao chép một bộ sách này phục vụ cho công việc mà không cần xin phép Bộ tư pháp. Hành vi sao chép của Nguyễn Văn A, trong trường hợp này không bị coi là sao chép lậu.

2.2. XÁC ĐỊNH HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Theo quy định tại Điều 213 của Luật SHTT: "Hàng hóa giả mạo về SHTT bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý và hàng hóa sao chép lậu" [40]. Dựa vào quy định nêu trên, hàng hóa giả mạo về SHTT được Luật SHTT phân loại theo các lĩnh vực đó là hàng hóa giả mạo về quyền tác giả, hàng hóa giả mạo về quyền liên quan, hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, và hàng hóa giả mạo về chỉ dẫn địa lý. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi, hành vi bị coi là hành vi xâm phạm quyền SHTT, khi có đủ các căn cứ sau đây:

- (i) Đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi các đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;
- (ii) Có yếu tố xâm phạm trong đối tượng bị xem xét;
- (iii) Người thực hiện hành vi bị xem xét không phải là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và không phải là người được pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các Điều 25, 26, 32, 33, khoản 2 và khoản 3 Điều 125, Điều 133, Điều 134, khoản 2 Điều 137, các Điều 145, 190 và 195 của Luật Sở hữu trí tuệ;
- (iv) Hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam [13].

Do đó, để xác định một loại hàng hóa nào đó có phải là hàng hóa xâm phạm quyền SHTT hay là hàng hóa giả mạo về SHTT, bắt buộc phải dựa vào các cơ sở pháp lý nêu trên và chỉ khi có đầy đủ chứng cứ chứng minh cho các cơ sở nêu trên là đúng, thì mới có thể khẳng định được có hay không hành vi xâm phạm quyền SHTT. Dưới đây tác giả sẽ lần lượt phân tích các điều kiện để xác định về hàng hóa giả mạo về SHTT.

2.2.1. Hàng hóa giả mạo về quyền tác giả

2.2.1.1. Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả

Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả là việc xem xét một đối tượng đang bị nghi ngờ xâm phạm quyền tác giả nào đó có thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả không.

Một trong các đặc điểm của tài sản là quyền SHTT đó là loại tài sản này chỉ được pháp luật bảo hộ trong một khoảng thời gian và không gian nhất định. Ngoài ra, ở các quốc gia khác nhau, các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả cũng có thể không giống nhau. Do đó, để có thể xác định chính xác phạm vi bảo hộ quyền tác giả, chúng ta cần xem xét đầy đủ các khía cạnh đó là đối tượng bị xem xét đó có thuộc các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả không; đối tượng đó có được bảo hộ quyền tác giả trên lãnh thổ của nước Việt Nam không; và đặc biệt phải xem xét đối tượng đó còn trong thời gian bảo hộ theo quy định của Luật SHTT không.

Về loại hình tác phẩm: Theo quy định của Luật SHTT, các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả bao gồm: tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm: tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; tác phẩm báo chí; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự; tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm nhiếp ảnh; tác phẩm kiến trúc; bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu; tác phẩm phái sinh. Do đó, nếu đối tượng xem xét không thuộc các loại hình tác phẩm nói trên, mà chúng là các đối tượng như là tin tức thời sự thuần túy đưa tin, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản khác thuộc lĩnh vực tư pháp và bản dịch chính thức của văn bản đó, quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên

lý, số liệu, thì có thể kết luận ngay là chúng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả và không cần xem xét đến các khía cạnh khác.

Về không gian bảo hộ quyền tác giả: Trước ngày 26 tháng 10 năm 2004, khi Việt Nam chưa tham gia Công ước Bern, việc xác định không gian bảo hộ quyền tác giả chỉ cần xác định loại hình tác phẩm đó được hình thành trên lãnh thổ của nước Việt Nam thì mới được bảo hộ quyền tác giả. Tuy nhiên, sau khi Việt Nam trở thành thành viên của công ước này, việc xác định không gian bảo hộ quyền tác giả cần phải được xác định ở phạm vi rộng hơn, cụ thể chỉ cần tác phẩm được hình thành tại một trong các quốc gia thành viên của Công ước Bern, thì tác phẩm cũng sẽ được bảo hộ tại Việt Nam. Ví dụ, Singapore và Việt Nam đều là thành viên của Công ước Bern, do đó nếu một công dân của Singapore có tác phẩm văn học nghệ thuật được bảo hộ tại Singapore, thì tác phẩm này cũng sẽ được bảo hộ tại Việt Nam.

Về thời hạn bảo hộ quyền tác giả: Theo quy định tại Khoản 6, Điều 7, Nghị định số 105/NĐ-CP sửa đổi, các đối tượng như là: bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép, và phần tác phẩm bị trích đoạn, sao chép, lắp ghép trái phép, sẽ bị coi là bị coi là hàng hóa sao chép lậu. Như vậy, trong lĩnh vực quyền tác giả, chỉ có các quyền tài sản, cụ thể là quyền sao chép tác phẩm mới có thể là đối tượng bị làm giả mạo. Trong khi đó, theo quy định của pháp luật về SHTT, quyền tài sản sẽ có thời hạn bảo hộ như sau: Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là bảy mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên; đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng chưa được công bố trong thời hạn hai mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình thì thời hạn bảo hộ là một trăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình; đối với tác phẩm khuyết danh và các tác phẩm khác, khi các thông tin về tác giả xuất hiện thì thời hạn bảo hộ được tính suốt cuộc đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết; trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ năm mươi sau năm đồng tác giả cuối cùng chết. Do đó, chỉ khi các quyền tài sản như tác giả đề cập nói trên của các đối tượng quyền tác giả bị xâm phạm

đang trong thời gian bảo hộ thì chúng mới thuộc các đối tượng xem xét. Trong trường hợp thời hạn bảo hộ đối với quyền tác giả đã hết theo quy định nêu trên, thì các quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, không còn được Nhà nước và pháp luật bảo hộ. Ví dụ: Nhà văn Nguyễn Văn A (mất ngày 1/10/2000) sáng tác và hoàn thành tác phẩm văn học "Rừng Xanh" vào năm 1950. Theo quy định của pháp luật thì quyền tài sản của nhà văn Nguyễn Văn A đối với tác phẩm trên sẽ chấm dứt vào hồi 24h ngày 31/12/2050. Sau thời điểm này, tác phẩm sẽ thuộc về công chúng và bất kỳ ai cũng có quyền sử dụng.

2.2.1.2. Xác định yếu tố giả mạo quyền tác giả

Yếu tố giả mạo quyền tác giả là yếu tố được tạo ra từ hành vi xâm phạm quyền tác giả. Theo quy định Điều 7.1, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi, yếu tố xâm phạm quyền tác giả có thể thuộc một trong các dạng sau đây: bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép; tác phẩm phái sinh được tạo ra một cách trái phép; tác phẩm giả mạo tên, chữ ký của tác giả, mạo danh hoặc chiếm đoạt quyền tác giả; phần tác phẩm bị trích đoạn, sao chép, lắp ghép trái phép; sản phẩm có gắn thiết bị kỹ thuật bảo vệ quyền tác giả bị vô hiệu hóa trái phép. Tuy nhiên, không phải tất cả các sản phẩm nói trên đều bị coi là hàng hóa giả mạo về quyền tác giả, mà chỉ có các sản phẩm là bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép và phần tác phẩm bị trích đoạn, sao chép, lắp ghép trái phép mới bị coi là hàng hóa giả mạo về quyền tác giả, hay còn gọi là hàng hóa sao chép lậu theo như quy định tại Điều 213 của Luật SHTT, vì đây là những sản phẩm do chính tác giả sáng tạo ra bị xâm phạm. Những sản phẩm còn lại, theo như quy định tại Điều 7.6, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi, không phải do chính tác giả sáng tạo ra nên khi chúng bị xâm phạm thì sẽ được xác định là hàng hóa xâm phạm quyền tác giả. Do vậy, các cơ quan thực thi pháp luật, các chủ thể quyền SHTT và người tiêu dùng khi xác định yếu tố xâm phạm quyền tác giả cần phải phân biệt được yếu tố nào nào yếu tố giả mạo quyền tác giả, yếu tố nào là yếu tố xâm phạm quyền tác giả qua đó có thể đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp.

Ví dụ: Nguyễn Văn A sao chép 100 bản từ bản gốc chữ Hán tác phẩm "Nhật ký trong tù" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sao đó tiếp tục sao chép 50 bản từ Cuốn sách tuyển trọn 300 bài văn mẫu của tác giả Nguyễn Văn B. Trong số các tác phẩm được tạo ra từ hành vi xâm phạm quyền SHTT của Nguyễn Văn A nói trên, thì 100 bản được sao chép từ bản gốc chữ Hán tác phẩm "Nhật Ký Trong Tù" của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ được xác định là hàng hóa giả mạo về SHTT và 50 bản sao chép từ Cuốn sách tuyển trọn 300 bài văn mẫu của tác giả Nguyễn Văn B sẽ được xác định là hàng hóa xâm phạm quyền SHTT vì đây được coi là sao chép tác phẩm phái sinh.

Ngoài ra, bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép được hiểu là những bản sao được thực hiện nhưng không thuộc các trường hợp giới hạn quyền tác giả, mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm và bản sao này có thể là sao chép một phần hoặc sao chép toàn bộ tác phẩm được bảo hộ. Ví dụ, nhận thấy cuốn sách Kỹ năng luyện dịch tiếng Anh của tác giả Nguyễn Hòa bán rất chạy, Nhà sách A đã sao chép trái phép 100 bản của cuốn sách này để bán. Trong khi đó, phần tác phẩm bị trích đoạn, sao chép, lắp ghép trái phép là những phần tác phẩm bị trích dẫn hoặc sao chép không thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép như là: tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân; sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu; trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình; trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu; trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại... Chứng cứ được sử dụng để so sánh xác định yếu tố giả mạo là dựa vào bản gốc tác phẩm hoặc tác phẩm gốc để kết luận. Trường hợp không có bản gốc tác phẩm thì có thể dựa vào bản sao tác phẩm được công bố hợp pháp để xác định.

2.2.1.3. Xác định chủ thể thực hiện hành vi vi phạm

Chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT là những tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT. Các chủ thể này không bao gồm các chủ thể sau đây: tác giả (hoặc đồng tác giả nếu có) đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm; chủ sở hữu tác phẩm, chủ sở hữu tác phẩm có thể bao gồm một trong các trường hợp như tổ chức, cá nhân giao việc cho tác giả thực hiện nhiệm vụ thuộc tổ chức của mình, hoặc là người được thừa kế quyền tác giả, hoặc là người nhận chuyển giao quyền tác giả, hoặc là người ký hợp đồng sáng tác với tác giả, hoặc là các cơ quan nhà nước, Ví dụ: Nguyễn Văn A ký hợp đồng dịch vụ để Nguyễn Văn B thiết kế cho mình các mẫu hoa văn trang trí trên sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Sau khi thực hiện xong hợp đồng thiết kế, Nguyễn Văn A sẽ là người có quyền sử dụng tác phẩm này cho dù tác phẩm này không phải do Nguyễn Văn A sáng tạo ra; chủ sử dụng hợp pháp quyền tác giả là những người được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép hoặc được nhận chuyển giao quyền sử dụng quyền tác giả. Ví dụ: A là chủ sở hữu của tác phẩm sân khấu "Truyện ở phòng khám". Nhận thấy tác phẩm sân khấu này được đông đảo khán, thính giả quan tâm nên Đoàn kịch nói Hà Nội đã tiến hành ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tác phẩm này của A dưới dạng hợp đồng độc quyền trong thời hạn 2 năm để biểu diễn phục vụ khán giả cả nước. Trong trường hợp này Đoàn kịch nói Hà Nội là chủ sử dụng hợp pháp quyền tác giả đối với tác phẩm nói trên; và các chủ thể sử dụng quyền tác giả thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép, Ví dụ: Phạm Văn C, là giảng viên của Đại học Quốc gia Hà Nội, có quyền sao chép một bản cuốn Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự của tác giả Đinh Văn Quế, để phục vụ công tác giảng dạy. Trong trường hợp này, chủ thể thực hiện việc sao chép nói trên là Phạm Văn C không phải là chủ thể thực hiện hành vi sao chép hàng hóa giả mạo về SHTT. Do đó, nếu các chủ thể thực hiện hành vi sử dụng tác phẩm thuộc một trong các hợp nói trên, thì đó không phải là chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả.

2.2.1.4. Xác định địa điểm thực hiện hành vi vi phạm

Xác định địa điểm thực hiện hành vi vi phạm là việc xác định xem hành vi đang bị nghi ngờ xâm phạm quyền tác giả đó có được thực hiện tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ là nơi quyền tác giả được bảo hộ không. Quyền SHTT là một loại tài sản mang tính đặc thù và một trong những điểm đặc thù của loại tài sản này đó là chỉ được pháp luật bảo hộ trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, vùng lãnh thổ nơi mà đối tượng SHTT được bảo hộ. Ngoại trừ các tác phẩm văn học và nghệ thuật được bảo hộ theo Công ước Bern, thì tác phẩm sẽ có giá trị thực thi ở phạm vi lãnh thổ rộng hơn rộng hơn bao gồm: tác phẩm của các tác giả là công dân của một trong những nước thành viên của Công ước dù những tác phẩm đó đã công bố hay chưa; tác phẩm của các tác giả không phải là công dân của một trong những nước thành viên của Công ước được công bố lần đầu tiên ở một trong những nước thành viên của Công ước, hay đồng thời công bố ở một nước trong và một nước ngoài Công ước; và các tác giả không phải là công dân của một nước thành viên Công ước nhưng có nơi cư trú thường xuyên ở một trong những nước trên, theo mục đích của Công ước, cũng được coi như là tác giả công dân của nước thành viên đó, theo như quy định tại Điều 3 Công ước Bern.

Do quyền SHTT nói chung, quyền tác giả nói riêng bị giới hạn bởi phạm vi lãnh thổ quốc gia nên khả năng thực thi quyền tác giả cũng chỉ có giá trị thực thi ở phạm vi lãnh thổ quốc gia nơi tác phẩm được bảo hộ. Chính vì vậy chỉ có những hàng hóa được sao chép lậu được thực hiện trên lãnh thổ của Việt Nam thì mới bị coi là những hàng hóa giả mạo về SHTT. Trong trường hợp, hành vi xâm phạm được thực hiện bên ngoài biên giới lãnh thổ Việt Nam, thì hành vi này sẽ không do pháp luật Việt Nam điều chỉnh. Lãnh thổ của Việt Nam ở đây được hiểu rằng: hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực hiện trong phạm vi biên giới trên đất liền, biên giới trên biển và biên giới trên không - thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Ngoài ra, trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực hiện trên hệ thống mạng Internet, thì hành vi này sẽ được coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi

đó xảy ra trên mạng internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng tại Việt Nam. Ví dụ: Nhà xuất bản B của Trung Quốc sao chép lậu toàn bộ tác phẩm gốc Tập Nhật Ký trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đăng tin quảng cáo trên website của mình có nội dung: giá bán mỗi cuốn là 10 Nhân Dân tệ, nếu khách hàng là người Việt Nam sẽ được bán với giá thấp hơn là 8 Nhân Dân tệ.

2.2.2. Hàng hóa giả mạo về quyền liên quan

2.2.2.1. Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ quyền liên quan

Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ quyền liên quan là việc xác định xem một đối tượng đang bị nghi ngờ là xâm phạm quyền liên quan nào đó có thuộc phạm vi bảo hộ quyền liên quan không.

Tương tự như quyền tác giả, quyền liên quan cũng chỉ được pháp luật bảo hộ trong một khoảng thời gian và không gian nhất định. Hơn nữa, ở các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác nhau, các đối tượng quyền liên quan cũng có thể được bảo hộ không giống nhau. Do đó, để có thể xác định chính xác phạm vi bảo hộ quyền liên quan, chúng ta phải xem xét đầy đủ các khía cạnh của phạm vi bảo hộ quyền liên quan như là đối tượng bị xem xét đó có thuộc các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ theo quy định của pháp Luật SHTT của Việt Nam không; đối tượng đó có được bảo hộ trên lãnh thổ của nước Việt Nam không; và đặc biệt phải xem xét đối tượng quyền liên quan đó còn trong thời gian bảo hộ theo quy định của Luật SHTT không.

Về đối tượng quyền liên quan được bảo hộ: Theo quy định của Luật SHTT, các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ bao gồm: cuộc biểu diễn do công dân Việt Nam thực hiện tại Việt Nam và nước ngoài, hoặc do người nước ngoài thực hiện tại Việt Nam; cuộc biểu diễn đã được định hình hoặc chưa được định hình; cuộc biểu diễn được bảo hộ theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bản ghi âm, ghi hình của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình có quốc tịch Việt Nam; bản ghi âm, ghi hình của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam là thành viên; chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa của tổ chức phát sóng có quốc tịch Việt Nam hoặc của tổ chức phát sóng được bảo hộ theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Do đó, nếu đối tượng xem xét không thuộc các đối tượng nói trên thì có thể kết luận ngay là chúng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền liên quan, và do đó không cần xem xét đến các khía cạnh khác.

Về không gian bảo hộ quyền liên quan: Trước khi Việt Nam tham gia một số Công ước quốc tế về quyền liên quan như: ngày 6 tháng 7 năm 2005 Việt Nam gia nhập Công ước Geneva bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống việc sao chép không được phép bản ghi âm của họ; ngày 27 tháng 9 năm 2005 Việt Nam gia nhập Công ước Brussels liên quan đến việc phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh; ngày 1 tháng 3 năm 2007 Việt Nam Công ước Rome bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng... việc xác định không gian bảo hộ quyền liên quan chỉ cần xác định đối tượng quyền liên quan đó có được bảo hộ ở phạm vi lãnh thổ của Việt Nam hoặc ở lãnh thổ nước ngoài-nơi đối tượng quyền liên quan được công dân Việt Nam thực hiện. Tuy nhiên, sau khi Việt Nam trở thành thành viên của các Công ước nói trên, việc xác định không gian bảo hộ quyền liên quan cần phải được xác định ở phạm vi rộng hơn. Cụ thể phạm vi lãnh thổ được xem xét không chỉ bị giới hạn trên lãnh thổ của Việt Nam hoặc ở nước ngoài-nơi đối tượng quyền liên quan được công dân Việt Nam thực hiện, mà phạm vi này cần phải được xem xét ở những quốc gia hoặc vùng lãnh thổ là thành viên của các công ước nói trên.

Về phạm vi thời gian bảo hộ quyền liên quan: Theo quy định tại Điều 34 của Luật SHTT, thời hạn bảo hộ quyền liên quan được quy định như sau: Quyền của người biểu diễn được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm cuộc biểu diễn được định hình. Quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm công bố hoặc năm mươi năm kể từ năm tiếp theo năm bản ghi âm, ghi hình được định hình

nếu bản ghi âm, ghi hình chưa được công bố. Quyền của tổ chức phát sóng được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm chương trình phát sóng được thực hiện. Do vậy, chỉ khi các quyền tài sản như tác giả đề cập nói trên của các đối tượng quyền liên quan bị xâm phạm đang trong thời gian bảo hộ thì chúng mới thuộc các đối tượng xem xét. Trong trường hợp hết thời hạn bảo hộ đối với quyền liên quan theo quy định nêu trên, thì các quyền tài sản của các chủ thể quyền liên quan không còn được Nhà nước bảo hộ. Ví dụ: Nhà hát Thăng Long, bằng kinh phí của mình đã tổ chức một chương trình ca nhạc có tên gọi "Tình Thu", chương trình ca nhạc này do chính công ty này trực tiếp ghi hình vào tối ngày 1/1/2000 và bản ghi hình này chưa được công bố. Theo quy định của pháp luật thì quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình chương trình ca nhạc nói trên của Nhà hát Thăng Long sẽ chấm dứt vào hồi 24h ngày 31/12/2051. Sau thời điểm này, bản ghi âm, ghi hình của chương trình trên sẽ thuộc về công chúng và bất kỳ ai cũng có quyền sử dụng.

2.2.2.2. Xác định yếu tố giả mạo quyền liên quan

Yếu tố giả mạo quyền liên quan là yếu tố được tạo ra từ hành vi xâm phạm quyền liên quan. Theo quy định Điều 7.2, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi, yếu tố xâm phạm quyền liên quan có thể thuộc một trong các dạng như là bản định hình đầu tiên cuộc biểu diễn được tạo ra một cách trái phép; bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản sao bản ghi âm, ghi hình, bản sao chương trình phát sóng được tạo ra một cách trái phép; một phần hoặc toàn bộ cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng bị sao chép, trích ghép trái phép; một phần hoặc toàn bộ chương trình phát sóng bị thu, giải mã và phân phối trái phép; sản phẩm có gắn thiết bị kỹ thuật bảo vệ quyền liên quan bị vô hiệu hóa trái phép; bản định hình cuộc biểu diễn bị dỡ bỏ hoặc bị thay đổi một cách trái phép thông tin về quản lý quyền liên quan. Tuy nhiên, không phải tất cả các dạng sản phẩm nói trên đều được coi là hàng hóa giả mạo quyền liên quan, mà chỉ có các sản phẩm là bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản sao bản ghi âm, ghi hình, bản sao chương trình phát sóng được tạo ra một

cách trái phép; và một phần hoặc toàn bộ cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng bị sao chép, trích ghép trái phép; một phần hoặc toàn bộ chương trình phát sóng bị thu, giải mã và phân phối trái phép, mới được coi là hàng hóa giả mạo về quyền liên quan. Các trường hợp còn lại chỉ được coi là hàng hóa xâm phạm quyền liên quan. Chứng cứ pháp lý dựa vào để xác định yếu tố giả mạo về quyền liên quan đó là bản định hình đầu tiên cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng. Nếu kết cấu của toàn bộ hình thức thể hiện của sản phẩm nghi ngờ và kết cấu của bản định hình đầu tiên cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có các điểm trùng nhau thì hàng hóa giả mạo về quyền liên quan.

Ví dụ: Đài truyền hình Việt Nam là đơn vị mua độc quyền bản quyền truyền hình trực tiếp các trận đấu bóng đá trong khuôn khổ giải vô địch Ngoại hạng Anh ở Việt Nam mùa bóng 2012-2013. Khi chưa được sự đồng ý của Đài truyền hình Việt Nam, một đơn vị truyền hình địa phương thuộc tỉnh A đã thu trực tiếp một số trận đấu thuộc giải đấu bóng đá này bằng cách thu trực tiếp từ mạng vệ tinh để phát trực tiếp trên Đài truyền hình của địa phương mình. Hành vi của Đài truyền hình địa phương thuộc tỉnh A nói trên bị coi là hành vi xâm phạm quyền liên quan và chương trình phát sóng các trận đấu bóng đá do Đài truyền hình này thu và phát sóng trực tiếp là hàng hóa giả mạo về SHTT.

2.2.2.3. Xác định chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền liên quan

Chủ thể thực hiện hành vi giả mạo quyền liên quan là những tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT. Các chủ thể sau đây không bị coi là các chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền liên quan:

- Người sử dụng hợp pháp quyền liên quan hoặc chủ thể được chủ sở hữu quyền liên quan chuyển giao quyền sử dụng quyền liên quan. Ví dụ: Đài truyền hình Việt Nam là chủ sở hữu bản ghi hình Chương trình ca, nhạc, kịch mừng 60 năm chiến thắng Điện Biên phủ nên Đài truyền hình Việt Nam cho phép các Đài truyền hình địa phương sử dụng miễn phí vô thời hạn bản ghi

hình nói trên của mình để phát phục vụ khán giả. Trong trường hợp này các Đài truyền hình địa phương là chủ sử dụng hợp pháp quyền liên quan đối với bản ghi hình nói trên.

- Người sử dụng quyền liên quan thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép. Theo quy định của Luật SHTT, các chủ thể được pháp luật cho phép sử dụng quyền liên quan trong trường hợp như sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học của cá nhân; tự sao chép một bản nhằm mục đích giảng dạy, trừ trường hợp cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được công bố để giảng dạy; trích dẫn hợp lý nhằm mục đích cung cấp thông tin... Điểm lưu ý ở đây là tổ chức, cá nhân sử dụng quyền quy định nêu trên không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng. Ví dụ: Ca sĩ Trọng Tấn sao chép 1 bản ghi âm tác phẩm "Giải Phóng Điện Biên" của Nhạc sĩ Đỗ Nhuận do Tập thể Ban Văn Nghệ Đài tiếng nói Việt Nam thực hiện, để phục vụ công tác giảng dạy tại Học Viện âm Nhạc Việt Nam. Trong trường hợp này, chủ thể thực hiện hành vi sao chép là ca sĩ Trọng Tấn không phải là chủ thể thực hiện hành vi sao chép hàng hóa giả mạo về SHTT.

2.2.2.4. Xác định địa điểm thực hiện hành vi vi phạm

Xác định địa điểm thực hiện hành vi vi phạm là việc xác định xem hành vi đang bị nghi ngờ xâm phạm quyền liên quan đó có được thực hiện tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ là nơi quyền liên quan được bảo hộ không.

Quyền liên quan là một lĩnh vực của quyền SHTT nên quyền SHTT đối với quyền liên quan cũng chỉ được pháp luật bảo hộ trong phạm vi quốc gia hoặc vùng lãnh thổ-nơi đối tượng được bảo hộ. Ngoại trừ bản ghi âm được bảo hộ theo Công ước Gionovo, thì đối tượng này sẽ có giá trị thực thi ở phạm vi lãnh thổ của các thành viên của Công ước theo như quy định tại Điều 2, của Công ước này. Lãnh thổ của Việt Nam ở đây được hiểu là hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực hiện trong phạm vi biên giới trên đất liền, biên giới trên biển và biên

giới trên không - thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Ngoài ra, trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực hiện trên hệ thống mạng Internet nhưng có mục đích nhằm vào người tiêu dùng tại Việt Nam, thì hành vi này cũng bị coi là hành vi xâm phạm quyền liên quan được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

2.2.3. Hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý

2.2.3.1. Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý

Xác định đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là việc đánh giá đối tượng bị nghi ngờ có xâm phạm đến phạm vi quyền SHTT đang được bảo hộ đối với các đối tượng là nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý không. Để có thể xác định được phạm vi này cần tiến hành xem xét các nội dung sau đây:

Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý dùng làm căn cứ xem xét phải là những đối tượng SHTT đã được bảo hộ. Theo quy định của pháp luật hiện hành, quyền SHTT đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý phát sinh trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật SHTT hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đối với nhãn hiệu nổi tiếng, quyền sở hữu được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký (Điều 6.3, Luật SHTT). Chứng cứ để chứng minh cho cơ sở này chính là văn bằng bảo hộ nhãn hiệu được Cục SHTT cấp (nếu là đăng ký quốc gia) hoặc Chứng nhận/Xác nhận đăng ký quốc tế của Cục SHTT (nếu nhãn hiệu được đăng ký vào Việt Nam thông qua hệ thống Madrid); trong trường hợp là nhãn hiệu nổi tiếng thì phải có các chứng cứ chứng minh nhãn hiệu nổi tiếng theo như quy định tại Điều 75 của Luật SHTT; hoặc văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý nếu đối tượng xem xét là chỉ dẫn địa lý. Do đó, chỉ có các nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đã phát sinh quyền SHTT theo các căn cứ nói trên, thì mới có thể được sử dụng làm căn cứ để xác định các đối tượng bị nghi ngờ có phải là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và chỉ

dẫn địa lý hay không. Trong trường hợp nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý chưa phát sinh quyền SHTT thì chúng không thể được sử dụng làm căn cứ để xác định hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý.

Ngoài ra, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cũng giống như các đối tượng SHTT khác đó là chỉ được pháp luật bảo hộ trong phạm vi quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhất định. Không có một nhãn hiệu nào được bảo hộ trên phạm vi toàn thế giới. Ví dụ nhãn hiệu "Tiger" chỉ được công ty A của Nhật Bản đăng ký bảo hộ cho sản phẩm nổi cơm điện thuộc nhóm 11 tại Việt Nam, thì quyền SHTT đối với nhãn hiệu này chỉ có giá trị thực thi trên lãnh thổ Việt Nam, không có giá trị thực thi tại các quốc gia khác. Không gian địa lý theo quốc gia hoặc vùng lãnh thổ được xác định bằng biên giới trên bộ, biên giới trên không và biên giới trên biển. Do đó, chỉ khi nào đối tượng bị nghi ngờ xâm phạm đến không gian địa lý, nơi nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý dùng làm căn cứ đang được bảo hộ, thì mới bị coi là hàng hóa giả mạo về SHTT.

Bên cạnh việc xem xét các nội dung nêu trên, cần phải xem xét nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý dùng làm căn cứ đánh giá đó còn nằm trong phạm vi thời gian bảo hộ không. Theo quy định của Luật SHTT, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực từ ngày cấp đến hết mười năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần mười năm. Trong trường hợp hiệu lực của văn bằng bảo hộ bị chấm dứt hoặc bị hủy bỏ hiệu lực, thì quyền SHTT của nhãn hiệu cũng chấm dứt. Nếu hết thời hạn bảo hộ hoặc văn bằng bảo hộ bị chấm dứt hoặc bị hủy bỏ hiệu lực, thì các quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu không còn được Nhà nước và pháp luật bảo hộ. Ví dụ: Công ty A nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "ELEVA" cho sản phẩm thuốc chữa nám dùng cho người thuộc nhóm 5 vào Cục SHTT ngày 1/1/2010 đến ngày 1/12/2011 nhãn hiệu được cấp văn bằng. Theo quy định trên, hiệu lực của nhãn hiệu này sẽ hết hạn vào ngày 1/1/2020. Nếu sau thời điểm ngày 1/1/2020, Công ty A không làm thủ tục gia hạn cho văn bằng bảo hộ, thì hiệu lực của văn bằng sẽ bị chấm dứt. Nếu sau thời điểm 1/1/2020, công ty A sử dụng văn bằng để đề nghị cơ quan thực thi pháp luật xử lý các hành vi xâm phạm nhãn hiệu "ELEVA" thì sẽ không được các cơ quan

thực thi thụ lý giải quyết vì thời hạn bảo hộ nhãn hiệu này đã hết hiệu lực.

Trong trường hợp đối tượng xem xét là chỉ dẫn địa lý, thì có điểm lưu ý như sau. Mặc dù theo quy định của pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp (Khoản 7, Điều 93 Luật SHTT), tuy nhiên, khi các điều kiện địa lý tạo nên danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý bị thay đổi làm mất danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm đó, thì hiệu lực của văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý sẽ bị chấm dứt (Điều 95, Khoản 1, điểm g, Luật SHTT). Do đó chúng cứ để xác định điều kiện trên chính là phải xem văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý đã bị chấm dứt hiệu lực chưa. Nếu hiệu lực của văn bằng bảo hộ bị chấm dứt hiệu lực, thì quyền SHTT đối với chỉ dẫn địa lý cũng chấm dứt và các quyền của chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý không còn được Nhà nước bảo hộ. Ví dụ: Chỉ dẫn địa lý "Bưởi Đoan Hùng" được Cục SHTT cấp văn bằng vào năm 2008. Đến năm 2011, do điều kiện địa lý tạo nên danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm này không còn nên bị Cục ra Quyết định chấm dứt hiệu lực. Sau khi văn bằng bị chấm dứt hiệu lực, thì chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý nói trên không còn quyền yêu cầu các cơ quan thực thi pháp luật xử lý hành vi xâm phạm đối với chỉ dẫn địa lý này nữa.

2.2.3.2. Xác định yếu tố giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý

Yếu tố giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là những dấu hiệu được gắn trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch, biển hiệu, phương tiện quảng cáo và các phương tiện kinh doanh khác, trùng hoặc là khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ. Hiện nay việc đánh giá yếu tố xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý được cho là khó và phức tạp hơn so với việc đánh giá yếu tố xâm phạm các đối tượng SHTT khác. Một trong các lý do căn bản dẫn đến việc đánh giá yếu tố xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý phức tạp xuất phát từ điểm đặc trưng của dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý để đăng ký đó chính là các dấu hiệu là chữ hoặc hình hoặc kết hợp giữa chữ và hình... tính phân biệt của các dấu hiệu này được thể hiện thông qua các yếu

tổ như cấu trúc, cách phát âm, cách trình bày... và trên thực tế việc đánh giá yếu tố xâm phạm này ở nhiều vụ việc mang tính định tính, chủ quan nên thường có những khó khăn nhất định. Căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật cũng như thực tiễn làm việc, để có thể xác định được yếu tố giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý thì cần phải căn cứ vào những cơ sở sau đây:

Xác định yếu tố giả mạo nhãn hiệu:

Căn cứ để xem xét yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu là phạm vi bảo hộ nhãn hiệu, gồm mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hóa, dịch vụ được xác định tại Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (nếu là nhãn hiệu quốc gia) hoặc Xác nhận đăng ký quốc tế nhãn hiệu được bảo hộ tại Việt Nam (nếu là đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định bảo hộ tại Việt Nam).

- *Về mẫu nhãn hiệu được bảo hộ:* Việc xác định phạm vi bảo hộ của mẫu nhãn hiệu là rất quan trọng bởi nó là một trong những cơ sở để xem xét giữa dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm với dấu hiệu được bảo hộ có trùng hoặc khó phân biệt với nhau không. Để xác định được cơ sở này cần phải xem mẫu nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể hay bảo hộ một phần, hay nói một cách khác, trong mẫu nhãn hiệu được bảo hộ đó có phần nào được bảo hộ độc quyền, phần nào không được bảo hộ độc quyền. Căn cứ để xác định phạm vi bảo hộ này là dựa vào văn bằng hoặc bản trích lục Đăng bạ quốc gia (nếu là nhãn hiệu quốc gia) hoặc trích lục Đăng ký quốc tế (nếu là đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định bảo hộ tại Việt Nam) do Cục SHTT cấp. Sau khi xác định được phạm vi bảo hộ của mẫu nhãn hiệu rồi thì tiếp tục so sánh với yếu tố bị nghi ngờ xâm phạm để xác định yếu tố bị nghi ngờ đó có thuộc phạm vi bảo hộ hay không. Theo quy định tại Nghị định số 105/NĐ-CP sửa đổi, một dấu hiệu bị coi là trùng với nhãn hiệu thuộc phạm vi bảo hộ nếu có cùng cấu tạo, cách trình bày (kể cả màu sắc). Một dấu hiệu bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu thuộc phạm vi bảo hộ nếu có một số đặc điểm hoàn toàn trùng nhau hoặc tương tự đến mức không dễ dàng phân biệt với nhau về cấu tạo, cách phát âm, phiên âm đối với dấu hiệu, chữ, ý nghĩa, cách trình bày, màu sắc và gây nhầm

lẫn cho người tiêu dùng về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Ví dụ: Nhãn hiệu "SAMSUNG MOBILE" của Công ty Samsung Hàn Quốc được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam cho sản phẩm điện thoại bàn, thuộc nhóm 9. Trong văn bằng cấp bảo hộ nhãn hiệu này, Cục SHTT ghi nhãn hiệu được bảo hộ phần chữ "samsung", không bảo hộ phần chữ "mobile". Theo đó, phạm vi bảo hộ nhãn hiệu trên là phần chữ "samsung" cho sản phẩm điện thoại bàn. Nếu có một chủ thể nào đó sử dụng trái phép nhãn hiệu này thì cần phải so sánh dấu hiệu đó với phần chữ "samsung", không cần so sánh với phần chữ mobile vì đây là thành phần mang tính mô tả sản phẩm, không được bảo hộ, và sản phẩm cần so sánh là sản phẩm "điện thoại bàn" như được đăng ký. Trong ví dụ trên, nếu nhãn hiệu xâm phạm được gắn lên các sản phẩm điện thoại như là điện thoại di động, điện thoại thông minh hoặc bất kỳ loại điện thoại nào khác không phải là điện thoại bàn, thì loại hàng hóa mang nhãn hiệu "SAMSUNG MOBILE" không phải là hàng hóa giả mạo về SHTT mà sẽ được xác định là hàng hóa xâm phạm quyền SHTT bởi theo quy định của Luật SHTT: "hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là hàng hóa, bao bì của hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý" [40, Điều 213].

- *Về danh mục sản phẩm được bảo hộ*: Danh mục sản phẩm được bảo hộ là danh mục ghi chi tiết những hàng hóa hoặc dịch vụ được đăng ký bảo hộ cho một nhãn hiệu nào đó. Theo quy định tại TT số 01/2007 ngày 14 tháng 02 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP sửa đổi của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về SHCN, được sửa đổi, bổ sung theo TT số 13/2010/TT-BKHCHN ngày 30 tháng 7 năm 2010 và TT số 18/2011/TT-BKHCHN ngày 22 tháng 7 năm 2011, hai hàng hóa hoặc hai dịch vụ bị coi là trùng nhau (cùng loại) khi hai hàng hóa hoặc hai dịch vụ đó có các đặc điểm sau đây: có cùng bản chất (thành phần, cấu tạo...) và cùng chức năng, mục đích sử dụng; hoặc có bản

chất gần giống nhau và cùng chức năng, mục đích sử dụng; Hai hàng hóa hoặc hai dịch vụ bị coi là tương tự nhau khi hai hàng hóa hoặc hai dịch vụ đó có các đặc điểm sau đây: tương tự nhau về bản chất; hoặc tương tự nhau về chức năng, mục đích sử dụng; và được đưa ra thị trường theo cùng một kênh thương mại (phân phối theo cùng một phương thức, được bán cùng nhau hoặc cạnh nhau, trong cùng một loại cửa hàng...). Do đó, chỉ khi sản phẩm được gắn lên dấu hiệu bị nghi ngờ là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, cũng chính là hàng hóa đang được bảo hộ cho nhãn hiệu được dùng làm căn cứ xem xét, thì mới bị coi là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu. Trong trường hợp, có sự trùng lặp về nhãn hiệu nhưng chỉ có sự tương tự về sản phẩm hoặc có sự trùng lặp về sản phẩm nhưng chỉ có sự tương tự về nhãn hiệu thì đó chỉ là hàng hóa xâm phạm về nhãn hiệu, không phải là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu.

Ví dụ: Sanofi-Aventis Việt Nam là chủ sở hữu của nhãn hiệu "panadol" đang được bảo hộ cho sản phẩm thuốc giảm đau hạ sốt dùng cho người theo văn bằng số 123656. Nhận thấy, sản phẩm này có uy tín và được rất nhiều người tiêu dùng tin dùng nên Công ty dược phẩm A đã gắn dấu hiệu chữ "fanadol" lên cũng loại sản phẩm thuốc giảm đau hạ sốt dùng cho người bán trên thị trường. Để xác định dấu hiệu này có phải là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, xâm phạm quyền SHTT của công ty Sanofi-Aventis Việt Nam hay không, cần tiến hành so sánh như sau: về mặt nhãn hiệu đó là hai phần chữ "panadol" và "fanadol" tuy cùng có bảy ký tự, trong đó có đến sáu ký tự được sắp xếp ở những vị trí giống hệt nhau tạo thành ba âm tiết nhưng do có sự khác nhau ở nguyên âm "p" và "f" nên trường hợp này có thể kết luận hai nhãn hiệu này có sự tương tự nhau về mặt nhãn hiệu; về mặt sản phẩm: cả hai dấu hiệu trên đều được sử dụng để gắn lên sản phẩm cùng loại thuốc giảm đau hạ sốt dùng cho người nên có thể kết luận sản phẩm mang hai nhãn hiệu trên có cùng tính năng, công dụng và mục đích sử dụng. Do đó, trong trường hợp này sản phẩm "fanadol" của công ty A nói trên chỉ bị coi là hàng hóa xâm phạm nhãn hiệu, không phải là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu.

ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG: Theo quy định tại Điều 4.20, Luật SHTT,

"Nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam" [40]. Điểm đặc thù, khác biệt của nhãn hiệu nổi tiếng so với các nhãn hiệu thông thường khác là không phải tiến hành thủ tục đăng ký, bởi nó được thừa nhận trên cơ sở sử dụng sau khi nhãn hiệu đó đã đạt những tiêu chí cụ thể về nhãn hiệu nổi tiếng theo như định tại Điều 75, Luật SHTT như: số lượng người tiêu dùng liên quan đã biết đến nhãn hiệu, phạm vi lãnh thổ mà hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đã được lưu hành, doanh số từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ mang nhãn hiệu, thời gian sử dụng liên tục nhãn hiệu, uy tín rộng rãi của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu, số lượng quốc gia bảo hộ nhãn hiệu, số lượng quốc gia công nhận nhãn hiệu là nổi tiếng, giá chuyên nhượng, giá chuyên giao quyền sử dụng, giá trị góp vốn đầu tư của nhãn hiệu; và nhãn hiệu nổi tiếng có phạm vi bảo hộ rộng hơn so với các nhãn hiệu thông thường, cụ thể chỉ cần sử dụng một dấu hiệu có một số đặc điểm hoàn toàn trùng nhau hoặc tương tự đến mức không dễ dàng phân biệt với nhau về cấu tạo, cách phát âm, phiên âm đối với dấu hiệu chữ, ý nghĩa, cách trình bày của nhãn hiệu nổi tiếng là có thể bị coi đó là hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu dù dấu hiệu đó được sử dụng cho bất kỳ sản phẩm dịch vụ nào, kể cả sản phẩm, dịch vụ không trùng, không tương tự hoặc không liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu nổi tiếng. Ví dụ: hiện tại nhãn hiệu "HONDA" được coi là nhãn hiệu nổi tiếng ở Việt Nam nên khi xác định một dấu hiệu nào đó có xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu này không, thì chỉ cần so sánh về mặt dấu hiệu là nhãn hiệu xem giữa chúng có trùng, tương tự gây nhầm lẫn với nhau hay không, không cần so sánh về mặt hàng hóa /dịch vụ. Giả sử một công ty sản xuất, bánh kẹo A ở Hà Nội sử dụng chữ "honda" lên bao bì bánh, kẹo (dù mặt hàng này công ty Honda không sản xuất, kinh doanh) nhưng hành vi của công ty Bánh kẹo A nói trên vẫn coi là hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu của công ty Honda. Tuy nhiên, sản phẩm bánh kẹo của công ty Bánh kẹo A chỉ bị coi là hàng hóa xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu của công ty Honda,

không phải là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu.

Xác định yếu tố giả mạo chỉ dẫn địa lý:

Căn cứ để xem xét yếu tố xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý là phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý hoặc trích lục Đăng bạ chỉ dẫn địa lý do Cục SHTT cấp. Việc xác định phạm vi bảo hộ của chỉ dẫn địa lý cũng phải xem xét để xác định phạm vi bảo hộ của chỉ dẫn địa lý ghi trong văn bằng là như thế nào, bảo hộ cho sản phẩm gì, dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm có thuộc phạm vi bảo hộ của chỉ dẫn địa lý hay không. Để xác định một dấu hiệu bị nghi ngờ có phải là yếu tố xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ hay không, cần phải so sánh dấu hiệu đó với chỉ dẫn địa lý và so sánh sản phẩm mang dấu hiệu bị nghi ngờ với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ dựa trên các căn cứ sau đây: thứ nhất, dấu hiệu bị nghi ngờ trùng hoặc khó phân biệt với chỉ dẫn địa lý, trong đó một dấu hiệu bị coi là trùng với chỉ dẫn địa lý nếu giống với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ về cấu tạo từ ngữ, kể cả cách phát âm, phiên âm đối với chữ cái, ý nghĩa hoặc về hình ảnh, biểu tượng thuộc phạm vi bảo hộ của chỉ dẫn địa lý; một dấu hiệu bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với chỉ dẫn địa lý nếu tương tự đến mức gây nhầm lẫn với chỉ dẫn địa lý đó về cấu tạo từ ngữ, kể cả cách phát âm, phiên âm đối với chữ cái, ý nghĩa hoặc về hình ảnh, biểu tượng thuộc phạm vi bảo hộ của chỉ dẫn địa lý. Thứ hai, sản phẩm mang dấu hiệu bị nghi ngờ trùng hoặc tương tự với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, trong đó sản phẩm bị coi là trùng hoặc tương tự nếu giống nhau hoặc tương tự nhau về bản chất, chức năng, công dụng và kênh tiêu thụ. Trường hợp sản phẩm mang dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt về tổng thể cấu tạo và cách trình bày so với chỉ dẫn địa lý được dùng cho chính sản phẩm cùng loại thuộc phạm vi bảo hộ thì bị coi là hàng hoá giả mạo về chỉ dẫn địa lý quy định tại Điều 213 của Luật SHTT.

Ví dụ: Trong văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý có tên gọi Rượu Bàu đá được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ cho sản phẩm rượu trắng 45 độ thuộc nhóm 33 có ghi chỉ dẫn địa lý được bảo hộ phần chữ "Bàu đá", không bảo hộ

phần chữ "rượu". Do đó, phạm vi bảo hộ của chỉ dẫn địa lý này chỉ là phần chữ "Bàu đá" cho sản phẩm nói trên, phần chữ "rượu" có trong mẫu nhãn hiệu bị loại trừ nên nó không thuộc phạm vi bảo hộ của chỉ dẫn địa lý này. Trong ví dụ nêu trên, nếu có một chủ thể nào đó sử dụng dấu hiệu trùng với chỉ dẫn địa lý nói trên cho các sản phẩm đồ uống có cồn khác như: rượu thuốc, rượu màu, rượu gạo..., thì các sản phẩm này không phải hàng hóa giả mạo về chỉ dẫn địa lý, mà là hàng hóa xâm phạm quyền SHTT với chỉ dẫn địa lý.

2.2.3.3. Xác định chủ thể thực hiện hành vi vi phạm

Chủ thể thực hiện hành vi giả mạo về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý là những tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT. Để có thể xác định chính xác các chủ thể này, cần lưu ý một số điểm sau đây:

Đối tượng xem xét là nhãn hiệu:

Theo quy định của Luật SHTT, các chủ thể sau đây không thuộc các trường hợp bị xem xét là người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT:

- Chủ thể là chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp nhãn hiệu. Chủ sở hữu nhãn hiệu là người được ghi trong văn bằng bảo hộ, chủ sử dụng hợp pháp quyền SHTT đối với nhãn hiệu là người được ghi trong hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu giữa chủ sở hữu nhãn hiệu và người được nhận chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu. Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu có thể là hợp đồng độc quyền hoặc hợp đồng không độc quyền, hoặc cũng có thể là hợp đồng thứ cấp sử dụng nhãn hiệu (hợp đồng sử dụng nhãn hiệu thứ cấp là hợp đồng được thực hiện giữa người nhận chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu và bên nhận thứ cấp sử dụng nhãn hiệu). Dưới đây là ví dụ về chủ sử dụng hợp pháp quyền SHTT đối với nhãn hiệu:

Ví dụ 1: Công ty A là chủ sở hữu nhãn hiệu "TIVA & hình" được bảo hộ cho mỹ phẩm thuộc nhóm 3 tại Việt Nam. Do chưa có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam, nên sau khi nhãn hiệu được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ vào năm 2005, năm 2009 Công ty này đã chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu này cho Công ty B tại Việt Nam để sử dụng trong thời hạn 5 năm. Mặc dù

theo Luật SHTT, hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu không bắt buộc phải đăng ký, nhưng để tránh rủi ro có thể phát sinh từ việc tranh chấp, các bên đã đăng ký hợp đồng này với Cục SHTT. Trong trường hợp này, Công ty B được coi là chủ sử dụng hợp pháp quyền SHTT đối với nhãn hiệu "TIVA & hình" nói trên, theo đó việc sử dụng nhãn hiệu của Công ty B tại Việt Nam trong thời hạn nêu trên không bị coi là chủ thể làm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu.

Ví dụ 2: Công ty A là chủ sở hữu nhãn hiệu "TIVA & hình" được bảo hộ cho mỹ phẩm thuộc nhóm 3 tại Việt Nam. Do chưa có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam, nên sau khi nhãn hiệu được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ vào năm 2005, vào năm 2009 Công ty này đã chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu này cho Công ty B tại Việt Nam để sử dụng trong thời hạn 10 năm theo hình thức hợp đồng độc quyền, trong đó có điều khoản Công ty A cho phép công ty B tiến hành chuyển giao quyền sử dụng thứ cấp nhãn hiệu trên cho bên nhận thứ cấp trong thời hạn của hợp đồng mà không cần phải xin phép công ty A. Theo đó, sau khi hợp đồng được thực hiện 5 năm, Công ty B đã tiến hành chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu trên cho công ty C trong thời gian còn lại của hợp đồng và các bên đã tiến hành đăng ký hợp đồng nói trên với Cục SHTT. Trong trường hợp này, hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu giữa công ty B và công ty C được gọi là hợp đồng thứ cấp. Do đó, việc sử dụng nhãn hiệu của Công ty C tại Việt Nam trong thời hạn nêu trên cũng không bị coi là chủ thể làm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu vì công ty C cũng được coi là chủ sử dụng hợp pháp quyền SHTT đối với nhãn hiệu.

- Người sử dụng nhãn hiệu thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 125 của Luật SHTT, chủ sở hữu đối tượng SHCN không có quyền cấm người khác thực hiện hành vi thuộc trường hợp sau đây: *lưu thông, nhập khẩu, khai thác công dụng của sản phẩm được đưa ra thị trường, kể cả thị trường nước ngoài một cách hợp pháp, trừ sản phẩm không phải do chính chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu đưa ra thị trường nước ngoài.* Chủ thể sử dụng nhãn

hiệu trong trường hợp này thuộc một trong các trường hợp được gọi là nhập khẩu song song hàng hóa nên sẽ không thuộc trường hợp bị xem xét. Nhập khẩu song song được hiểu là việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm do chính chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân được chuyển giao quyền sử dụng, kể cả chuyển giao quyền sử dụng theo quyết định bắt buộc, người có quyền sử dụng trước đối tượng SHCN đã đưa ra thị trường nước ngoài, mặc dù không được sự đồng ý của chủ thể quyền SHCN. Ví dụ, Công ty A là chủ nhãn hiệu Z được bảo hộ cho sản phẩm T tại nước ngoài. Công ty A thành lập chi nhánh là Công ty B tại Việt Nam và đồng ý cho Công ty B nộp đơn đăng ký và đứng tên chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu Z cho sản phẩm T tại Việt Nam. Công ty C mua và nhập khẩu vào Việt Nam sản phẩm T mang nhãn hiệu Z do Công ty A sản xuất và bán ở thị trường nước ngoài, mặc dù không được sự đồng ý của Công ty A và Công ty B. Chủ thể sử dụng nhãn hiệu trong trường hợp nói trên không bị coi là xâm phạm quyền SHTT vì thực tế ở đây chỉ có diễn ra việc khai thác thương mại các sản phẩm của chính chủ SHTT nhãn hiệu hoặc của người có quyền sử dụng nhãn hiệu nên không thể xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu trong trường hợp này.

Ngoài trường hợp nêu trên, trường hợp chủ thể *sử dụng nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu nhãn hiệu đó đã đạt được sự bảo hộ một cách trung thực trước ngày nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý* đó cũng sẽ không bị coi là xâm phạm quyền SHTT vì trường hợp này pháp luật tôn trọng quyền sử dụng trước của chủ sở hữu nhãn hiệu.

Đối tượng xem xét là chỉ dẫn địa lý:

Theo quy định của Luật SHTT, các chủ thể sau đây không thuộc các trường hợp bị xem xét là người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT:

- Chủ thể là chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp chỉ dẫn địa lý. Theo quy định của Luật SHTT, chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý trong trường hợp chỉ dẫn địa lý thuộc một địa phương hoặc là

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đại diện theo ủy quyền của các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nơi có khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý trong trường hợp chỉ dẫn địa lý thuộc nhiều địa phương. Trong khi đó, người sử dụng hợp pháp chỉ dẫn địa lý bao gồm các chủ thể như là tổ chức tập thể đại diện được chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý trao quyền đại diện để đứng ra thực hiện quyền nộp đơn đăng ký; hoặc tổ chức tập thể đại diện được ghi trong văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý; hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý cho phép sử dụng chỉ dẫn địa lý; và tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý là các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, nơi có chỉ dẫn địa lý.

- Người sử dụng chỉ dẫn địa lý thuộc các trường hợp được pháp luật cho phép. Theo quy định tại Khoản 2.g, Điều 125 của Luật SHTT, chủ sở hữu đối tượng SHCN và tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng hoặc quyền quản lý chỉ dẫn địa lý không có quyền cấm người khác thực hiện hành vi thuộc các trường hợp như là sử dụng nhãn hiệu trùng với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu nhãn hiệu đó đã đạt được sự bảo hộ một cách trung thực trước ngày nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đó. Đây là một quy định rất tiến bộ và linh hoạt của Luật SHTT bởi trong Luật SHTT của Việt Nam có quy định về nguyên tắc nộp đơn đầu tiên - chủ thể nào nộp đơn trước sẽ được pháp luật ưu tiên cấp văn bằng bảo hộ trước nhưng nguyên tắc này không được áp dụng một cách tuyệt đối bởi Luật SHTT của Việt Nam cũng bảo hộ quyền SHTT của chủ thể sử dụng trước một cách khách quan và trung thực. Ví dụ, ngày 20/1/2010, Công ty A có địa chỉ tại Tỉnh Nam Định, nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "An Bình" cho các sản: rượu và đồ uống có cồn thuộc nhóm 33, sau đó nhãn hiệu này được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ vào tháng 5/2012. Trong khi đó, ở tỉnh Hòa Bình, nhãn Hiệu "An Bình" này đã được Chủ hộ kinh doanh cá thể B sử dụng để gắn lên các sản phẩm "rượu" lưu hành bán ở rất nhiều tỉnh, thành phố của Việt Nam từ trước ngày những năm 1980 nhưng không đăng ký. Và trên thực tế, Nhãn Hiệu của Chủ hộ kinh doanh cá thể B đã

được được sử dụng liên tục, trên phạm vi rộng của nhiều tỉnh và được nhiều người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi, nhưng nhãn hiệu này không được Chủ hộ kinh doanh B đăng ký. Trong trường hợp này, việc sử dụng nhãn hiệu "An Bình" cho sản phẩm "rượu" của Chủ hộ kinh doanh B, cũng không bị coi là hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu của Công ty A.

2.2.3.4. Xác định địa điểm thực hiện hành vi vi phạm

Tương tự như đối với quyền tác giả và quyền liên quan, quyền SHTT đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cũng chỉ được pháp luật bảo hộ trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia mà đối tượng đó được đăng ký bảo hộ. Ngoài ra, lãnh thổ để xác định hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được hiểu là hành vi ấy được thực hiện trong phạm vi biên giới trên đất liền, biên giới trên biển và trên không - thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Ngoài ra, trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực hiện trên hệ mạng Internet, thì hành vi này sẽ được coi xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam.

Ví dụ: Một công ty sản xuất, kinh doanh xe máy của Trung quốc sử dụng nhãn hiệu Hongda wave @ trùng lặp với nhãn hiệu Honda wave @ đang được bảo hộ tại Việt Nam của Công ty Honda Nhật Bản để đăng tin quảng cáo trên website của công ty mình và trong nội dung quảng cáo có nội dung sai sự thật rằng: *dòng xe mang nhãn hiệu Hongda wave @ do Công ty Honda Việt Nam sản xuất và lắp ráp, nếu người mua là người tiêu dùng Việt nam thì sẽ được giảm giá 10%*. Trong trường hợp này, mặc dù công ty xe máy Trung Quốc nói trên quảng cáo trên mạng Internet, cụ thể là quảng cáo trên website của công ty mình nhưng do có hướng đến người tiêu dùng Việt Nam nên hành vi làm giả mạo nhãn hiệu này vẫn được coi là xảy ra tại Việt Nam.

2.3. XỬ LÝ HÀNH VI LÀM GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Một trong những nội dung quan trọng mà Việt Nam đã cam kết khi gia nhập WTO đó chính là việc sẽ đảm bảo quyền SHTT được thực thi ở Việt Nam.

Đề quyền SHTT có thể được thực thi tốt ở Việt Nam, một trong những nhiệm vụ đặt ra cho Nhà nước ta đó chính là việc phải xử lý triệt để các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Để có thể thực hiện được nhiệm vụ này đòi hỏi phải có sự góp sức của nhiều chủ thể, trong đó bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước được giao trách nhiệm quản lý và thực thi pháp luật về lĩnh vực SHTT như: Thanh tra chuyên ngành, Cảnh sát kinh tế, Quản lý thị trường, Hải quan, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực SHTT như Cục SHTT, Cục Bản quyền tác giả và đặc biệt quan trọng là Tòa án, các chủ sở hữu và người sử dụng hợp pháp quyền SHTT, và người tiêu dùng.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, khi phát hiện ra có hành vi xâm phạm quyền SHTT, các chủ thể quyền SHTT có thể yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc bên xâm phạm phải chấm dứt hành vi xâm phạm, tịch thu hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu có căn cứ bằng một trong các biện pháp sau đây: giải quyết tranh chấp thông qua trung gian, hòa giải; xử lý hành chính; kiện dân sự; truy cứu trách nhiệm hình sự; áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHTT. Trong số các biện pháp được pháp luật cho phép các chủ sở hữu áp dụng để bảo vệ quyền SHTT của mình nói trên, mỗi một biện pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Do đó, tùy theo tính chất và mức độ xâm phạm quyền SHTT của từng vụ việc, chủ sở hữu quyền SHTT có thể lựa chọn cho mình những biện pháp phù hợp.

2.3.1. Xử lý bằng biện pháp dân sự

Biện pháp dân sự được hiểu là việc các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết các tranh chấp liên quan đến các đối tượng của quyền SHTT nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể cả khi hành vi đó đã hoặc đang bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc biện pháp hình sự.

Xét về bản chất, quyền SHTT là một quyền dân sự được nhà nước bảo vệ nên khi xảy ra hành vi xâm phạm quyền, tùy theo tính chất, mức độ nguy

hại của hành vi mà người vi phạm, có thể sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Khi quyền SHTT bị xâm phạm, trước hết các chủ thể quyền SHTT phải tự bảo vệ mình bằng cách áp dụng biện pháp công nghệ ngăn ngừa hành vi xâm phạm; sau đó có thể yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. Các chủ thể quyền cũng có thể khởi kiện ra Tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trong số các biện pháp bảo vệ nêu trên, biện pháp khởi kiện ra Tòa án để giải quyết bằng thủ tục dân sự là biện pháp rất được các nhà làm luật coi trọng để giúp các chủ thể quyền SHTT có thể bảo vệ quyền SHTT của mình một cách hữu hiệu nhất.

Trên thế giới, đặc biệt là ở các quốc gia có nền kinh tế phát triển, Tòa án luôn sự lựa chọn được ưu tiên đặt lên hàng đầu để giải quyết các tranh chấp về dân sự nói chung và tranh chấp về lĩnh vực SHTT nói riêng bởi biện pháp giải quyết tranh chấp bằng con đường Tòa án ở các quốc gia phát triển luôn đem lại hiệu quả tốt nhất cho các bên liên quan đến tranh chấp. Nhận thức được tầm quan trọng của biện pháp dân trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền SHTT, khi soạn thảo Luật SHTT năm 2005, Nhà nước ta đã có chủ trương hướng các tranh chấp về SHTT sẽ được giải quyết thông qua con đường Tòa án. Minh chứng rõ nét cho chủ trương này được thể hiện trong Luật SHTT ở chỗ các nhà làm luật đã dành riêng chương XVII để quy định riêng về biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp dân sự. Các biện pháp xử lý khác như biện pháp hành chính, biện pháp hình sự hay biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu được quy định chung trong Chương XVIII của Luật SHTT.

2.3.1.1. Ưu điểm của biện pháp dân sự

Theo tác giả, trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền SHTT được giải quyết bằng biện pháp dân sự sẽ có những ưu thế sau đây:

- *Phán quyết của Tòa án được đảm bảo thực hiện bởi sức mạnh cưỡng chế nhà nước.* Ở Việt Nam, Tòa án là cơ quan tài phán cuối cùng có thẩm

quyền giải quyết các tranh chấp về dân sự nói chung và về lĩnh vực SHTT nói riêng. Điều này có nghĩa các tranh chấp về quyền SHTT có thể giải quyết bằng nhiều biện pháp khác nhau như các bên tự thương lượng, hòa giải hoặc cũng có thể giải quyết thông qua con đường trọng tài. Tuy nhiên, khi vụ việc tranh chấp được giải quyết thông qua các con đường nêu trên, các bên có thể phải đối diện với những trở ngại ngoài ý muốn đó chính là sự không thiện chí, tự nguyện thi hành các thỏa thuận đã đạt được của các bên do phán quyết không mang tính quyền lực nhà nước. Nếu vụ việc bị rơi vào tình thế này, các bên lại phải tiếp tục đưa vụ việc ra Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết lại hoặc yêu cầu Tòa án ra Quyết định công nhận phán quyết của trọng tài nếu vụ việc được giải quyết thông qua con đường trọng tài. Trong khi đó, nếu tranh chấp được giải quyết bằng con đường Tòa án, thì phán quyết của tòa sẽ buộc các bên phải chấp hành, nếu không chấp hành các bên sẽ bị cưỡng chế thi hành bản án của Tòa án. Đây chính là một trong những ưu thế rất lớn của biện pháp dân sự. Do đó, chủ sở hữu quyền SHTT nên cân nhắc thật kỹ khi lựa chọn biện pháp giải quyết hành vi xâm phạm quyền SHTT để tránh được những tình huống không mong muốn có thể xảy ra.

- *Chủ sở hữu quyền SHTT có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.* Nếu như ở biện pháp xử lý hành chính, chủ thể quyền SHTT chỉ có thể yêu cầu bên vi phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, tiêu hủy sản phẩm xâm phạm, không có quyền yêu cầu bên có hành vi xâm phạm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, thì ở biện pháp dân sự, nếu chủ sở hữu quyền SHTT đưa ra được những chứng cứ chứng minh những thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra, thì thông qua Tòa án, bên bị vi phạm có thể yêu cầu bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ những thiệt hại mà mình đã phải gánh chịu do hành vi vi phạm gây ra cũng như yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác nhằm loại bỏ khả năng tái vi phạm quyền SHTT. Các quy định cụ thể về yêu cầu bồi thường thiệt hại sẽ được tác giả trình bày chi tiết hơn ở Mục 2.3.1.3.3 của luận văn.

- *Phán quyết của Tòa án có tác động mạnh về mặt tâm lý đối với bên*

vi phạm để hạn chế có sự tái phạm. Hành vi xâm phạm quyền SHTT có thể được thực hiện do lỗi vô ý hoặc cũng có thể được thực hiện do lỗi cố ý. Với những hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực hiện do lỗi vô ý hoặc do thiếu kiến thức về pháp Luật SHTT dẫn đến vi phạm, khi bị phát hiện và xử lý dù là bằng biện pháp không có tính quyền lực nhà nước như thương lượng, hòa giải hay trọng tài, thì khả năng tái diễn hành vi xâm phạm của các chủ thể này là thấp bởi đó là hậu quả nằm ngoài sự mong muốn của người vi phạm. Tuy nhiên, đối với những chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT do lỗi cố ý, vi phạm có tính tổ chức và quy mô rộng, nếu những chủ thể này không bị xử lý bằng biện pháp mạnh, là biện pháp dân sự, thì khả năng tái phạm của các chủ thể này là hoàn toàn có thể được tái diễn. Thực tiễn cho thấy, khi chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT bị chủ thể quyền SHTT đưa ra Tòa án xử lý thì nó sẽ có tác động mạnh đến tâm lý của chủ thể vi phạm do được xử lý công khai và phán quyết của Tòa án có tính cưỡng chế nên thường sẽ khiến cho tổ chức, cá nhân vi phạm bị ảnh hưởng đến uy tín do bị dư luận lên án nên chính điều này sẽ có tác dụng khiến cho họ không dám tái diễn hành vi xâm phạm trong tương lai.

Thực tiễn ở Việt Nam và cả ở các nước trên thế giới cho thấy, các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và hành vi xâm phạm quyền SHTT nói riêng, khi cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi xâm phạm bị và bị các cơ quan thực thi pháp luật xử lý đặc biệt là xử lý thông qua cơ quan tài phán có tính quyền lực nhà nước cao là Tòa án, thì nó sẽ có giáo dục và răn đe rất cao. Tính răn đe này không chỉ tác động trực tiếp đến tâm lý của người thực hiện hành vi xâm phạm mà nó còn có tính răn đe cho các chủ thể khác nên khi hành vi xâm phạm quyền SHTT được xử lý bằng biện pháp dân sự sẽ có tác dụng ngăn ngừa hoặc hạn chế các hành vi xâm phạm có thể được tái diễn. Do vậy, đây cũng là một trong những điểm mạnh của biện pháp dân sự mà các chủ thể quyền SHTT nên cân nhắc khi lựa chọn biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT.

2.3.1.2. Một số hạn chế, bất cập của biện pháp dân sự

Căn cứ vào những quy định của pháp luật hiện hành, và thực tiễn làm

việc, tác giả nhận thấy việc xử lý các tranh chấp về quyền SHTT nói chung và xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT nói riêng bằng biện pháp dân sự hiện nay đang tồn tại một số nhược khó khăn và nhược điểm sau đây:

- *Thời gian giải quyết kéo dài.* Theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với vụ án dân sự là 4 tháng, đối với các vụ án kinh doanh - thương mại là 2 tháng, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án; đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì có thể gia hạn nhưng không quá 2 tháng đối với vụ án dân sự và 1 tháng đối với vụ án kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, những tranh chấp về quyền SHTT thường là phức tạp nên thời gian nêu trên thường bị Tòa án kéo dài hơn rất nhiều, cụ thể có những vụ việc kéo dài đến gần một năm hoặc có thể dài hơn. Điều này xuất phát từ tính đặc thù của các tranh chấp về quyền SHTT có tính phức tạp, đòi hỏi trong quá trình giải quyết vụ án, các Tòa án thường phải trung cầu ý kiến của các chuyên gia hoặc xin ý kiến chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước về SHTT, sau đó mới có thể đưa ra kết luận đối với hành vi xâm phạm. Do thời gian giải quyết kéo dài là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc các chủ thể quyền SHTT e ngại trong việc khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích của mình trước các hành vi xâm phạm. Thay vào đó, họ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm để đảm bảo việc chấm dứt kịp thời, nhanh chóng không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của chủ thể quyền SHTT bị xâm phạm.

- *Còn thiếu các biện pháp khẩn cấp tạm thời hữu hiệu.* Theo quy định tại Điều 102 của BLTTDS, các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được áp dụng như là: cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp; cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp; phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ; phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ; cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định... Tuy nhiên, đối với tranh chấp về lĩnh vực SHTT, thì

chủ thể quyền SHTT chỉ có thể yêu cầu Tòa án áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời như: kê biên tài sản đang tranh chấp; cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp; cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp; phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ; phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ; cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định và một số biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định bổ sung tại Điều 207, Luật SHTT đó là: thu giữ; kê biên; niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển; cấm chuyển dịch quyền sở hữu. Theo quan điểm của tác giả, các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật hiện hành có thể áp dụng trong các vụ án tranh chấp về quyền SHTT như trên là chưa đủ, đặc biệt là các biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định trong BLTTDS chưa được cụ thể hóa đối với các tranh chấp về quyền SHTT bởi nó còn mang tính chung chung, chưa thật sự rõ ràng. Điều này đã gây không ít khó khăn cho chủ thể quyền SHTT trong việc yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

- *Năng lực giải quyết các vụ án của Tòa còn hạn chế.* Trong những năm gần đây, đặc biệt là kể từ khi ban hành Luật SHTT, ngành Tòa án đã có sự quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp Luật SHTT cho đội ngũ cán bộ Thẩm phán, nhưng do SHTT là một lĩnh vực còn mới ở Việt Nam và những tranh chấp ở lĩnh vực này thường phức tạp nên một số Thẩm phán vẫn gặp không ít khó khăn trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền SHTT khi có yêu cầu. Do đó, trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền SHTT, tòa án luôn phụ thuộc vào ý kiến chuyên môn của các chuyên gia hoặc các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực SHTT nên điều này ít nhiều làm mất một phần tính chủ động của tòa án trong việc giải quyết các vụ án về SHTT. Ngoài ra, việc nhìn nhận, đánh giá về các hành vi xâm phạm quyền SHTT của các cơ quan thực thi đôi khi lại không giống nhau nên điều này cũng gián tiếp gây ảnh hưởng đến tâm lý xét xử của tòa án và đặc biệt khiến cho vụ việc tranh chấp có thể bị kéo dài cho dù vụ việc có thể đã

được hai cấp xét xử giải quyết.

- *Việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra có nhiều khó khăn.* Mặc dù trong Luật SHTT cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những quy định về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT và căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT gây ra, tuy nhiên do tính chất đặc thù của loại tài sản quyền SHTT nên nhiều trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại hoặc xác định không đầy đủ về những thiệt hại đã xảy ra trên thực tế. Các căn cứ để xác định thiệt hại về vật chất như mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại hoặc các thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, giống cây trồng theo quy định của Luật SHTT trên thực tế là rất khó để xác định một cách chính xác và đầy đủ. Do vậy, khi giải quyết những vấn đề này Tòa án đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc xác định thiệt hại để có được phán quyết chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

2.3.1.3. Thẩm quyền xét xử của Tòa án

Theo quy định của BLTTDS sửa đổi, thẩm quyền của Tòa án bao gồm thẩm quyền theo cấp xét xử, thẩm quyền theo lãnh thổ, và thẩm theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu.

Về thẩm quyền theo cấp xét xử. Trước thời điểm BLTTDS năm 2004 có hiệu lực, tất cả các vụ việc tranh chấp về lĩnh vực SHTT nói chung trong đó bao gồm cả vụ việc liên quan đến đề nghị xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT đều thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện không có thẩm quyền này. Tuy nhiên, sau khi BLTTDS năm 2004 được ban hành và có hiệu lực, sau đó được sửa đổi và bổ sung một số điều vào năm 2011 (BLTTDS sửa đổi), thì những tranh chấp liên

quan đến lĩnh vực SHTT sẽ được chuyển giao cho Tòa án nhân dân cấp huyện xét xử sơ thẩm trừ những tranh chấp "về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận" sẽ do Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử sơ thẩm (Điều 33, BLTTDS sửa đổi). Mục đích lợi nhuận, theo như hướng dẫn tại Nghị Quyết số 01/2005/NQ-HDTP ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất những quy định chung của BLTTDS năm 2004, được hiểu là mục đích lợi nhuận của cá nhân, tổ chức trong hoạt động kinh doanh, thương mại là mong muốn của cá nhân, tổ chức đó thu được lợi nhuận mà không phân biệt có thu được hay không thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, thương mại đó. Ngoài ra, cũng theo hướng dẫn tại nghị quyết nói trên mục đích lợi nhuận được quy định cụ thể hơn là không nhất thiết đòi hỏi cá nhân, tổ chức phải có đăng ký kinh doanh mà chỉ đòi hỏi cá nhân, tổ chức đều có mục đích lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, thương mại; nếu chỉ có một bên có mục đích lợi nhuận, còn bên kia không có mục đích lợi nhuận, thì tranh chấp đó là tranh chấp về dân sự quy định tại khoản 4 Điều 25 của BLTTDS sửa đổi. Sự thay đổi về thẩm quyền xét xử của cấp Tòa án về được quy định trong BLTTDS sửa đổi cho thấy mặc dù những những tranh chấp về SHTT thường là phức tạp do tính đặc thù của loại tài sản này nhưng sự thay đổi về thẩm quyền xét xử sơ thẩm như vậy là cần thiết và phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp mà nhà nước ta đang tiến hành, mặt khác nó sẽ góp phần làm giảm tải cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh quá đó sẽ hạn chế được tình trạng tồn đọng án như hiện nay. Và theo chủ trương cải cách tư pháp, tiến tới Tòa án cấp huyện (sau này có thể được gọi là Tòa án khu vực) sẽ có thẩm quyền xét xử sơ thẩm tất cả các loại vụ án. Tòa án cấp tỉnh (còn có thể được gọi là Tòa phúc thẩm), sẽ chỉ xét xử phúc thẩm.

Ví dụ: Công ty TNHH A và công ty cổ phần B có cùng ngành nghề sản xuất, kinh doanh phần mềm máy tính và cùng có trụ sở trên địa bàn quận Đống Đa, Hà Nội. Ngày 1/10/2012 hai bên cùng tham gia đấu thầu phần mềm

"bảo mật" của Ngân hàng Quốc tế VIP. Trong quá trình chuẩn bị gói thầu, công ty TNHH A đã sao chép trái phép bản quyền của công ty cổ phần B và sau đó có cải tiến một phần kỹ thuật nên đã thắng thầu. Vụ việc này, nếu công ty cổ phần B khởi kiện công ty TNHH A, thì vụ kiện sẽ do Tòa án thành phố Hà Nội có thẩm quyền thụ lý, không thuộc thẩm quyền của Tòa án quận Đống Đa bởi hai chủ thể này đều có đăng ký kinh doanh và đều có mong muốn, mục đích lợi nhuận.

Ví dụ: Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B, cùng làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Hà Đông. Một lần A mang tranh vẽ đến hội chợ triển lãm để bán và phát hiện bức tranh của mình đã bị B sao chép và đang bày bán tại Hội chợ triển lãm. Trường hợp này, nếu A kiện B vì hành vi sao chép lậu tác phẩm của mình thì Tòa án quận Hà Đông sẽ có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vì hai chủ thể này không có đăng ký kinh doanh và không phải cả hai chủ thể (bên vi phạm và bên bị vi phạm) đều có mục đích lợi nhuận, theo như Nghị quyết số 01/2005/NQ-HDTP.

Về thẩm quyền theo lãnh thổ. Trong lĩnh vực SHTT, việc xác định thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ được xác định trên cơ sở quy định tại Điều 35 của BLTTDS sửa đổi đó là: Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về SHTT theo như quy định tại Điều 25 và Điều 29 của BLTTDS sửa đổi.

Về thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn. Trong lĩnh vực SHTT, việc xác định thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn, được xác định theo như quy định tại Điều 36 của BLTTDS sửa đổi đó là: nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết; hoặc nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết; hoặc nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể

yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết;

2.3.1.4. Các chế tài áp dụng xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Theo quy định của pháp luật hiện hành, khi áp dụng biện pháp dân sự để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT, nguyên đơn có quyền đề nghị tòa áp dụng các biện pháp sau đây để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT:

- Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;
- Buộc xin lỗi, cải chính công khai;
- Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
- Buộc bồi thường thiệt hại;
- Buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền SHTT.

Những quy định nêu trên của Luật SHTT được hiểu rằng, tùy theo tính chất và mức độ xâm phạm quyền SHTT của từng vụ việc, chủ sở hữu quyền SHTT có thể đề nghị Tòa án áp dụng một biện pháp dân sự nói trên hoặc cũng có thể đề nghị Tòa án áp dụng nhiều hoặc tất cả các biện pháp dân sự nêu trên khi nộp đơn khởi kiện ra tòa để yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. Trong đó, chế tài "*buộc chấm dứt hành vi xâm phạm*" được Tòa án chấp nhận áp dụng thì bên có hành vi xâm phạm quyền SHTT phải chấm dứt hành vi xâm phạm quyền SHTT của mình ngay tức khắc, ví dụ như không được phép tiếp tục có các hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán... hàng hóa có chứa dấu hiệu bị kết luận là hàng hóa giả mạo SHTT. Nếu không chấm dứt, vẫn tiếp tục có các hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT đó hoặc hàng hóa giả mạo về SHTT mới, thì chủ thể này có thể bị chủ sở hữu quyền SHTT yêu cầu Tòa án xét xử theo một vụ án mới với. Chế tài "*Buộc xin lỗi, cải chính công khai*" là việc chủ sở hữu quyền SHTT

yêu cầu Tòa án buộc chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT phải tiến hành xin lỗi, cải chính công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng ví dụ như xin lỗi, cải chính về hành vi xâm phạm quyền SHTT trên báo viết, báo hình hoặc báo nói... Chế tài "*Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự*" là việc Tòa án buộc bên có hành vi xâm phạm quyền SHTT phải thực hiện một hoặc một số nghĩa vụ cụ thể liên quan đến vụ việc, ví dụ như: phải tiến hành thu hồi hàng hóa có chứa dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT đã lưu hành trên thị trường để loại bỏ yếu tố xâm phạm quyền SHTT, hoặc phải tiến hành thu hồi hàng hóa giả mạo về SHTT để tiêu hủy....Chế tài "*Buộc bồi thường thiệt hại*" là việc Tòa án buộc bên có hành vi xâm phạm quyền SHTT phải bồi thường cho chủ sở hữu quyền SHTT những thiệt hại về vật chất và/hoặc tinh thần do hành vi xâm phạm quyền SHTT của mình gây ra. Chế tài này sẽ được tác giả phân tích chi tiết và cụ thể hơn trong phần dưới đây của luận văn.

2.3.1.5. Yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời

Theo quy định của pháp luật hiện hành, trong khi khởi kiện hoặc sau khi khởi kiện, chủ thể quyền SHTT có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong các trường hợp sau: đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền SHTT; Hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHTT có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu hủy nếu không được bảo vệ kịp thời (Điều 206, Luật SHTT).

Mặc dù Luật SHTT của Việt Nam đã đưa ra các quy định về điều kiện để áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên, tuy vậy, khi phát hiện ra quyền SHTT bị xâm phạm và có yêu cầu các cơ quan thực thi xử lý, các chủ thể quyền SHTT cần áp dụng các quy định nêu trên một cách linh hoạt đối với từng vụ việc xâm phạm quyền SHTT cụ thể để có thể hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra từ hành vi xâm phạm quyền SHTT. Cụ thể, về giả định "*nguy cơ xảy ra thiệt hại*" theo quy định nêu trên được hiểu là hậu quả tất yếu của hành vi xâm phạm sắp xảy ra và khi thiệt hại xảy ra thì không thể khắc phục được

cho chủ thể quyền SHTT nếu không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Trong khi đó, giả định "*nguy cơ bị tâu tán*" được hiểu hàng hóa giả mạo về SHTT có thể bị phân tán nhanh hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHTT bị tiêu hủy hoặc bị giấu giếm, nếu như không yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ví dụ, Công ty A là chủ sở hữu của nhãn hiệu "Hình hai con bò húc" rất có uy tín cho sản phẩm nước uống tăng lực. Một lần đi điều tra thị trường, Công ty A phát hiện Công ty B trên địa bàn TP.Hà Nội đang tiến hành in ấn các mẫu nhãn hiệu giả mạo hình "Hình hai con bò húc" để gắn lên sản phẩm nước uống tăng lực do mình sản xuất để bán trên thị trường. Phát ra hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về SHTT, Công ty A đã đệ đơn khởi kiện ra Tòa án thành phố Hà Nội để yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với Công ty B. Để Công ty B không tâu tán các hàng hóa, chứng cứ về hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về SHTT, Công ty A, trong trường hợp này, có thể yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

2.3.1.6. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT là hình thức trách nhiệm dân sự mang tính tài sản áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật về SHTT gây thiệt hại nhằm bù đắp những tổn thất về vật chất và tinh thần cho bên bị thiệt hại. Cụ thể, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT như sau:

Nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT:

Thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Thiệt hại về vật chất bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại. Thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, giống cây trồng.

Mức độ thiệt hại được xác định trên cơ sở các tổn thất thực tế mà chủ thể quyền SHTT phải chịu do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra. Do đó, để Tòa án có căn cứ xem xét yêu cầu bồi thường thiệt do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra, khi khởi kiện, chủ thể quyền SHTT cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình dựa theo các căn cứ sau đây.

Căn cứ xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT:

- Trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được hành vi xâm phạm quyền SHTT đã gây thiệt hại về vật chất cho mình thì có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường theo một trong các căn cứ sau đây: Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT, nếu khoản lợi nhuận bị giảm sút của nguyên đơn chưa được tính vào tổng thiệt hại vật chất; và giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHTT với giả định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng SHTT trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện. Đây là quy định mang tính công thức để các chủ thể quyền SHTT dùng làm căn cứ khởi kiện yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại từ các chủ thể có hành vi xâm phạm quyền SHTT nói chung và hành vi làm giả mạo nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý nói riêng để Tòa án xem xét. Trong quá trình xét xử nếu Tòa án thấy các chứng cứ và lập luận của nguyên đơn khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại có cơ sở và thuyết phục thì Tòa án có thể chấp nhận toàn bộ, chấp nhận một phần hoặc cũng có thể từ chối toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại nếu Tòa án thấy không có căn cứ.

Ví dụ: Năm 2012 công ty A đã khởi kiện công ty B do công ty B có hành vi làm giả mạo nhãn hiệu "Besty và hình", trong đơn khởi kiện công ty A yêu cầu công ty B phải bồi thường thiệt hại vật chất cho công ty B là một tỷ đồng, trong đó công ty A đã cung cấp được các chứng cứ pháp lý cho yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của mình với các khoản cụ thể là: tổn thất về tài sản là 400.000.000, mức giảm sút về thu nhập và lợi nhuận 100.000.000, tổn thất về cơ hội kinh doanh là 100.000.000, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại là 50.000.000; ngoài ra công ty A yêu cầu công ty B phải thanh toán

khoản tiền lợi nhuận thu được từ hành vi làm giả mạo về nhãn hiệu là 200.000.000, và khoản phí phải trả nếu phải nhận chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu "Besty và hình" là 150.000.000. Sau khi xem xét, Tòa án nhận thấy các chứng cứ do công ty A cung cấp là có cơ sở và rất thuyết phục nên Tòa án đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường của công ty A và buộc chủ thể thực hiện hành vi làm giả mạo nhãn hiệu là công ty B phải bồi thường.

- Trong trường hợp không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo các căn cứ quy định trên đây thì mức bồi thường thiệt hại về vật chất do Tòa án ấn định, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại, nhưng không quá năm trăm triệu đồng. Việc đánh giá chứng cứ để xác định mức bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực SHTT là một trong những nhiệm vụ rất khó khăn của Hội đồng xét xử trong các vụ án về xâm phạm quyền SHTT. Để có thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất một cách chính xác và khách quan thì một mặt nguyên đơn khởi kiện phải cung cấp được các chứng cứ pháp lý để chứng minh cho các yêu cầu của mình là có cơ sở và có căn cứ. Mặt khác, việc đánh giá này còn đòi hỏi các Thẩm phán phải công tâm, cũng như phải có kiến thức am tường về các quy định của pháp luật, đặc biệt là quy định liên quan trong Bộ luật Dân sự và trong Luật SHTT về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại. Do đó, trong quá trình xét xử nếu Tòa án thấy các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp không đầy đủ hoặc thiếu cơ sở để đánh giá nên không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất thì Tòa án có thể ấn định mức bồi thường thiệt hại về vật chất tùy theo tính chất của từng vụ việc. Ví dụ: năm 2013, công ty X đã khởi kiện công ty Y do công ty Y có hành vi làm giả mạo nhãn hiệu "beauty & hình" của công ty X, trong đơn khởi kiện công ty X có yêu cầu công ty Y phải bồi thường thiệt hại vật chất là một tỷ đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét xử, Tòa án nhận thấy các chứng cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại do công ty X cung cấp thiếu thuyết phục nên không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất nên Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại một tỷ đồng của công ty X, thay vào đó Tòa án đã yêu

cầu công ty Y phải bồi thường cho công ty X là 300.000.000.

- Trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được hành vi xâm phạm quyền SHTT đã gây thiệt hại về tinh thần cho mình thì có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường trong giới hạn từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại. Ngoài khoản bồi thường thiệt hại nêu trên, chủ thể quyền SHTT có quyền yêu cầu Tòa án buộc tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT phải thanh toán chi phí hợp lý để thuê luật sư.

Qua thực tiễn làm việc, tác giả nhận thấy việc xác định những tổn thất từ việc sử dụng, khai thác trực tiếp đối tượng quyền SHTT là một điều hết sức khó khăn và trong hầu hết các trường hợp đều chỉ mang tính chất tương đối. Thông thường, việc này được xem xét trong mối quan hệ so sánh trực tiếp với mức thu nhập, lợi nhuận thực tế của nguyên đơn trong giai đoạn trước khi có hành vi xâm phạm đó. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc xác định lợi nhuận bị sụt giảm của nguyên đơn do hành vi xâm phạm không thể đơn giản chỉ dựa vào một phép so sánh thuần túy như vậy. Để có thể đảm bảo cho khả năng xác định một cách tương đối chính xác và đầy đủ lượng hàng hóa nguyên đơn lẽ ra bán được nhưng đã không bán được do hành vi xâm phạm, thì việc xác định thực tế phức tạp hơn rất nhiều đối với một phép so sánh. Giả sử, trong khoảng thời gian hành vi xâm phạm xảy ra, doanh số và lợi nhuận của nguyên đơn không có sự sụt giảm so với thời gian trước, thậm chí số lượng bán hàng hay giá bán trên sản phẩm bị vi phạm cũng không giảm thì điều này đôi khi không đủ để khẳng định rằng nguyên đơn đã không bị mất lợi nhuận trên thực tế bởi theo lý thuyết kế toán thì chúng ta cần xét đến mức độ tăng trưởng hàng năm trong hoạt động kinh doanh của nguyên đơn và tình hình thực hiện kế hoạch tăng trưởng đó.

Ngược lại, có những trường hợp mặc dù doanh số và lợi nhuận của người bị thiệt hại thực tế có sự giảm sút so với thu nhập trước khi có hành vi xâm phạm xảy ra nhưng sự giảm sút đó không hoàn toàn có nguyên nhân từ hành vi xâm phạm mà do ảnh hưởng của các yếu tố trên thị trường hoặc do sự kém hiệu quả trong chính hoạt động kinh doanh của người đó thì việc thực hiện

một phép so sánh như vậy cũng không thể đảm bảo một kết quả đúng, toàn diện và khách quan. Ngoài ra, do việc xác định thu nhập hay lợi nhuận bị mất, bị giảm sút của nguyên đơn thực tế luôn là một giả định, là một sự phỏng đoán nên điều cần thiết và không thể bỏ qua là chúng ta phải cân nhắc xem những thông tin nào, những căn cứ nào, những yếu tố khách quan và chủ quan nào được coi là có liên quan và có khả năng tác động đến doanh số bán hàng và lợi nhuận của nguyên đơn để xác định một con số thiệt hại xác thực và hợp lý nhất. Thực tiễn xét xử của một số nước trên thế giới như Nhật Bản, Hoa Kỳ hoặc nước Trung Hoa đều cho thấy việc xác định lợi nhuận bị mất của nguyên đơn không đơn giản chỉ là một phép so sánh thuần túy mà thường được xác định dựa trên công thức kế toán cơ bản, theo đó: Lợi nhuận bị mất = (bằng) Số lượng hàng hóa không bán được do hành vi xâm phạm x (nhân với) lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm. Theo tác giả, Công thức tính trên đây là cách để xác định và có cơ sở tính toán hợp lý cần được xem xét và áp dụng trong giải quyết các tranh chấp về xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam khi các cơ quan thực thi xét xử các vụ việc xâm phạm quyền SHTT có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2.3.2. Xử lý bằng một số biện pháp khác

2.3.2.1. Biện pháp hành chính

Biện pháp hành chính là biện pháp sử dụng sức mạnh quyền lực của các cơ quan hành chính nhà nước thông qua các quyết định hành chính để xử lý các vi phạm hành chính - là những hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Xét về mặt lý luận, những hành vi xâm phạm lợi ích tư giữa các cá nhân, tổ chức sẽ được giải quyết bằng biện pháp dân sự. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam các hành vi xâm phạm quyền SHTT chủ yếu được giải quyết bằng biện pháp hành chính. Điều này có thể được giải thích bởi nhiều lý do chủ quan và khách quan khác nhau trong đó có lý căn bản xuất phát từ chính tâm lý của các chủ thể quyền SHTT đó là không muốn tham gia tranh tụng tại

Tòa án và tâm lý chưa thực sự tin tưởng vào Tòa án. Điều này cũng xuất phát từ những ưu điểm và hạn chế của việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp dân sự và bằng biện pháp hành chính ở Việt Nam hiện nay. Thực tiễn cho thấy áp dụng biện pháp hành chính trong việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT có một số ưu điểm và nhược điểm sau đây:

Ưu điểm của biện pháp hành chính:

- *Thời gian xử lý nhanh:* Theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu xử lý vi phạm, cơ quan xử lý vi phạm có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Trường hợp tài liệu, chứng cứ do người nộp đơn cung cấp chưa đầy đủ thì cơ quan xử lý vi phạm yêu cầu người nộp đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc giải trình trong thời hạn tối đa là 30 ngày, kể từ ngày yêu cầu. Sau đó, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng yêu cầu, người có thẩm quyền thông báo cho tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm về dự định thời gian, thủ tục, biện pháp xử lý và yêu cầu hợp tác, hỗ trợ của chủ thể quyền SHCN trong thanh tra, kiểm tra, xác minh và xử lý vi phạm. Như vậy, nếu như thời gian để xử lý xong một vụ việc xâm phạm quyền SHCN bằng biện pháp dân sự có thể kéo dài hàng năm, thậm chí vài năm, thì khi áp dụng biện pháp hành chính, thời gian chỉ kéo dài trong khoảng thời gian từ một đến hai tháng. Chính vì thời gian xử lý nhanh như vậy nên chắc chắn sẽ tiết kiệm được thời gian cho các chủ thể quyền khi yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp này.

- *Thủ tục đơn giản:* Theo quy định tại Điều 24, Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, hồ sơ yêu cầu cơ quan hành chính xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN bằng biện pháp hành chính chỉ bao gồm các giấy tờ, tài liệu như sau: đơn yêu cầu xử lý vi phạm trong đó nêu rõ ngày làm đơn, tên cơ quan nhận đơn hoặc các cơ quan nhận đơn, thông tin về tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm; giấy ủy quyền (nếu vụ việc được nộp bởi người đại diện hợp pháp hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền); đối tượng SHCN liên quan; hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm; tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân vi phạm; biện

pháp yêu cầu xử lý; tài liệu chứng minh quyền yêu cầu xử lý vi phạm; tài liệu mô tả hoặc ảnh chụp hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm; địa điểm nơi có hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm. Do đó, thủ tục yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCH bằng biện pháp hành chính khá là đơn giản, không cầu kỳ và phức tạp như thủ tục như khi áp dụng biện pháp dân sự. Chính vì thủ tục đơn giản như vậy nên chủ thể quyền SHCN hoàn toàn có thể tự mình làm đơn để yêu cầu các cơ quan thực thi quyền SHCN xử lý vụ việc, không nhất thiết phải nhờ các công ty luật hoặc các văn phòng luật sư qua đó sẽ tiết kiệm được một khoản chi phí khá lớn vì không phải mất phí trả cho luật sư.

- *Chi phí thấp*: Theo quy định tại Mục 22 của TT số 37/2011/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cụ thể một số nội dung liên quan đến việc thi hành một số điều của Nghị định số 97/2010/NĐ-CP (Nghị định này hiện nay được thay thế bằng Nghị định số 99/2013/NĐ-CP), "chủ thể quyền có yêu cầu xử lý vi phạm có thể đề xuất nội dung hợp tác hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm thông tin, tài liệu, phương tiện đi lại, thiết bị kỹ thuật và kinh phí hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm". Tuy nhiên cũng theo Thông tư này, chi phí hỗ trợ điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực SHCN nói trên được coi là chi phí hợp lý để bảo vệ quyền SHCN và được hạch toán vào chi phí sản xuất theo quy định tại Điều 32, Nghị định số 103/2006/NĐ-CP sửa đổi. Điều này cũng có nghĩa, khi vụ việc được xử lý bằng biện pháp hành chính, các chủ thể quyền SHCN hầu như không mất bất kỳ một khoản kinh phí nào.

Nhược điểm của biện pháp hành chính:

Bên cạnh những mặt ưu điểm nêu trên, biện pháp hành chính cũng có một số những mặt hạn chế sau đây:

- *Chủ thể quyền SHTT không được yêu cầu bồi thường thiệt hại:*

Theo quy định của pháp luật hiện hành, khi chủ thể quyền SHTT lựa chọn biện pháp hành chính để xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT, thì họ chỉ có thể yêu cầu các cơ quan thực thi yêu cầu bên vi phạm: chấm dứt

hành vi xâm phạm quyền SHTT, thu hồi các sản phẩm giả mạo về SHTT hoặc hàng hóa có chứa yếu tố xâm phạm quyền SHTT để tiêu hủy hoặc loại bỏ yếu tố xâm phạm ra khỏi sản phẩm, xử phạt hành chính... chủ thể quyền SHTT không có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT của họ gây ra. Nếu muốn yêu cầu bồi thường thiệt hại, thì các chủ thể quyền SHTT phải tiến hành khởi kiện ra Tòa án. Đây chính là điểm hạn chế lớn nhất của biện pháp hành chính.

- Bên cạnh nhược điểm nói trên, theo tác giả biện pháp hành chính còn có một hạn chế khác đó là tính răn đe không bao bằng biện pháp dân sự. Theo quy định của pháp luật hiện hành, mức phạt tối đa đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT bị xử lý bằng biện pháp hành chính chỉ là 500.000.000 trong khi đó lợi nhuận thu được từ hành vi xâm phạm quyền SHTT có thể lớn hơn mức tiền phạt nói trên rất nhiều lần, đặc biệt là ở những vụ việc xâm phạm có quy mô lớn. Chính điều này đã khiến cho nhiều chủ thể cố tình sản xuất, kinh doanh, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT hoặc hàng hóa xâm phạm quyền SHTT.

Một số điểm lưu ý khi làm đơn và nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm:

Theo nhận định của các cơ quan thực thi quyền SHTT, các chủ thể quyền SHTT vẫn còn có khá lúng túng trong việc viết đơn đề nghị các cơ quan thực thi xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT, cụ thể là chưa biết soạn thảo đơn đề nghị như thế nào, cần cung cấp những thông tin, chứng cứ gì, nộp cho cơ quan nào... Theo quy định của pháp luật hiện hành, để vụ việc xâm phạm quyền SHTT có thể được xử lý bằng biện pháp hành chính, các chủ thể cần phải lưu ý một số điểm sau đây:

Về hồ sơ yêu cầu xử lý: Theo quy định tại Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, Đơn yêu cầu xử lý vi phạm phải được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức đơn yêu cầu xử lý vi phạm, trong đó nêu rõ ngày làm đơn, tên cơ quan nhận đơn hoặc các cơ quan nhận đơn, thông tin về tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm; người đại diện hợp pháp hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền; đối tượng SHTT liên quan; hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm; tên, địa chỉ tổ

chức, cá nhân vi phạm; biện pháp yêu cầu xử lý; chữ ký của người đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền, dấu xác nhận chữ ký, nếu có; nếu trước đó đơn đã được gửi cho cơ quan khác thì phải ghi rõ tên cơ quan và ngày gửi đơn trước đó. Đơn yêu cầu xử lý vi phạm phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền yêu cầu xử lý vi phạm; tài liệu mô tả hoặc ảnh chụp hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm; địa điểm nơi có hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm. Tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm có thể cung cấp tài liệu, mẫu vật, chứng cứ khác để hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm và hàng hóa, dịch vụ vi phạm. Người nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm có thể đề nghị người có thẩm quyền xử phạt áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt khi thấy xuất hiện các tình huống sau: hành vi vi phạm có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng cho người tiêu dùng hoặc xã hội; tang vật vi phạm có nguy cơ bị tẩu tán; tổ chức, cá nhân vi phạm có biểu hiện trốn tránh trách nhiệm đối với hành vi vi phạm; bảo đảm khả năng thi hành quyết định xử phạt của tổ chức, cá nhân vi phạm.

Về thẩm quyền xử lý: Theo quy định của pháp luật hiện hành, các cơ quan thực thi pháp luật sau đây có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT: cơ quan Thanh tra Khoa học và Công nghệ-đây là cơ quan thực thi có thẩm quyền xử phạt hầu hết các hành vi vi phạm bao gồm các hành vi sản xuất, buôn bán, kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ... trừ các hành vi vi phạm xảy ra trong hoạt động quá cảnh, nhập khẩu hàng hóa; cơ quan Thanh tra Thông tin và Truyền thông-cơ quan này chỉ có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm như đăng ký, sử dụng trái phép tên miền; cơ quan Quản lý thị trường-cơ quan này có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm trong hoạt động buôn bán, vận chuyển hàng hóa tại thị trường trong nước; cơ quan Hải quan, cơ quan này có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm trong hoạt động quá cảnh, nhập khẩu hàng hóa; cơ quan Công an, cơ quan này có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm như sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu; Cục Quản lý cạnh tranh, cơ quan này có

thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực SHCN...Do vậy, tùy theo tính chất và địa bàn nơi hành vi xâm phạm được thực hiện, các chủ thể quyền SHTT có làm gửi đơn đến một trong các cơ quan thực thi nêu trên để yêu cầu xử lý.

2.3.2.2. Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là một trong những biện pháp chủ sở hữu và người sử dụng hợp pháp quyền SHTT có thể áp dụng để bảo vệ và xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. Đây là một biện pháp có một số quy định mang tính đặc thù-được áp dụng riêng đối với các hành vi xuất-nhập khẩu hàng hóa qua biên giới cụ thể như sau:

Theo quy định của luật Hải quan và Luật SHTT (Điều 216 và Điều 217), cơ quan Hải quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT và kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT. Theo đó, chủ thể quyền SHTT đã được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu khi có căn cứ cho rằng, hàng hóa đó xâm phạm quyền SHTT nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền SHTT thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính. Khi thực hiện việc đề nghị dừng làm thủ tục hải quan, người đề nghị phải có đơn đề nghị gửi cơ quan Hải quan, xuất trình các bằng chứng về quyền SHTT hợp pháp của mình được pháp luật bảo hộ, bằng chứng về việc hàng hóa đã xâm phạm quyền SHTT. Đồng thời, họ phải nộp một khoản tiền bảo đảm bằng 20% giá trị lô hàng cần áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc tối thiểu hai mươi triệu đồng (nếu không thể xác định được giá trị lô hàng đó) hoặc chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng khác để bảo đảm bồi thường thiệt hại trong trường hợp đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan của họ không đúng. Khi xét thấy

người đề nghị đã thỏa mãn những điều kiện nêu trên, cơ quan Hải quan sẽ xem xét và ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Để được cơ quan hải quan xem xét ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ là có vi phạm về SHTT, người yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHTT phải có các nghĩa vụ như sau: chứng minh mình là chủ thể quyền SHTT bằng các tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 203 của Luật SHTT; cung cấp đầy đủ thông tin để xác định hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT hoặc để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT; nộp đơn cho cơ quan hải quan và nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; bồi thường thiệt hại và thanh toán các chi phí phát sinh cho người bị áp dụng biện pháp kiểm soát trong trường hợp hàng hóa bị kiểm soát không xâm phạm quyền SHTT.

Thủ tục và thẩm quyền áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Về thủ tục áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan, Điều 218 Luật SHTT quy định như sau: khi người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Điều 217 của Luật SHTT thì cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là mười ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định. Trong trường hợp người yêu cầu tạm dừng có lý do chính đáng thì thời hạn này có thể kéo dài, nhưng không được quá hai mươi ngày làm việc với điều kiện người yêu cầu tạm dừng thủ tục hải quan phải nộp thêm khoản bảo đảm theo quy định tại Điều 217 của Luật SHTT.

Khi kết thúc thời hạn quy định trên mà người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan không khởi kiện dân sự và cơ quan hải quan không quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính đối với người xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng thì cơ quan hải quan phải có trách nhiệm sau đây: tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng; hoặc buộc người yêu cầu tạm dừng

làm thủ tục hải quan phải bồi thường cho chủ lô hàng toàn bộ thiệt hại do yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra và phải thanh toán các chi phí lưu kho bãi, bảo quản hàng hóa và các chi phí phát sinh khác cho cơ quan hải quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật về hải quan; hoặc hoàn trả cho người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan khoản tiền bảo đảm còn lại sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường và thanh toán các chi phí theo như quy của Luật SHTT.

Trong trường hợp chủ thể quyền SHTT có đề nghị kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT thì khi phát hiện lô hàng có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT, cơ quan hải quan phải thông báo ngay cho người đó. Trong thời hạn ba ngày làm việc (kể từ ngày được thông báo), nếu người đề nghị không yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng bị phát hiện và cơ quan hải quan không quyết định xem xét việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại Điều 214 và Điều 215 của Luật SHTT thì cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng.

Như vậy, hiện nay cơ quan Hải quan không chỉ tạm dừng làm thủ tục hải quan khi có đơn đề nghị của chủ sở hữu quyền SHTT đối với từng trường hợp cụ thể như quy định tại luật Hải quan năm 2001, mà chủ sở hữu quyền SHTT còn có quyền đề nghị kiểm tra, giám sát dài hạn để cơ quan hải quan trong quá trình kiểm tra giám sát hàng hóa XNK, có quyền tạm dừng làm thủ tục nếu phát hiện có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT. Đây chính là quy định đã được sửa đổi bổ sung tại Điều 57 của luật Hải quan.

Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động, cơ quan Hải quan còn có trách nhiệm bảo hộ quyền SHTT ngay cả trong trường hợp tự mình phát hiện có vi phạm quyền SHTT. Hơn nữa, quy định chủ SHTT phải cung cấp những thông tin như: thông tin về người nhập khẩu, về cửa khẩu nhập, bằng chứng... về lô hàng vi phạm SHTT trong một khoảng thời gian rất ngắn là không dễ. Trong khi đó, pháp luật hiện nay chưa có quy định nào cho phép cơ quan Hải quan trên cơ sở các thông tin được cung cấp trước, được chủ động tạm dừng làm

thủ tục hải quan đối với hàng hóa đang bị nghi vấn vi phạm quyền SHTT (thẩm quyền tạm dừng đương nhiên). Thiếu một cơ chế như vậy, trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan Hải quan trong lĩnh vực bảo hộ SHTT sẽ không được phát huy và hiệu quả thu được chưa cao. Trong khi đó, việc áp dụng qui định về thẩm quyền tạm dừng đương nhiên của cơ quan Hải quan trong việc thực thi bảo hộ quyền SHTT tại biên giới là một trong những thông lệ chung của hải quan các nước trên thế giới.

Về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính, ngành Hải quan thực hiện trên cơ sở quy định của Luật SHTT và Luật xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể các biện pháp ngăn chặn mà cơ quan Hải quan có thể áp dụng như: tạm giữ người; tạm giữ hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm; khám người; khám phương tiện vận tải, đồ vật; khám nơi cất giấu... Các hình thức xử phạt cơ quan Hải quan có thể áp dụng như hình thức phạt chính (bao gồm phạt cảnh cáo, phạt tiền), hình phạt bổ sung như là tịch thu hàng hóa xâm phạm. Bên cạnh đó, cơ quan hải quan có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc tiêu hủy hoặc cho đưa vào sử dụng nhưng không nhằm mục đích thương mại; buộc tái xuất hàng nhập khẩu giả mạo sau khi đã loại bỏ yếu tố xâm phạm; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hàng quá cảnh xâm phạm.

Thời hạn xử lý yêu cầu tạm dừng làm thủ tục Hải quan:

Cơ quan Hải quan nhận đơn có trách nhiệm xem xét yêu cầu tạm dừng dài hạn trong thời hạn 30 ngày và yêu cầu tạm dừng cụ thể trong 24 giờ kể từ khi nhận yêu cầu tạm dừng và ra Thông báo Chấp nhận hoặc Từ chối bằng văn bản.

Chi Cục Hải quan có trách nhiệm triển khai việc kiểm tra và phát hiện hàng hóa nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu hoặc xâm phạm quyền SHTT theo chỉ đạo của Tổng Cục Hải quan hoặc Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Khi phát hiện lô hàng có dấu hiệu vi phạm, Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan, thông báo ngay cho người nộp đơn bằng văn bản và yêu cầu trong thời hạn 3 ngày phải nộp tiền bảo đảm hoặc chứng từ bảo lãnh. Trong thời hạn 3 ngày nếu người nộp đơn đáp ứng các yêu cầu trên Chi Cục Hải

quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng. Quyết định này sẽ được gửi cho người nộp đơn, chủ lô hàng và các bên liên quan trong đó nêu rõ lý do và thời hạn tạm dừng. Trường hợp người nộp đơn không đề nghị tiếp tục tạm dừng thủ tục hải quan và không nộp tiền bảo đảm hoặc chứng từ bảo lãnh thì Chi Cục Hải quan làm thủ tục thông quan cho lô hàng đó.

Thời hạn tạm dừng là 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan ra quyết định kéo dài thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan thêm một thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc nếu người nộp đơn yêu cầu gia hạn và nộp bổ sung tiền bảo đảm theo quy định. Trong thời hạn tạm dừng các bên có liên quan có trách nhiệm nộp các chứng cứ, lập luận và tài liệu hoặc kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền để Chi Cục Hải quan xác định tình trạng pháp lý về SHTT của lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan. Trường hợp lô hàng bị tạm dừng được xác định không vi phạm, Chi Cục Hải quan làm thủ tục thông quan cho lô hàng, người nộp đơn có trách nhiệm thanh toán các chi phí phát sinh cho chủ lô hàng và các thiệt hại gây ra bởi việc tạm dừng làm thủ tục hải quan. Trường hợp lô hàng bị tạm dừng được xác định là vi phạm quyền SHTT, chủ lô hàng và hàng hóa vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2.3.2.3. Biện pháp hình sự

Biện pháp hình sự được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT trong trường hợp hành vi đó có yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của BLHS. Theo đó, nếu cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT, trong đó có hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán... hàng hóa giả mạo về SHTT có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự và Luật SHTT, cụ thể như sau:

Những hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với quyền tác giả, quyền liên quan bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Luật SHTT, các hành vi xâm phạm quyền tác giả và xâm phạm quyền liên quan được các nhà làm luật

liệt kê ra rất nhiều loại hành vi khác nhau, cụ thể đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả có gần hai mươi loại hành vi, trong đó có các hành vi như là: công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó; sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả... hành vi xâm phạm quyền liên quan gồm có mười loại hành vi khác nhau, trong đó có các hành vi như là: sao chép, trích ghép đối với cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không được phép của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng; phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng cuộc biểu diễn, bản sao cuộc biểu diễn đã được định hình hoặc bản ghi âm, ghi hình khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử đã bị dỡ bỏ hoặc đã bị thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền liên quan... Tuy nhiên, không phải tất cả các hành vi xâm phạm quyền tác giả và xâm phạm quyền liên quan được các nhà làm luật liệt kê theo như quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Luật SHTT đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mà chỉ có một số hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan do cá nhân thực hiện thì mới có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cụ thể, theo quy định tại Điều 170(a), BLHS năm 1999 sửa đổi năm 2009, người nào không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà thực hiện một trong các hành vi như là sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình; hoặc phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình, xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến hai năm.

Như vậy, để có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm

phạm quyền SHTT đối với quyền tác giả và quyền liên quan, thì hành vi đó phải do cá nhân thực hiện trên quy mô thương mại (không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tổ chức), và loại hàng hóa được xác định là hàng hóa có yếu tố giả mạo về quyền tác giả và giả mạo về quyền liên quan ngoại trừ hàng hóa là tác phẩm bị trích đoạn, lắp ghép trái phép (hàng hóa xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan không thuộc đối tượng điều chỉnh của BLHS). Qua thực tiễn làm việc tác giả nhận thấy, tính chất và mức độ của hành vi làm giả mạo quyền tác giả và quyền liên quan do cá nhân thực hiện trên quy mô thương mại luôn luôn có tính nguy hiểm và gây thiệt cho chủ sở hữu quyền SHTT cũng như cho xã hội lớn hơn nhiều so với hành vi xâm phạm hàng hóa xâm phạm quyền tác giả và quyền liên do đó hành vi này cần phải bị xử lý bằng biện pháp hình sự để có thể giáo dục và răn đe người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những người có ý định phạm tội.

Những hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

Theo quy định tại Thông tư số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP (Thông tư số 01/2008) của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp về hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền SHTT, được quy định như sau: người nào vì mục đích kinh doanh mà cố ý thực hiện một trong các hành vi xâm phạm quyền SHCN có đối tượng là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu quy định tại khoản 2 Điều 213 của luật SHTT thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị coi là "gây hậu quả nghiêm trọng" và bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp" theo khoản 1 Điều 171 của BLHS: đã thu được lợi nhuận từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; hoặc gây thiệt hại về vật chất cho chủ sở hữu nhãn hiệu từ 50.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng; hoặc hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng. Như vậy, theo quy định của Thông tư này thì chỉ có những cá nhân thực hiện hành vi làm giả mạo về nhãn

hiệu với mục đích kinh doanh gây hậu quả nghiêm trọng thì mới có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Các hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với các đối tượng SHCN khác như là sáng chế, KDCN, tên thương mại... thậm chí là nhãn hiệu nhưng hành vi xâm phạm nhãn hiệu không thuộc trường hợp bị coi là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XII họp ngày 19 tháng 06 năm 2009, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999, trong đó, tại Khoản 1, Điều 171, BLHS sửa đổi có quy định như sau:

Người nào cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến hai năm. Phạm tội có tổ chức hoặc phạm tội nhiều lần, thì bị phạt tiền từ bốn trăm triệu đồng đến một tỷ đồng hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm [42].

Như vậy, theo quy nói trên chỉ có những cá nhân có lỗi cố ý thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý với quy mô thương mại thì đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không phân biệt đó là hàng hóa giả mạo hay là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý. Các hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với các đối tượng SHCN khác như sáng chế, KDCN, tên thương mại... thậm chí là hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý nhưng không có quy mô thương mại, thì sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mà chỉ có thể bị xử lý bằng biện pháp hành chính. Theo tác giả quy định mới về việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của BLHS sửa đổi nói trên là phù hợp với thực tiễn hiện nay của Việt Nam vì thực tế cho thấy nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý là hai loại đối tượng SHTT đang bị xâm phạm rất nhiều ở Việt Nam nên nếu chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi làm giả mạo nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với hai đối tượng này theo

như quy định tại TT số 01/2008 nói trên, có thể sẽ để lọt tội phạm.

Chương 3

THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Trong chương 3 của luận văn, tác giả tập trung vào việc trình bày thực trạng xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam; nguyên nhân dẫn đến thực trạng xâm phạm quyền SHTT nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng; kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật về liên quan đến hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT.

3.1. THỰC TRẠNG HÀNG HÓA GIẢ MẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI VIỆT NAM

Theo nhận định của lãnh đạo các cơ quan thực thi pháp luật như cơ quan Thanh tra chuyên ngành về khoa học công nghệ - thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, và lực lượng quản lý thị trường, hiện nay nhãn hiệu là đối tượng SHTT bị làm giả mạo nhiều nhất trên thị trường. Hành vi sản xuất, buôn bán, kinh doanh...loại hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu đang diễn ra rất nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam và được tập trung nhiều ở các tỉnh, thành phố như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Lạng Sơn, Quảng Ninh... Loại hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu có ở rất nhiều các lĩnh vực từ các mặt hàng tiêu dùng hàng ngày như lương thực, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, hàng may mặc...đến những mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao như các linh kiện điện tử. Điều đáng chú ý là hiện nay trình độ và khả năng làm giả mạo về nhãn hiệu ở nhiều loại sản phẩm đều rất tinh vi và khó phân biệt, nhận biết so với hàng thật, hàng chính hãng ví dụ như những mặt hàng điện tử, dược phẩm...Trong quá trình tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát thị trường, ở nhiều vụ việc, để có thể xác định được hàng giả mạo về nhãn hiệu, Lực lượng quản lý thị trường đã phải yêu cầu nhà sản xuất hàng chính hãng cung cấp mẫu hàng thật cùng với ý kiến phân tích, nhận định của nhà sản xuất hàng chính hãng mới xác

định được với hàng giả ví dụ như vụ xác định hàng giả sản phẩm mì chính mang của hãng VEDAN... Trong khi đó, ở lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, điểm khó khăn là rất khó có thể xử lý triệt để các hành vi sản xuất, kinh doanh, buôn bán loại mặt hàng giả mạo quyền tác giả, đặc biệt là đối với các mặt hàng sao chép, buôn bán băng đĩa lậu. Mặc dù các chủ sở hữu quyền SHTT và các cơ quan thực thi pháp luật đã có nhiều cố gắng trong việc phòng ngừa và đấu tranh xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT nhưng trong những năm gần đây tình trạng xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam có xu hướng ngày càng gia tăng, tính chất vi phạm ngày càng nghiêm trọng, phạm vi vi phạm quyền SHTT đa dạng, cụ thể như sau:

3.1.1. Số lượng vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Theo số liệu thống kê gần đây của Cục SHTT, số lượng vụ việc khiếu nại về vi phạm quyền SHCN ngày càng gia tăng, cụ thể như sau:

Bảng 3.1: Thống kê số vụ khiếu nại về vi phạm quyền SHCN

Năm	Sáng chế, giải pháp hữu ích	Kiểu dáng công nghiệp	Nhãn hiệu	Tổng số vụ việc
1997	-	32	124	156
1998	-	20	219	239
1999	-	41	110	151
2000	-	60	119	179
2001	2	93	198	293
2002	9	108	282	399
2003	23	53	278	354
2004	33	65	306	404
2005	41	210	324	596
2006	17	264	320	601
2007	7	92	67	166

Nguồn: Cục SHTT.

Theo số liệu thống kê của cơ quan Thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ, trong các năm 2006-2008, Cơ quan Thanh tra khoa học và công nghệ đã tiến hành thanh tra 3.574 cơ sở, phát hiện và xử lý 459 vụ xâm phạm

quyền SHCN, đã xử phạt cảnh cáo 152 cơ sở, phạt tiền 307 cơ sở với số tiền 1.847.988.200 đồng, buộc tiêu hủy, loại bỏ yếu tố vi phạm ra khỏi nhiều loại sản phẩm, hàng hóa. Năm 2009, Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành thanh tra 61 vụ, xử lý 38 vụ xâm phạm về nhãn hiệu, 02 vụ xâm phạm về kiểu dáng và 05 vụ xâm phạm giải pháp hữu ích, đã xử phạt cảnh cáo 01 vụ, phạt tiền 45 vụ với tổng số tiền phạt 697.356.000 đồng và xử lý 156.426 sản phẩm xâm phạm quyền SHCN. Năm 2012, Thanh tra khoa học và công nghệ đã tiến hành thanh tra 69 cơ sở, đã phát hiện và xử phạt 36 trường hợp có hành vi xâm phạm quyền SHCN với số tiền 859 triệu đồng. Thanh tra khoa học và công nghệ đã buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên 25.703 sản phẩm, buộc tiêu hủy và tịch thu tiêu hủy 7.462 sản phẩm chứa đựng các dấu hiệu xâm phạm quyền SHCN theo quy định của pháp luật. Riêng Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành 38 cuộc thanh tra trong lĩnh vực này, đã phát hiện và xử lý 20 trường hợp vi phạm với tổng số tiền phạt lên tới 831 triệu đồng và đã thực thu cho ngân sách. Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Cục Quản lý thị trường xử lý 01 trường hợp và với lực lượng cảnh sát điều tra xử lý 36 trường hợp [5].

Theo thống kê của Thanh tra Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, chỉ riêng trong một năm 2008, cơ quan này đã thụ lý 20 vụ xâm phạm quyền tác giả đối với chương trình máy tính và buộc tiêu hủy hơn 2.000 chương trình phần mềm máy tính bất hợp pháp; tịch thu và tiêu hủy 2.364 cuốn sách và văn hóa phẩm; 953.477 băng, đĩa và 236.364 vỏ đĩa; yêu cầu tháo gỡ 07 trang web chứa các video clip bất hợp pháp về giải bóng đá ngoại hạng Anh và yêu cầu mạng truyền hình trực tuyến IPTV của Công ty Cổ phần viễn thông FPT (FPT Telecom) dừng phát sóng một số kênh quốc tế không có bản quyền và phạt hành chính 25 triệu đồng đối với công ty này.

Tại Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 31/1999/CT-TTg về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả và hai năm thực hiện Chỉ thị 28/2008/CT-TTg về một số biện pháp cấp bách chống hàng giả, hàng kém

chất lượng vừa diễn ra tại Hà Nội mới đây, một loạt số liệu thống kê được các cơ quan chức năng công bố đã khiến dư luận phải e ngại đó là: trong mười năm qua từ năm 2001-2011, lực lượng quản lý thị trường trên cả nước đã xử lý 102 nghìn vụ làm hàng giả, vi phạm bản quyền SHTT với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính hơn 124 tỷ đồng. Lực lượng Hải quan cả nước cũng xử lý gần 200 vụ xuất nhập khẩu hàng giả, hàng hóa vi phạm quyền SHTT. Trong số đó, 460 vụ và hơn 550 đối tượng đã bị xử lý hình sự và khởi tố. Tuy nhiên đây mới chỉ là số vụ vi phạm được các lực lượng chức năng phát hiện và xử lý, còn trên thực tế, con số này còn quá khiêm tốn so với tình hình sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng đang ngày càng diễn ra tinh vi hơn, rầm rộ hơn, gây thiệt hại cho nền kinh tế cũng như quyền lợi của người tiêu dùng [23].

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Công an, năm 2006-2009, Cơ quan cảnh sát điều tra về trật tự và quản lý kinh tế chức vụ thuộc Bộ Công an đã phát hiện và bắt giữ 76 vụ xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt đối với mặt hàng thực phẩm, quần áo, mỹ phẩm, thuốc tân dược, và chỉ đạo Cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế địa phương tập trung đấu tranh các đối tượng chuyên sản xuất hàng xâm phạm quyền SHTT. Ngoài ra, lực lượng cảnh sát còn phối hợp với các cơ quan thực thi kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở xâm phạm kiểu KDNC, nhãn hiệu, bản quyền phần mềm, tiêu hủy hàng hóa xâm phạm. Ngoài ra, Lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ đã điều tra phát hiện và bắt giữ 156 vụ và khởi tố nhiều đối tượng có các hành vi sản xuất buôn bán các hàng hóa giả mạo SHTT như: thực phẩm, quần áo, mỹ phẩm, tân dược, rượu, linh kiện. Điển hình là vụ triệt phá đường dây buôn bán thuốc giả Viagra và Cialis từ Trung Quốc vào Việt Nam, với tang vật thu giữ là 13.600 viên thuốc giả, đã khởi tố 02 đối tượng; vụ thu giữ 85 tấn phân NPK giả do Công ty Tân Trường Sinh (Hoài Đức, Hà Nội) sản xuất, vụ việc đã được khởi tố và tiếp tục điều tra các đối tượng liên quan. Đặc biệt, theo báo cáo của Cục Cảnh sát kinh tế (Bộ Công an), riêng năm 2012, lực lượng cảnh sát kinh tế của 44 tỉnh/thành phố đã phát hiện 276 vụ xâm phạm quyền SHTT, sản xuất

buôn bán hàng giả, trong đó đã khởi tố 66 vụ, 74 bị can (có 26 vụ xâm phạm nhãn hiệu), phạt tiền hơn 2,4 tỷ đồng. So với năm 2011, số vụ phát hiện đã tăng 107 vụ, số vụ khởi tố tăng 48 vụ (năm 2011, lực lượng cảnh sát kinh tế đã phát hiện 169 vụ xâm phạm quyền SHTT, sản xuất, buôn bán hàng giả, 214 đối tượng, trong đó đã khởi tố 18 vụ, 30 bị can) [5].

Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan, năm 2006-2008, Cơ quan Hải quan đã tiếp nhận và xử lý trên 53 đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu, đơn gia hạn kiểm tra, giám sát có liên quan đến SHTT. Cơ quan Hải quan đã ra thông báo tạm thời dừng làm thủ tục hải quan và xử lý 31 trường hợp, trong đó hầu hết là các trường hợp được xác định là có giả mạo về SHTT (điện thoại và linh kiện điện thoại di động, thuốc lá điếu, linh kiện máy tính, túi xách...). Cơ quan Hải quan đã xử phạt vi phạm hành chính với số tiền khoảng 1,3 tỷ đồng. Năm 2009, Cơ quan Hải quan tập trung nhiều vào công tác chống hàng giả, đã xử lý nhiều vụ xâm phạm nhãn hiệu, tịch thu và tiêu hủy số lượng lớn hàng giả, số tiền phạt hành chính gần 2 tỷ đồng. Tổng Cục Hải quan đã tham gia với hải quan các nước trong khu vực (Thái Lan, Cambodia, Lào, Myanmar, Indonesia, Trung Quốc) triển khai chuyên án Storm (2009-2011) do Tổ chức Y tế Thế giới kết hợp với Interpol chủ trì với mục đích là đấu tranh với các hành vi sản xuất, mua bán và vận chuyển các loại thuốc giả trong khu vực. Lực lượng hải quan đã tổ chức một số cuộc gặp gỡ với đại diện một số doanh nghiệp (Puma, Tyco...) để thảo luận xây dựng những biện pháp phối hợp đấu tranh chống hàng giả. Năm 2012, Cơ quan Hải quan cũng đã tiếp nhận và xử lý gần 100 yêu cầu của các chủ thể quyền SHTT đề nghị kiểm tra, giám sát tại biên giới. Tính đến thời điểm năm 2012 ngành hải quan có tất cả 106 đơn yêu cầu bảo vệ quyền SHTT tại biên giới với khoảng gần 300 nhãn hiệu hàng hóa các loại. Cơ quan Hải quan đã xử lý 101 vụ, xử phạt với số tiền khoảng 300 triệu đồng, đồng thời đã tịch thu xử lý hàng chục ngàn sản phẩm vi phạm các loại (như: rượu, thuốc lá, mỹ phẩm, quần áo, điện thoại di động... xâm phạm các nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam) [5].

Trong khi đó, theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền SHTT từ năm 2000 đến năm 2005 (giai đoạn trước khi có Luật SHTT) của toàn ngành Tòa án như sau:

Bảng 3.2: Số liệu vụ việc tranh chấp về SHTT đã được giải quyết tại Tòa án

Giai đoạn	Quyền tác giả	Quyền SHCN	Tổng số vụ được giải quyết
2000-2006	11	22	33
2006-2009	90	10	100

Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao.

3.1.2. Tính chất và mức độ vi phạm

Theo thực tế giải quyết các hành vi vi phạm quyền SHTT của các cơ quan chức năng cho thấy, hiện nay các hành vi xâm phạm quyền SHTT được thực hiện bằng nhiều phương thức, thủ đoạn mới như áp dụng công nghệ cao, sử dụng các thiết bị hiện đại để sản xuất hàng hóa làm cho người tiêu dùng và cơ quan quản lý thị trường khó phát hiện đâu là hàng thật, đâu là hàng giả. Các hành vi vi phạm này ngày càng nguy hiểm hơn ở tính chất vi phạm, có tổ chức chặt chẽ không những trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam mà còn mở rộng đối với tổ chức và cá nhân nước ngoài, đặc biệt là ở khu vực các nước Campuchia, Trung Quốc. Theo đánh giá sơ bộ của cơ quan Thanh tra khoa học và công nghệ, hàng năm sản lượng nước mắm Phú Quốc chỉ đạt tối đa 15 triệu lít, nhưng có tới hàng trăm triệu lít nước mắm mang tên Phú Quốc tung ra thị trường. Hoặc Công ty Unilever Việt Nam có thời điểm bị thiệt hại do hàng nhái, hàng giả và buôn lậu lên tới hàng chục triệu USD, trong đó đã xác định được 90% hàng giả theo các nhãn hàng của Unilever là có xuất xứ từ nước ngoài.

Cũng theo các cơ quan thực thi pháp luật, nhóm tội phạm thuộc lĩnh vực SHTT có đặc điểm rất phức tạp vì chủ thể của tội phạm hầu hết là những người có điều kiện kinh tế, trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cao, am hiểu những lĩnh vực mình đang quản lý. Bên cạnh đó, sự bùng nổ của khoa học, công nghệ đã tạo nhiều thiết bị, công cụ, phương tiện phạm tội ngày càng tinh vi nên rất khó phát hiện. Các tội xâm phạm SHTT đã gây ra hoặc đe dọa

đến thiệt hại nền kinh tế của cả nước cũng như từng lĩnh vực, từng ngành, ảnh hưởng đến tài sản, sức khỏe và tính mạng con người, tác động đến với cả cộng đồng, triệt tiêu sức sáng tạo và khiến giới đầu tư e ngại.

3.1.3. Thực trạng xử lý vi phạm

Từ thực tiễn giải quyết các vụ việc vi phạm quyền SHTT cho thấy, hiện nay hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT rất đa dạng, từ mặt hàng có giá trị thấp đến mặt hàng có giá trị cao, từ mặt hàng đơn giản đến những mặt hàng có công nghệ cao, từ hàng hóa phục vụ sản xuất đến hàng tiêu dùng, giải trí. Hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT được sản xuất trong nước hoặc ở nước ngoài và đưa vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau. Vật tư, nguyên liệu, linh kiện để sản xuất hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT thường không đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc an toàn, không có sự đầu tư về kỹ thuật và công nghệ để nâng cao giá trị sản phẩm, địa điểm sản xuất thường không đảm bảo vệ sinh công nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm và sử dụng lại bao bì cũ của hàng chính hãng làm cho người tiêu dùng khó nhận biết, phân biệt giữa hàng chính hãng và hàng giả. Hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền SHTT thường được tiêu thụ ở các địa điểm, khu vực, trung tâm, cửa hàng buôn bán hàng hóa, ở cả thành thị, nông thôn, vùng sâu vùng xa. Các mặt hàng vi phạm nhiều nhất phải kể đến như: dược phẩm, mỹ phẩm, hàng may mặc, thời trang, thực phẩm cho người và động vật, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các mặt hàng điện tử... Các tỉnh, thành phố có nhiều hàng hóa vi phạm quyền SHTT nhiều chủ yếu là ở các tỉnh, thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Lạng sơn...

3.2. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THỰC TRẠNG XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ NGÀY Càng GIA TĂNG

Qua thực tiễn giải quyết các vụ việc liên quan đến hành vi vi phạm quyền SHTT nói chung và hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng, tác giả nhận thấy có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tình trạng vi phạm quyền SHTT, dưới đây là một số nguyên nhân chủ yếu:

Do mục đích lợi nhuận từ loại hàng hóa giả mạo về SHTT: Thực tế cho thấy lợi nhuận thu được từ việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT là rất cao vì chủ thể vi phạm không mất vốn đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất, chi phí quảng bá, tiếp thị sản phẩm, không mất chi phí đăng ký, kiểm định chất lượng sản phẩm,... nên lợi nhuận thu được từ mặt hàng xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT cao hơn lợi nhuận thu được từ hàng thật rất nhiều lần. Qua kiểm định của các cơ quan chức năng, giá trị của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT chỉ bằng khoảng 30-40% so với chất lượng của mặt hàng chính hãng, thậm chí đối với hàng hóa giả mạo về SHTT thì đôi khi còn thấp hơn hoặc không có giá trị sử dụng. Chủ thể sản xuất ra loại mặt hàng xâm phạm quyền SHTT, hoặc hàng hóa giả mạo về SHTT chỉ phải bỏ ra một khoản chi phí bằng khoảng 1/10 chi phí để sản xuất là loại mặt hàng chính hàng cùng loại. Chính vì lợi nhuận thu được từ các mặt hàng xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT cao như vậy nên nó có sức hút, lôi kéo được nhiều đối tượng tham gia, kể cả những người lao động và các tổ chức doanh nghiệp trên nhiều địa bàn và nhiều lĩnh vực khác nhau tham gia.

Do các chủ sở hữu quyền SHTT chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của tài sản SHTT: Trên thực tế, có rất nhiều doanh nghiệp chưa thực sự chú ý đến việc bảo vệ quyền lợi của mình, chưa có ý thức cao trong việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, trong khi trình độ và hiểu biết về tác hại của xâm phạm SHTT đối với sức khỏe, lợi ích của cộng đồng còn rất hạn chế. Hiện nay rất ít doanh nghiệp có bộ phận chuyên chăm lo về SHTT, hầu như chưa có doanh nghiệp nào có chiến lược về SHTT, coi vấn đề SHTT là bộ phận trong chiến lược phát triển của mình. Tài sản trí tuệ chưa trở thành đối tượng quản lý như quản lý tài sản thông thường. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp đã chú trọng vào việc xây dựng thương hiệu, KDCN, tên gọi, chất lượng hàng hóa nhưng lại quên mất khâu đăng ký bảo hộ nhãn hiệu của mình ở những khu vực thị trường đã và sẽ phát triển. Nhiều doanh nghiệp

chưa có ý thức trong việc phát hiện và ngăn ngừa việc làm giả các sản phẩm của mình, chưa chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, kiểm soát. Có những doanh nghiệp do sợ bị ảnh hưởng đến doanh số và mức tiêu thụ sản phẩm, không dám công khai về sản phẩm bị làm giả. Có những sản phẩm làm giả tinh vi đến mức chính doanh nghiệp sản xuất cũng không phát hiện được, đến khi biết, tuy có một số biện pháp khắc phục nhưng không đáng kể, coi như chấp nhận sống chung với hàng giả.

Do hệ thống các quy định của pháp luật về lĩnh vực SHTT còn chưa đồng bộ: Hiện tại hệ thống các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực SHTT và các quy định liên quan đến việc xử lý hành vi vi phạm quyền SHTT nói chung còn nằm rải rác trong quá nhiều văn bản, như: Bộ luật Dân sự, BLTTDS năm 2003, được sửa đổi và bổ sung năm 2011, Luật xử lý vi phạm hành chính, BLHS năm 1999, được sửa đổi và bổ sung năm 2009, Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000, Pháp lệnh Giống cây trồng năm 2004, BLTTHS năm 2003, luật Hải quan năm 2002, Luật SHTT năm 2005, sửa đổi năm 2009 và một loạt các văn bản pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực SHTT... nên chính điều này cũng gián tiếp gây ảnh hưởng đến việc tìm hiểu các quy định của pháp luật của các chủ thể có nhu cầu, có nhiều chủ thể chỉ biết được hành vi của mình là hành vi xâm phạm quyền SHTT khi bị các cơ quan chức năng xử lý. Trong khi đó, những quy định về SHTT và hành vi xâm phạm quyền SHTT lại chưa thật đầy đủ, chưa đồng bộ, đặc biệt là những quy định về các biện pháp và chế tài xử lý mới chủ yếu dừng ở các hình thức xử lý hành chính, chưa phù hợp với tình hình thực tế, chưa đủ sức răn đe đối tượng vi phạm. Chế tài về hình sự chỉ được áp dụng với cá nhân, trong khi nhóm tội về SHTT chủ yếu là do tổ chức thực hiện, vì vậy, không thể truy cứu trách nhiệm hình sự với pháp nhân được.

Do ảnh hưởng từ quá trình hội nhập kinh tế: Trong quá trình hội nhập, ngoài những tác động tích cực góp phần làm nên những kết quả đáng kể trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, còn phát sinh những yếu tố tiêu cực xâm nhập vào nền kinh tế nhiều thành phần với tính cạnh tranh cao và

diễn biến phức tạp của nước ta. Các mặt hàng nội địa tuy đa dạng, phong phú và có cải tiến nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cho người tiêu dùng, nhất là trong điều kiện thu nhập bình quân thấp, giá hàng hóa sản phẩm phục vụ sinh hoạt cao tạo nên sự bất cân đối. Vì vậy, nhiều người tiêu dùng ưa lựa chọn những sản phẩm giả nhưng mẫu mã, KDCN như thật mà lại có giá bán thấp. Lợi dụng tình trạng này, không ít doanh nghiệp thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, thiếu sự tôn trọng người tiêu dùng, vì mục tiêu lợi nhuận sẵn sàng làm giả, làm nhái những sản phẩm được bảo hộ có uy tín, chất lượng, kiểu dáng để gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng. Vì vậy, việc sao chụp, mô phỏng, làm nhái các sản phẩm của nhau để giành giật thị trường trở thành hiện tượng phổ biến. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sản xuất, buôn bán hàng giả và xâm phạm SHTT tồn tại và ngày càng mở rộng quy mô hoạt động.

Do các cơ quan có trách nhiệm đấu tranh với các hành vi xâm phạm quyền SHTT còn thiếu đồng bộ và chồng chéo: Hiện nay có tới 6 loại cơ quan như là: Ủy ban nhân dân các cấp, Thanh tra khoa học và công nghệ, Thanh tra văn hóa, cảnh sát kinh tế, quản lý thị trường, hải quan, cùng có thẩm quyền xử phạt vi phạm. Theo thông lệ ở các nước trên thế giới thì Tòa án phải đóng vai trò rất quan trọng trong việc xử lý các vi phạm về SHTT, nhưng ở Việt Nam thì ngược lại, vai trò của Tòa án rất mờ nhạt so với các cơ quan hành chính. Mỗi năm có tới hàng nghìn vụ vi phạm SHTT được xử lý bởi các cơ quan hành chính, nhưng số vụ được đưa ra xét xử tại Tòa án lại không quá 10 trường hợp. Chưa kể, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của phần lớn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật còn hạn chế, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến SHTT, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, công nghệ máy tính...

3.3. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG ĐÓ BAO GỒM CẢ NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA GIẢ MẠO VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Do thực trạng sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung và hàng hóa giả mạo về SHTT ngày càng gia tăng cả về số lượng

vụ việc vi phạm, quy mô vi phạm và tính chất vi phạm ngày càng nghiêm trọng mà một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng nêu trên có một phần liên quan đến hệ thống pháp luật về SHTT chưa hoàn thiện, năng lực giải quyết các vụ việc xâm phạm quyền SHTT của các cơ quan thực thi còn chưa tốt. Ngoài ra, qua thực tiễn nghiên cứu và giải quyết các vụ việc liên quan đến vi phạm quyền SHTT, tác giả nhận thấy, hàng hóa giả mạo về SHTT là một bộ phận của hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung, việc xác định rõ hai loại hàng hóa xâm phạm quyền SHTT và hàng hóa giả mạo về SHTT còn có những khó khăn nhưng là rất quan trọng và cần thiết vì nó có thể dẫn đến việc áp dụng các biện pháp pháp lý, hoặc chế tài xử lý khác nhau. Để các chủ thể quyền SHTT có thể bảo vệ một cách tốt nhất các quyền SHTT của mình cũng như các cơ quan chức năng có thể xử lý đúng với tính chất của vụ việc vi phạm, trong luận văn này, tác giả đề xuất một số kiến nghị dưới đây:

3.3.1. Kiến nghị thứ nhất, cần có những quy định cụ thể hơn về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Qua thực tiễn nghiên cứu và giải quyết một số vụ việc liên quan đến hành vi vi phạm quyền SHTT, tác giả nhận thấy có một số trường hợp rất khó xác định chính xác đâu là hàng hóa giả mạo về SHTT, và đâu là hàng hóa xâm phạm quyền SHTT do đó, cần có những quy định cụ thể hơn về các loại hàng hóa này, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần có hướng dẫn cụ thể hơn trong Nghị định của Chính phủ hoặc Thông tư của Bộ văn hóa thể thao và du lịch về loại hàng hóa bị sao chép lậu một phần hoặc sao chép toàn bộ từ tác phẩm gốc và hàng hóa bị sao chép một phần hoặc toàn bộ từ tác phẩm gốc khác. Thống nhất sử dụng thuật ngữ sao chép lậu và sao chép trái phép. Nếu coi đây là hai hành vi xâm phạm khác nhau thì cần có hướng dẫn, quy định cụ thể hơn để phân biệt hai hành vi này.

Thứ hai, cần có những quy định cụ thể hơn như đưa ra các cơ sở, tiêu chí để xác định đánh giá, xác định việc sao chép một phần. Theo tác giả, những tác phẩm được thể hiện dưới dạng chữ viết như tác phẩm văn học, khoa học, sách

giáo khoa, giáo trình...; tác phẩm báo chí...thì việc xác định sao chép một phần đối với những tác phẩm này là không khó. Tuy nhiên, đối với những loại hình tác phẩm khác như tác phẩm tạo hình, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng...thì việc xác định thế nào là sao chép một phần là không hề đơn giản. Theo tác giả, với loại hình tác phẩm trên, sẽ coi là bị sao chép một phần nếu phần bị sao chép đó là phần quan trọng của "tác phẩm gốc" để thuận tiện cho việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Thứ ba, cần có hướng hướng cụ thể hơn về tiêu chí đánh giá yếu tố "dấu hiệu khó phân biệt về mặt tổng thể..." trong quy định của hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý quy định tại Điều 213, Luật SHTT và yếu tố "dấu hiệu tương tự đến mức gây nhầm lẫn..." quy định tại Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi, trong quy định về hàng hóa xâm phạm quyền SHTT về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý để tạo thuận lợi cho việc áp dụng chế tài và biện pháp xử lý.

3.3.2. Kiến nghị thứ hai, cần có hướng dẫn về việc bãi bỏ điều kiện gửi thư cảnh báo đến bên có hành vi vi phạm trong nghị định hoặc thông tư

Hiện nay, theo Luật SHTT sửa đổi năm 2009, quy định về điều kiện gửi thư thông báo của chủ thể quyền SHTT cho đối tượng vi phạm đã bị hủy bỏ, theo đó, khi phát hiện ra hành vi xâm phạm quyền SHTT, chủ thể quyền SHTT có quyền yêu cầu các cơ quan thực thi pháp luật xử lý ngay nhưng hiện nay quy định này vẫn chưa được các văn bản hướng dẫn luật quy định một cách cụ thể nên cần được chi tiết hoá cũng như hướng dẫn thi hành trong văn bản Nghị định hoặc Thông tư nhằm tạo điều cho các chủ thể quyền SHTT cũng như các cơ quan thực thi pháp luật năm được sự thay đổi nói trên về quy trình xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT.

3.3.3. Kiến nghị thứ ba, cần có những quy định cụ thể hơn nữa trong việc xác định thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra

Trước khi Luật SHTT năm 2005 được ban hành, hầu như không có văn bản nào quy định về các căn cứ pháp lý để xác định mức bồi thường thiệt

hại do xâm phạm quyền SHTT. Do đó, đại đa số các trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại của mình hoặc xác định không chính xác mức bồi thường thiệt hại và không được Tòa án chấp nhận. Luật SHTT được ban hành đã bổ sung các quy định quan trọng về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT (Điều 204) và căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT (Điều 205), tuy nhiên do tính chất đặc thù của loại tài sản quyền SHTT nên nhiều trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại hoặc xác định không đầy đủ về những thiệt hại đã xảy ra trên thực tế (có thể nhiều hơn hoặc ít hơn thiệt hại thực tế xảy ra). Các căn cứ để xác định thiệt hại về vật chất như mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại hoặc các thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, giống cây trồng theo quy định của Luật SHTT trên thực tế là rất khó để xác định một cách chính xác và đầy đủ. Do vậy, khi giải quyết những vấn đề này Tòa án đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc xác định thiệt hại để có được phán quyết chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

3.3.4. Kiến nghị thứ tư, quy định trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan thực thi pháp luật

Theo các chuyên gia về SHTT, bất cập khá rõ trong thực thi quyền SHTT hiện nay là thiếu sự phối hợp xử lý giữa các cơ quan được giao trách nhiệm bảo đảm thực thi về SHTT là Tòa án, Quản lý thị trường, Thanh tra (văn hóa, thể thao và du lịch, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ); Công an; Hải quan; Ủy ban nhân dân các cấp. Mặc dù thẩm quyền của mỗi cơ quan đã được quy định rõ trong Luật SHTT Nghị định số 97/2010/NĐ-CP trước đây và hiện nay được thay thế bằng Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, TT số 37/2011/NĐ-CP và một số văn bản khác có liên quan,

nhưng trên thực tế khi áp dụng các quy định về thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm của các cơ quan này vào một số vụ việc trên thực tế nó vẫn còn gây ra những khó khăn vì bị chông chéo, cụ thể theo quy định hiện hành, cơ quan Thanh tra chuyên ngành về khoa học công nghệ, hoặc Thanh tra chuyên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc cấp Trung ương có thẩm quyền xử lý tất cả các loại hành vi xâm phạm quyền SHTT thuộc ngành mình quản lý trên phạm vi cả nước. Trong khi đó, Ủy ban nhân dân các cấp cũng có thẩm quyền xử phạt tất cả các loại hành vi xâm phạm quyền SHTT trên địa bàn của cấp mình quản lý nên ở một số vụ việc đã nảy sinh sự chông chéo khi áp dụng pháp luật. Thực tế này không chỉ khiến các chủ thể quyền SHTT lúng túng khi muốn liên lạc mà còn khiến các cơ quan này nảy sinh tâm lý đùn đẩy, chờ đợi nhau hoặc mạnh ai nấy làm.

3.3.5. Kiến nghị thứ năm, cần thành lập Tòa án chuyên trách về sở hữu trí tuệ

Theo tìm hiểu của tác giả, hiện nay ở các quốc gia như Anh, Mỹ, Pháp, Malaysia, Singapore... đã có Tòa án chuyên trách để xử lý về các tranh chấp về lĩnh vực SHTT và ở các quốc gia này các tranh chấp về SHTT chủ yếu được các chủ thể quyền SHTT đưa ra Tòa án để xử lý. Trong khi đó, mặc dù trong thời gian qua ngành Tòa án cũng đã có sự quan tâm đúng mức đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp Luật SHTT cho đội ngũ cán bộ Thẩm phán, song do tính phức tạp và đa dạng của các tranh chấp về quyền SHTT nên một số Thẩm phán vẫn gặp không ít khó khăn trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền SHTT, đặc biệt là các vụ án tranh chấp về quyền tác giả, nhãn hiệu và KDCN... vì chưa đủ trình độ chuyên sâu về SHTT để giải quyết. Để khắc phục được những yếu kém nêu trên, Nhà nước ta cần thành lập Tòa án chuyên trách về lĩnh vực SHTT qua đó giúp cho hệ thống Tòa án của Việt Nam có thể đáp ứng được những yêu cầu phát sinh từ những vụ việc giải quyết các tranh chấp về lĩnh vực SHTT.

KẾT LUẬN

Nạn sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung, hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng là một quốc nạn không chỉ riêng một quốc gia nào phải đối mặt và giải quyết, nó tồn tại ở hầu khắp các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Công cuộc đấu tranh chống tệ nạn sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT nói chung, hàng hóa giả mạo về SHTT nói riêng đòi hỏi tốn kém nhiều thời gian, công sức và chi phí cho cả các cơ quan thực thi pháp luật của nhà nước và cho cả các chủ thể quyền SHTT. Trong quá trình đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), chắc chắn, thực thi quyền SHTT cũng là một trong những cam kết mà Nhà nước ta đã cam kết sẽ thực hiện qua đó góp phần tạo ra một môi trường thật sự trong sạch và lành mạnh về SHTT cho các nhà đầu tư. Việc ban hành Luật SHTT năm 2005, và một loạt các văn bản dưới luật nhằm hướng dẫn thi hành luật này sau đó cũng đã được ban hành là một trong những cam kết đầu tiên mà nhà nước ta đã thực hiện thành công. Công việc tiếp đến mà nhà nước ta cần phải thực hiện đó là hoàn thiện hơn hệ thống các quy định của pháp luật về lĩnh vực SHTT để cùng với các chủ sở hữu và chủ sử dụng hợp pháp quyền SHTT có thể thực hiện thành công việc đấu tranh chống lại các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, hàng hóa giả mạo về SHTT.

Qua công tác thống kê cho thấy, hầu hết các tài sản SHTT thuộc về các doanh nghiệp. Theo đó, các doanh nghiệp cũng cần phải nâng cao kiến thức pháp luật về SHTT cũng như đánh giá đúng được vai trò và tầm quan trọng của loại tài sản SHTT để có kế hoạch và các biện pháp thích hợp để bảo vệ một cách tốt nhất các quyền SHTT của mình, tránh bị các chủ thể khác lợi dụng. Trong trường hợp phát hiện ra có hành vi xâm phạm quyền SHTT, thì các doanh nghiệp cũng cần phải tích cực và chủ động đấu tranh để có thể xử lý triệt để và kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về quyền SHTT.

Hành vi xâm phạm quyền SHTT không chỉ làm thiệt hại cho chủ sở hữu mà còn gây thiệt hại cho hàng hoá các nhà sản xuất, người tiêu dùng và cho nền kinh tế của một quốc gia. Do đó, bên cạnh các cơ quan nhà nước cùng như các chủ sở hữu và người sử dụng hợp pháp quyền SHTT, thì người tiêu dùng cũng cần nâng cao ý thức trách nhiệm của mình trong việc phát hiện và tố cáo kịp thời các hành vi vi phạm quyền SHTT qua đó cũng góp phần chung sức cùng với các cơ quan nhà nước, các chủ thể quyền SHTT có thể tạo ra một môi trường kinh doanh thật sự lành mạnh về SHTT.

Do SHTT chưa phải là nội dung có lịch sử lâu dài ở Việt Nam và Việt Nam cũng là một quốc gia có nền kinh tế đang phát triển nên việc phải đối mặt với nạn sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền SHTT, hàng hoá mạo danh về SHTT cũng là một vấn đề buộc phải đối mặt để giải quyết. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài này làm luận văn tốt nghiệp, tác giả mong muốn sẽ góp một phần nhỏ bé vào công việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT để đưa đất nước Việt Nam có thể đáp ứng nhu cầu của quá trình hội nhập và những đòi hỏi của tình hình hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Cùng với các lĩnh vực khác của nền kinh tế, đối với lĩnh vực SHTT Việt Nam vẫn đang trong bối cảnh từng bước cố gắng để hội nhập với nền kinh tế toàn cầu. Do vậy, việc xây dựng thành công một hệ thống pháp Luật SHTT thực sự hoàn thiện cũng như thực thi tốt các quyền SHTT của các chủ thể quyền SHTT là một nhiệm vụ không hề đơn giản, đòi hỏi phải có thời gian cũng như sự đúc rút kinh nghiệm từng bước. Mặc dù tác giả đã cố gắng hết sức để luận văn của mình có thể được hoàn thành một cách tốt nhất nhưng chắc chắn luận văn này không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Do vậy, tác giả luận văn mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia... để luận văn có thể được hoàn thiện tốt hơn cũng như có những định hướng mới cho những công trình nghiên cứu tiếp theo của tác giả.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Quế Anh (2004), *Nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (1997), *Báo cáo số 1882/SHCN ngày 11/8/1997 về công tác chuẩn bị nội dung sở hữu trí tuệ trong phương án đàm phán để ký kết Hiệp định kinh tế thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và gia nhập tổ chức thương mại thế giới*, Hà Nội.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ (2007), *Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
4. Bộ Khoa học và Công nghệ (2011), *Thông tư số 37/2011/TT-BKHCN ngày 27/12/2011 hướng dẫn cụ thể một số nội dung liên quan đến việc thi hành một số điều của Nghị định 97/2010/NĐ-CP*, Hà Nội.
5. Bộ Khoa học và Công nghệ (2013), *Báo cáo của Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ tại "Hội thảo sở hữu trí tuệ, cạnh tranh và thực thi quyền sở hữu trí tuệ: kinh nghiệm của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia"*, Tổ chức ngày 4-5/6/2013 tại Hà Nội, Hà Nội.
6. Bộ Tài chính (2011), *Thông tư số 44/2011/TT-BTC ngày 01/4/2011 hướng dẫn về công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan*, Hà Nội.
7. Bộ Thương mại - Bộ Tài chính - Bộ Công an - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2000), *Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BTM- BTC- BCA-BKHCNMT ngày 27/4/2000 về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả*, Hà Nội.
8. Chính phủ (1996), *Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.

9. Chính phủ (1999), *Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2001), *Nghị định số 06/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 63/CP quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2006), *Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2006), *Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
13. Chính phủ (2006), *Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2009), *Nghị định số 47/2009/NĐ-CP ngày 13/05/2009 về xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan*, Hà Nội.
15. Chính phủ (2010), *Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2010), *Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2010), *Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
18. Chính phủ (2011), *Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/09/2011 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP quy định*

chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan, Hà Nội.

19. Chính phủ (2011), *Nghị định số 109/2011/NĐ-CP ngày 02/12/2011 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan 13/05/2009, Hà Nội.*
20. Chính phủ (2013), *Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, Hà Nội.*
21. Chính phủ (2013), *Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan, Hà Nội.*
22. Cục Bản quyền tác giả và Cục Sở hữu trí tuệ (2002), *Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập, Hà Nội.*
23. Cục Quản lý thị trường - Bộ Công thương (2008), *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 31/1999/CT-TTg về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả và hai năm thực hiện Chỉ thị 28/2008/CT-TTg về một số biện pháp cấp bách chống hàng giả, hàng kém chất lượng, Hà Nội.*
24. Cục Sở hữu trí tuệ (2000), *Hiệp định Việt Nam - Hoa Kỳ về thiết lập quan hệ quyền tác giả, ký ngày 27/06/1997, (Tài liệu dịch), Hà Nội.*
25. Cục Sở hữu trí tuệ (2000), *Hiệp định Việt Nam - Thụy Sĩ về sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, ký ngày 07/07/1999, (Tài liệu dịch), Hà Nội.*
26. Cục Sở hữu trí tuệ (2001), *Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, ký ngày 13/07/2000, (Tài liệu dịch), Hà Nội.*
27. Cục Sở hữu trí tuệ (2004), *Báo cáo Đề án hoàn thiện pháp luật về Sở hữu trí tuệ, Hà Nội.*
28. Cục Sở hữu trí tuệ (2004), *Quy định về sự bảo hộ nhãn hiệu, tên thương mại và hành vi cạnh tranh không lành mạnh của Campuchia, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.*
29. Cục Sở hữu trí tuệ (2004), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2004 và phương hướng hoạt động năm 2005, Hà Nội.*

30. Hà Hùng Cường (2002), "Một số suy nghĩ về thực trạng và định hướng phát triển pháp luật về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam", Kỷ yếu hội thảo: *Sở hữu trí tuệ ở Châu Á - thực trạng và định hướng phát triển*, Nhà Pháp luật Việt - Pháp, Hà Nội.
31. Japan Patent Office - Asia-Pacific Industrial Property Center - JIII (2000), *Cẩm nang về quyền sở hữu công nghiệp (Manual on industrial property rights)*, (bản dịch của Cục Sở hữu trí tuệ), Hà Nội.
32. Hội đồng Bộ trưởng (1991), *Nghị định số 140-HĐBT ngày 25/04/1991 quy định về việc kiểm tra, xử lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả*, Hà Nội.
33. Nguyễn Ngọc Minh (2004), "Tìm hiểu pháp luật quốc tế về sở hữu trí tuệ", Báo cáo tại Hội thảo khoa học: *Lý luận và thực tiễn trong đấu tranh chống hàng giả và đảm bảo thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
34. Michael P. Ryan (10/2002), "Những điều các nhà quản lý cần biết về pháp luật sở hữu trí tuệ, chính sách và chiến lược kinh doanh", Hội thảo khoa học: *Pháp luật chính sách và quản lý sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
35. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
36. Quốc hội (2001), *Luật Hải quan*, Hà Nội.
37. Quốc hội (2001), *Luật Cạnh tranh*, Hà Nội.
38. Quốc hội (2004), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội.
39. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
40. Quốc hội (2005), *Luật Sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
41. Quốc hội (2009), *Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
42. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2011), *Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
44. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
45. Stephane Passeri (2002), "Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Châu Á", Kỷ yếu hội thảo: *Sở hữu trí tuệ ở Châu Á - thực trạng và định hướng phát triển*, Nhà pháp luật Việt - Pháp, Hà Nội.

46. Đinh Văn Thanh, Nguyễn Thị Hằng (2004), *Nhãn hiệu hàng hóa trong pháp luật dân sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Tư pháp (2008), *Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 29/02/2008 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
48. Tòa án nhân dân tối cao- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tư pháp (2008), *Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT& DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
49. WIPO (1967), *Công ước Stockholm thành lập tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)*.
50. WIPO (1971), *Công ước Geneve về bảo hộ nhà xuất bản, ghi âm chống việc sao chép không được phép*.
51. WIPO (1971), *Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật*.
52. WIPO (1974), *Công ước Brussel về bảo hộ tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa*.
53. WIPO (1983), *Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp*.
54. WIPO (1989), *Nghị định thư Madrid về đăng ký quốc tế về nhãn hiệu*.
55. WIPO (1991), *Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế về nhãn hiệu*.
56. WIPO (1994), *Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)*.

TIẾNG ANH

57. Cristopher Heath (1998), *The development on protection of Intellectual Property in Vietnam*, Speech on the workshop of intellectual property enforcement, Hanoi.

58. G.P.S. Sargant - General Director of UK Patent Office (1999), *Role of intellectual property in economic growth*, Speech on the workshop of intellectual property protection, Hanoi.
59. Hitsamisu Arai (1999), *Intellectual property in the 20th century - Experience of Japan in creating the prosperity*, WIPO Publication, Geneva.
60. INTA (2005), *Trademark Law Handbook: Volume II - International*, INTA Publication,
61. Kamil Idris (2003), *Intellectual property - a power tool for economic growth*, WIPO Publication, Geneva.
62. Tony Samuel (2000), "Value of IP protection", *Managing IP*.
63. W. lesser (2001), Impact of intellectual property rights in TRIPS on economic activities of developing countries <http://www.wipo.int/about-ip/en/index.html>).
64. WIPO (2000), Madrid Agreement on registration of international trademark and Madrid Protocol relating to the Agreement: targets, main characteristics and advantages (<http://www.wipo.int/madrid/en/index.html>)
65. WIPO (2001), *WIPO intellectual property handbook, policy, law and use*, WIPO Publication, Geneva.